

TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

公餘捷記
CÔNG-DƯ TIỆP-KÝ

QUYỂN III

Tác-giả :

VŨ-PHƯƠNG-ĐỀ

Dịch-giả :

Tô-Nam NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

IN LẦN THỨ NHẤT

1962

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

DS

540

N 78

D

074

02

Hội-đồng duyệt sách :

Ô.Ô. ĐẠM-NGUYỄN *Thuyết-trình-viên*

TRẦN-TUẤN-KHẢI *Hội-viên*

PHẠM-NGỌC-KHUÊ *Hội-viên*

CÔNG - DƯ TIỆP - KÝ

QUYỀN III

黃 甲 同 公 沆

HOÀNG-GIÁP ĐỒNG-CÔNG-HÃNG

Ông Hăng người làng Ốc-dương 屋陽社 huyện Chí-linh 至靈縣, ngay lúc thơ ấu đã nổi tiếng là thần đồng! nhưng vẫn có tính ngang tàng, khi mới 14 tuổi đầu, đã vào tập ở trong trường Thái-học. Một hôm quan trường ra bài lấy đầu đề là «重修國子監賦 Trùng-Tu Quốc-Tử Giám Phú». Trong trường rất nhiều chú-sinh, ai cũng làm theo đề tài, riêng ông lại làm điệp thể (hai thể trùng điệp)? Bài phú của ông được xếp đứng đầu, nhưng quan Trường lại hỏi có sao lại làm điệp thể? Ông thưa rằng: bởi tại đầu bài có ra chữ Trùng, nên tôi mới làm trùng điệp. Đó tính khí ngang tàng của ông đại để như vậy.

Nguyên trước Trị-sở Thừa-Ty của tỉnh Hải-dương còn đóng tại xã Ốc-dương, một hôm ông vào trong nhà giải võ của Ty, đánh 3 hồi trống, các quan trong Ty ngờ có việc công, vội vã khăn áo chỉnh tề tới họp. Chẳng ngờ khi tới công đường chỉ thấy một cậu học trò, các quan ngạc nhiên hỏi vặn: Cớ sao lại dám đánh trống?

Ông đáp: Tôi đây là kẻ hàn-sĩ muốn đến để xin lương thực, vì sợ khó được gặp mặt, nên phải đánh trống để cho các vị tới nha, nhân tiện xin lương, chứ không có ý gì khác.

Quan Thừa-Ty hỏi: Nay anh đã tự xưng là học trò, vậy ta thử ra cho một câu đối, nếu anh đối được, ta sẽ cấp cho tiền gạo, bằng không đối được thì thôi.

Ông vội thưa ngay: vâng xin Ngài cứ ra, mà ra luôn cho 100 bài! chứ 1 đầu đề thì viết cũng chẳng thấm thía.

Thế rồi cả quan Thừa-Ty và 3 nhân-viên phụ thuộc, thay phiên nhau đề ra đầu đề, ông bèn cầm bút viết ngay, thành thử ra cũng không kịp; rồi sau một lát thì ông vịnh đủ cả 100 bài thơ, bài nào xem cũng đặc sắc. Mọi người lấy làm khâm phục, đem cấp cho 5 quan tiền và 1 thùng gạo; thế mới biết ông quả là một kỳ tài. Gần đây 100 bài thơ ấy vẫn còn truyền tụng, nhưng sau trải qua mấy cuộc binh hỏa, mới thất lạc đi, thực đáng tiếc vậy.

Theo lời truyền lại thì ông sinh trưởng trong một gia đình nghèo túng, phải ở gửi rề nhà một phú ông cùng làng để tiện ăn học. Nhưng ông tự cậy có tài, vẫn ôm chí hướng đứng đầu thiên hạ, cho nên lúc ấy người ta đã có câu rằng: 至靈榜眼非沆則埃 Chi-linh bảng nhãn phi Hăng thi Trĩ; vì thấy tài học của ông còn hơn Phạm-Công xa lắm, thế mà về sau ông chẳng

được đổ khôi nguyên, mà Phạm-Công thì lại đứng đầu thiên hạ, như vậy có phải là một câu sấm đó chăng?

Nhắc lại khoa trước mà ông bị hỏng, thì lại chính là cái khoa mà ông tin chắc thập phần, vì thế trước khi nộp quyền đi thi, ông đã xin với nhạc-gia cho mỗ 1 trâu để ăn khao trước, và hẹn người làng chặt tre làm sẵn cán cờ để sau nghinh đón ông về bái tổ.

Nhưng có ngờ đâu, thoát mới vào kỳ đệ nhất, ông kiêm trị cả 5 bài kinh, trong có một đề kinh thì hỏi về cả chương «Dinh dinh chi thanh-dăng chỉ vu cực 營營之青蠅止于棘», chương này về phần chú giải ông không nhớ kỹ, nên ông đành bỏ quyền trắng ra về. Lúc ấy ở lều bên cạnh có ông đồ gia thấy lạ hỏi có tại sao? ông cũng nói thực chứ không dấu diếm.

Ông già nghe xong bảo rằng : Nếu ông bỏ ra thì ai là người đáng mặt ở lại thi cử ? Tôi đây dấu rằng già nua lắm cầm, nhưng còn nhớ hết cả chương ; ông cứ ở lại làm bài, tôi sẽ đọc cho mà chép.

Ông nghe xong phải áo đứng dậy bảo ông già rằng : Nhẽ nào khôi-nguyên mà phải ăn cắp chữ của người khác, vừa nói vừa đảo bước đi, không thèm ngoài cở trở lại.

(Có thuyết nói rằng : Lúc ông gỡ lều ra về, thì em là Đồng-Đắc 同得 vội đến hỏi có tại sao ? ông bảo tôi không nhớ sách. Ông Đắc nói : Chương ấy em vẫn thuộc lòng, vậy xin anh cứ ở lại, em sẽ đọc cho mà nghe.

Ông tỏ vẻ bất bình đáp : Chú nhớ sách thì chú ở lại mà làm. Còn như tôi đây, tức là khôi nguyên thiên hạ, nhẽ nào lại đi ăn cắp chữ của chú ? Nói rồi ngảnh mặt đi ngay.)

Khi ra tới cửa trường, ông lại có ý nói lớn lên rằng : Ngờ, đầu chuyển này họ ra đầu bài hiểm quá ! Đề ta trở về đọc sách thêm 3 năm nữa, chừng ấy tha hồ cứ việc ra hiểm ta đâu có sợ.

Rồi cách mấy năm lại đến khoa thi, ông cũng xin với nhạc-gia mổ trâu ăn khao trước khi nộp quyền ứng thí. Ông nhạc đáp rằng : Sự thực tôi đây chẳng tiếc gì cậu, chỉ vì khoa trước làm thế thành ra bất lợi, vì thử khoa này lại làm như vậy, chỉ sợ người ta chê cười đó thôi.

Thấy nhạc-gia không thuận, ông bèn nói thẳng ngay rằng : Nếu không mổ trâu tôi quyết chẳng ra ứng thí ; rồi ông khoác áo ra đi đến xã Lôi-đồng 雷同社, đương đêm lên vào gheo vợ người khác, gia chủ bắt được toan giải lên quan, ông nhạc lại phải đem 60 quan tiền đến chuộc, rồi bắt dắc dĩ cũng phải chiều theo ý muốn của ông, cũng sai mổ bò để ăn khao trước...

Khoa này lúc mới vào kỳ đệ nhất, ông nói huênh-hoang lên rằng : Nếu quan trường nào ra được đầu bài mà Đồng-Hãng đây quên mất, thì mới là giỏi, thế rồi khoa ấy ông đỗ Tấn-sĩ.

Nhưng vì ông vốn cậy mình hay chữ, chẳng coi thiên hạ vào đâu, nhiều người sinh ra ác cảm, nên khoa này lúc vào đình thí, văn bài của ông nhẽ ra phải được đứng đầu, thế mà bị truất xuống hạng Nhị-giáp. Ông rất lấy làm bất mãn, đến hôm vinh qui, ngựa xe võng lọng, đón rước linh đình như thế, mà ông nhất định chỉ đi bộ hành. Khi về tới bến Triều-dương, sóng gió cuộn cuộn như vậy, ông cũng lội sang qua sông chứ chẳng ngồi đò, vì coi việc thi cử ấy là một mối hận suốt đời vậy.

Còn ông em tên là Đồng-Đắc, kẻ tài thì chẳng kịp ông, ngay sự học cũng lại mỗ mãng. Thế mà người vợ nhiều khi ở ngay trước mặt mẹ chồng, lại thường ngồi chung một chiếu với người chị dâu (vợ ông). Ông cụ thấy vậy bèn khuyên nhủ rằng : Người ta là vợ Tấn-sĩ, mình mới là vợ Tú-Tài, cớ sao dám ngồi ngang hàng ? Từ nay không được như thế nghe chưa ?

Mợ Tú bị cha chồng mắng nhiếc như vậy lấy làm phần uất, trở về nói ngay với chồng : Nếu cậu không chịu học thêm đề đồ đại-khoa, thì tôi không phải là vợ cậu nữa.

Cậu Tú nghe xong có ý hồ thẹn, đợi lúc vắng người, rồi mới hỏi khẽ anh rằng : Nay anh thử coi, như em có thể học thêm được nữa hay không ?

Ông đáp : Tiến-Sĩ như anh đây thì ít có lắm ! Còn

các ông Nghè trong triều thi cũng như chú đó thôi, chứ có hơn gì mà chú chả học ?

Cậu Tú thấy anh bảo vậy, quyết chí học thêm rồi sau cũng đỗ đại-khoa, anh em đều được vinh hiển, sự thực cũng do những lời nói khích của người vợ vậy.

Xét thấy văn chương của ông Thần-dồng kể ra rất nhiều, nhưng nay ta chỉ thấy còn có hai bài thơ phú (Trùng-Tu-Quốc-Tử-Giám) mà thôi, ngoài ra không thấy còn bài nào nữa.



東閣阮公春光

ĐÔNG-CÁC NGUYỄN-CÔNG XUÂN-QUANG

Ông vốn người làng Đột-linh 突嶺社 thuộc huyện Chí-linh 至靈縣, lúc nhỏ tư chất lỗ độn (tối dạ), nhưng rất chăm học, hễ đã học thuộc thì như chôn vào trong bụng không bao giờ quên, chăm học đến nỗi suốt cả ngày đêm không hề nghỉ miệng; mà tiếng thì to như tiếng chuông võ, khiến cho hàng xóm đều phải bịt tai. Trong nhà có một vườn cau, ông hay ngồi dựa gốc cau để học, vừa học, vừa gõ vào gốc làm cây cau bị chết khô. Chị gái thấy quá tàn khốc như vậy nên mới can rằng: Cậu ơi, người ta thường nói: «đất sỏi lại có chạch vàng, chứ đâu lại có lươn trắng mà Cậu học khổ học sở như vậy?» Bởi vì làng ấy tự cổ chí kim chưa hề có ai đỗ đạt, cho nên chị gái mới điều như vậy? Nhưng ông cũng chẳng vì thế mà sinh nản lòng, vẫn cứ một mực chuyên cần, rồi sau khi chất biến hoá dần dần, chỉ mấy năm sau thì đã trở nên một tay danh sĩ?

Thế rồi đến năm Quang-bửu (thời Mạc-phúc-Nguyên 1546 - 61) khoa thi năm kỷ vị (1559) ông đỗ Tấn-Sĩ, rồi lại trúng luôn Đông-Các. Đến ngày vinh-qui, trong bữa tiệc khao có riêng mâm cỗ đề thiết bà Chị; ngoài các món

thường, ông lại đặt thêm một con lươn trắng rất to lên trên rồi nói một cách lễ phép : Thưa Chị : những nơi đất sỏi thì chẳng có lươn (hay chạch), nhưng khi đã có thì nó lớn như thế này ; nói xong chị em trông mặt cả cười ! làm cho bữa tiệc thêm phần ý nhị biết mấy ? Ôi thánh nhân đã nói « Hữu-chí cánh-thành 有志竟成 » nghĩa là có chí thì nên ; như ông quả đúng với câu ấy vậy. Nay theo tục truyền thì bài phú « Thư-Trung-Túc » 書中粟 là bài của ông sáng tác, ngoài ra chẳng thấy sót lại bài nào thực đáng tiếc vậy ! (Thư trung túc là lúa gạo ở trong sách vở).



狀元范公維埃

TRANG-NGUYỄN PHẠM-CÔNG DUY-TRÍ

Ông người làng Hùng-Kê 雄溪社, huyện Chí-linh 至靈縣, thân phụ mất từ khi ông còn thơ ấu, chỉ nhờ ơn cùc dục của thân mẫu. Năm lên 8, 9 tuổi, thi gặp lúc ở xã Thanh-duy 青維社 thuộc huyện Siêu-loại 超類縣, có quan Thượng-Thư họ Nguyễn quý danh là Khắc-Kính 阮克敬, trong khi còn chưa đỗ đạt, mở trường dạy học ở làng, thân mẫu ông nghe tiếng đến hỏi : « Thiếp tôi có đưa con nhỏ muốn cho nhập học, xin thầy cho biết lễ vật thế nào ?

Tiên-sinh cười đáp : cái đó hậu bạc tùy tâm, chứ có lệ nào ?

Bà thưa : giá thử mở trâu có được hay không ? Vì nhà chúng tôi có sẵn một con trâu cày. Nhưng đối với việc nhập học rất là hệ trọng, vậy tôi xin mở thịt nó để tế Tiên-sư cho cháu nhập học mới phải. Tiên-sinh đáp : Thế thì hậu quá ! hậu quá !

Bà thấy Tiên-sinh nhận lời, vội trở về nhà giết trâu làm lễ đem đến lễ thánh, khi lễ xong rồi, Bà xin Tiên-

sinh đặt tên cho con và nói : Cháu đây họ Phạm tục tên là Trĩ 范埙, (bản chữ Hán viết chữ 埙 tra trong tự-điền không có), nhưng theo lệ của họ nhà cháu tên nào cũng có 3 chữ, mà lót chữ duy. Vậy xin Tiên-sinh liệu đặt cho cháu cái tên đềm đẹp một chút ?

Nguyên trước có lần Tiên-sinh mơ thấy mình đỗ, mà trông lên bảng thấy người được đỗ thứ nhất tên là Phạm-duy-Trĩ, sau khi tỉnh dậy ông bèn ghi lấy tính danh. Nhưng ông lại còn nghĩ thầm rằng : bao nhiêu văn-sĩ ngày nay mà mình quen biết, chẳng có tên ai như vậy. Chớ nên ông đã mượn nghề dạy học đi khắp đó đây để tìm xem có ai tên họ thế chẳng, nhưng vẫn chưa thấy. Hôm nay bỗng thấy Mẹ Cậu kể đến tên đó, thì ông rất đổi ngạc nhiên, rồi lại tự nghĩ : Nhẽ đâu mình lại cũng đỗ đồng khoa với đứa bé ấy sao ? Nếu vậy thì còn phải đợi đến năm nào. Nhưng rồi đến khi ông dạy Cậu học, thấy Cậu mình mẫn lạ thường, thì ông lại có ý mừng. Thôi, cái ngày đăng khoa của mình cũng chẳng muộn mấy.

Quả nhiên cách mấy năm sau, giữa khoa nhâm tuất (1562) niên hiệu Quang-Bửu nhà Mạc, thầy trò cùng đỗ cử-nhân. Lúc ấy Tiên-sinh đã có tuổi, nhưng khí vẫn còn mạnh như lúc thiếu niên, quyết chí tranh khôi đoạt giáp, cho nên hôm hai thầy trò cùng vào đình thí, Tiên-sinh bảo nhỏ Cậu rằng : Trạng-nguyên khoa này phải nhường phần thầy đấy nhé, cậu Trĩ cúi đầu dạ, dạ.....

Nhưng rồi một sự bất ngờ đưa tới, lúc vào đối sách ở trong sân rồng: «Tiên-sinh vừa mới chép xong đầu đề, thì bỗng nổi cơn đau bụng, kéo luôn mãi đến giờ Ngọ, không thể viết được câu nào. Bấy giờ Tiên-sinh mới nhớ lại giấc mộng năm xưa, đành phải ngửa mặt lên trời khẩn vái. Thôi, Trạng-nguyên khoa này tôi không dám tranh với Duy-Trĩ nữa ; vậy xin Thần linh phù hộ cho tôi khỏi bệnh để tôi làm cho xong quyền thế cũng đủ rồi.

Lạ thay ông vừa khẩn xong thì chứng đau bụng cũng biến đi mất, ông bèn vội vã viết cho đủ quyền đem nộp, rồi hôm truyền ló (xương loa), quả nhiên Phạm-Công được đỗ Trạng-nguyên, Duy-Thanh-Công thì đỗ Bảng-nhãn,

Coi đó ta thấy về sự vinh hoa tấn phát đều có số mạng nhất định, cho nên mới có những diềm báo trước như vậy? Huống chi thân mẫu của Trạng-nguyên Công là người có độ lượng cao xa, thì phần phúc quả ắt cũng cao lớn, chứ đâu phải là truyện ngẫu nhiên mà được.

Tục truyền rằng ông là học trò Trần-văn-Phạm công, 陳文範公. Trần-công vẫn đoán rằng thế nào học trò mình (tức Trạng-nguyên) cũng đỗ đại khoa, muốn chắc chắn hơn, Ngài lại tìm giúp cho một ngôi đất và bảo: cứ như kiểu đất này thì đến năm mùi nhất quyết sẽ chiếm khôi nguyên. Nói xong Ngài liền chỉ bảo cho cách diềm huyệt như thế như thế, rồi mới ra về.

Chẳng ngờ lúc Ngài về rồi, Phạm-Công lại mượn một ông thầy Tàu đến phân kim hộ. Thầy bèn đề trông hướng khác, chứ không theo lời Trần-Công.

Còn về Trần-Công thì Ngài vẫn tin ở môn địa lý của mình, cho nên sau khi điếm xong ngôi huyệt cho nhà Phạm-Công, Ngài thường nói với các bạn trong triều : Trạng-nguyên khoa này thế nào cũng lọt vào tay học trò của tôi tên là Duy-Trĩ đó.

Nhưng có ngờ đâu, khoa thi hội năm ấy Phạm-Công lại hỏng. Trần-Công thấy vậy tức bực vô cùng ; nhân khi được bổ ra làm quan ở ngoài, Ngài bèn về ngay quê nhà, tới chỗ ngôi mộ ngày trước, xét nhận chẳng thấy có gì khả nghi ; Ngài bèn hỏi lại Phạm-Công. Công lay tạ rồi xin thú thật. Bấy giờ Ngài bèn ngồi ngay ở mộ để ngắm phương hướng, rồi bảo Phạm-Công cầm cọc làm ghi đề cái táng lại. Táng xong Ngài bảo : Nếu theo đúng phương hướng này mà không ứng nghiệm thì ta đốt cả sách địa-lý đi, chứ đề làm gì cho nhằm lây đến người khác ? Quả nhiên năm ấy Phạm-Công được đỗ khôi nguyên ; đủ rõ Trần-Công là bực kỳ tài hiếm có vậy !

Xét kiểu đất này thuộc về cách quý ; long tự chữ Tân kéo đến, 9 khúc triều về trước mặt, huyệt kết tại nơi khe nhỏ nhất, lại có cái gò cao đứng cách trước mặt không xa, nên Ngài mới định trông ra hướng ấy để quyết khoa, còn ông thầy Tàu vì lập sai hướng, nên tuy đúng huyệt mà vẫn không phát, đủ hiểu rằng môn địa-

lý khó biết chừng nào, vả lại theo phép của Ngài thì mới phù hợp với câu sấm ký ngày trước là : « 雄溪之山東統科第有期 Hùng Khê chi sơn đông nhiều, khoa đệ hữu kỳ. Nghĩa là : Dãy núi Hùng-Khê bao bọc phía đông, thi đậu cầm vững . »

Lại có truyền ngôn rằng : Lúc ông còn nhỏ có người ra một vế đối như sau :

丈夫志氣相期勿以小嫌介意. Trượng phu chí khí tương kỳ, vật dĩ tiểu hiềm giới ý. Nghĩa là : Kẻ trượng phu chí khí hẹn hò, truyện nhỏ nhất đừng nên để ý. Câu trên tác giả chê ông có tính hay giận vặt, nên ông đối ngay lại rằng :

帝王施為氣象必有大過於人.

Đế vương thi vi khí tượng tất hữu đại quá ư nhân. Nghĩa là : Đấng vương giả, việc làm khí tượng phần cao cả ắt phải hơn đời. Coi đó ta thấy khoa danh sự nghiệp của ông cao hơn người đời đã hiện ở trong câu đối vậy.

Nhắc lại khi ông đã đỗ đạt rồi, thì gặp phải lúc quốc gia đa nạn, cho nên lúc ra làm quan chẳng được thanh nhàn, lúc thì phụng mạng đi tiếp sứ giả bên Tàu, lúc thì cầm quân đánh giặc, về sau làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang trước Hùng-khê-Hầu ; về phần văn chương chỉ còn thấy có 10 thiên thơ xướng họa với quan nhà Minh trong lúc hội khám biên giới mà thôi, còn ngoài ra thì đều thất lạc hết thấy.

尚書致仕泉郡公

THƯỢNG-THƯ TRÍ-SĨ TOÀN-QUẬN-CÔNG

Ông Nguyễn công-Phong 阮公澧 người ở thôn đông xã Kiệt-Đặc 傑特社 huyện Chí-linh 至靈縣. Nguyên Cụ Tam-đại ngày trước được sắc tặng phong là Càn-Ý-Hầu 度欽侯, khi mất táng tại chính giữa phía cửa sau thành, tương truyền là ngôi mộ phát tích, đến nay vẫn còn.

Thân phụ là vị Hương-Cống cũng được tặng phong Thái-Bửu, sinh hạ được 3 con trai, con trưởng làm chức Tri-huyện Gia-định, con út làm Tri-bạ, được phong chức Vệ-úy, con thứ hai tức là ông vậy.

Riêng ông lúc mới sinh trông rất đĩnh ngộ, khi lên 4 tuổi, nghe thấy các anh đọc sách thì đã thuộc lòng, cha thấy sáng dạ bèn đem sách của anh ra để dạy cho học, rồi khi lên 6 tuổi mới dạy văn chương âm luật; năm lên 8 đã biết làm văn, gặp ngày phụ thân bốc mộ gia-tiên, cụ bảo các anh làm bài văn tế Hậu-thờ, vì muốn thử tài của em, các anh bèn bảo ông làm, ông hơn hử cầm bút thảo ngay một bài như sau :

量坤與博厚, 稟兌氣鍾靈. (庚龍也).

包容體物, 正直聰明,

求之必應, 感以遂成.

茲因擇得此山，欲萬劫靈魂定宅。
設其金銀菲禮，買一區最勝地形。
邱后土鑿臨歆納，俾亡魂墳墓安寧。
後嗣享和平之福，子孫達卿相之榮。
家傳家，家繼家，猶存福慶，
相出將，將入相，惟賢挺生。
實賴土地之發福地。

Phiên âm

*Lượng khôn dư bác hậu. Bám đoài khí chung linh.
(cánh long đã)*

Bao dung thể vật? Chính trực thông minh.

Cầu chi tất ứng. Cảm dĩ toại thành.

Tư nhân trạch đắc thờ sơn, dực vạn kiếp linh hồn định trạch.

Thiết điện kim ngân phi lễ, mỗi nhật khu tòi thắng địa hình.

*Ngưỡng hậu thổ giám lâm hâm nạp, Tỉ vong hồn phần mộ
an ninh.*

*Hậu tự hưởng hòa bình chi phúc, Tỉ tôn đạt khanh tướng
chi vinh.*

Gia truyền gia, gia kẻ gia, do tôn phúc khánh.

Tướng xuất tướng, tướng nhập tướng, duy hiển đĩnh sinh.

Thực lại thổ địa chi phát phúc đã.

Dịch

*Đức khôn dày rộng, Khí đoài anh linh. (đây nói long từ
phương tây).*

Bao dung muôn vật, Chính trực thông minh.

Cầu đều thầy úng, Cảm đều thầy thành.

Nhân vì chọn được non này, làm chỗ linh hồn muôn
năm an nghỉ.

Vậy xin kính dâng lễ mọn, mua khu danh thắng một chỗ
địa hình.

Cúi mong hậu thổ soi xét, phù cho tiên tổ an ninh.

Ngày nay hưởng phúc ; mai hậu hiển vinh.

Truyền gia kẻ gia, lộc thêm đua nở.

Xuất tướng nhập tướng, tài được nối sinh.

Thực là nhờ nơi thổ địa phát phúc vậy.

Thảo xong bài văn tế trên, ông đưa cho phụ huynh xem, ai cũng khen ngợi, không sửa đổi một chữ nào, quả là một bậc thiên tài cho nên mới mãi tiếp đến thế ! Rồi năm 14 tuổi thì đỗ Hương-Tiến (cử nhân) nhưng tính chỉ thích ngao du sơn thủy, khắp 72 danh sơn thắng cảnh, chẳng có ngọn núi nào là chẳng có vết chân của ông, cho nên ông thường ngâm bài (愛山詩) Ái-sơn-thi có những câu rằng :

吾何愛？愛惟山。
不遠山河遠世間。
舉目有天雲色老。
挂頭滿地草花閒。
梅嘲曉日知春暖。
柏立冬風茂歲寒。
雷雨不遠填海志。
葉舟寧待泛長潮。

Phiên âm

*Ngô hà úi? Ái duy san.
Bắt viễn sơn hà, viễn thê gian.
Cử mục hữu thiên vân sắc lão.
Đài đầu mãn địa thảo hoa nhàn.
Mai chào hiều nhật tri xuân noãn.
Bách lập đông phong mậu tuê hàn.
Lôi vũ bắt mê điển hải chí.
Diệp chu ninh đái phiêm trường lan.*

Dịch

Yêu gì ? Ta yêu thanh san.
Chẳng lánh sơn hà, lánh thê gian ?
Mây móc trông lên gò ảm đạm.
Cỏ hoa nhìn xuống đất thanh nhàn.
Mai chào hiều rõ trong xuân ấm !
Tùng đứng, khôn lay giữa tuê hàn !
Tinh vệ chẳng sờn khi sấm sét ?
Cánh bướm còn đợi lướt ba lan ?

Năm 21 tuổi ông đỗ Tấn-sĩ giữa khoa Mậu Thìn, năm Thuận-phúc tứ niên triều nhà Mạc (1566), rồi lại trúng luôn kỳ thi vào Đông-Các, vẫn được ưu hạng, còn chép trong tập Hàn-Uyên, nay vẫn khảo thấy. Trong thời nhà Mạc, ông đã làm đến chức Lại-bộ Tả-Thị-Lang, khi nhà Mạc mất, ông cùng với quan Thượng-Thư đồng hương là

Nghiêm-sơn Hầu 嚴山侯 vào ẩn cư trong núi Huyền-đỉnh 懸釘山, nhân dân địa-phương sợ đề liên lụy đến mình, họ mời hai ông dọn đi nơi khác. Ông có làm bài thơ quốc-ngữ than thở như sau :

問未安另准'懸；
兒羅隱遠柯浪漂？

*Muốn cho an, lánh chốn nghèo ;
Nhẽ là ần dật há rằng phiêu ?*

Ý nói vì muốn an thân nên mới lánh chốn hiểm nghèo, nghĩa là đi ần dật, chứ chẳng phải là dân phiêu lưu. Rồi ông phát gai góc đề dựng mấy gian nhà tạm trú, hằng ngày cùng với Nghiêm-sơn Hầu lên núi Bảo-đức 保德山 du ngoạn, có hôm Nghiêm-Sơn buột miệng ngâm mấy câu rằng :

癸些翺天荒色, 女女毘施蹉蹉跳。

Cõi ta mở thiên hoang dã, nữa nữa con em nổi gót theo.

Ông họa lại rằng :

癸青雲些初初翺, 女女毘施仕蹉跳。 Cõi thanh vân ta sơ sơ mở, nữa nữa con em sẽ bước theo.

Nhân có mấy câu xương họa của hai ông trên đây, về sau người ta thấy cháu 4 đời của Nghiêm-Sơn là Nguyễn-đỉnh-Nghi 阮廷儀 lại đỗ Tấn-Sĩ, mà con cháu ông thì chưa có ai đỗ đạt, bởi thế người ta cho rằng: trong thơ của hai ông đã có ý nghĩa sớm muộn khác nhau, kẻ cũng nghiệm thực. Nhưng trong lúc ấy, hai ông

xương họa về thơ quốc âm rất nhiều, chắc là bị mất đi hết, nên không thấy sao lục lại đó thôi ?

Quang-Hung năm thứ 16 đời Lê-Thế-Tông (1596), Mạc-Khang-Hựu 莫康佑 chiếm đóng thành Phao-Sơn 抛山, Hoàng Thượng ngự giá thân chinh, ngày 10 tháng giêng, cho quận sang sông đánh phá, bắt được Tôn-thất và triều thần nhà Mạc rất nhiều.

Lúc ấy ông còn đương ẩn cư nơi cũ, môn đệ của ông là Nguyễn-công-Thực 阮公賚 tức là quan Thượng-Thư Văn-Điềm 雲括尚書 tiến cử ông lên với vua, vua sai người vào núi khuyên ông nên bỏ chỗ tối trở về chỗ sáng, bắt đắ dĩ ông phải phụng mạng, Triều-dinh thấy ông là người văn học, nên lại bỏ dụng theo như trước cũ.

(Xét thấy những việc trên đây không giống với quốc sử, nhưng theo sử-ký có lẽ phải hơn, và trong bản gia ký nói việc quan Thượng Văn-Điềm tiến cử ông, nên vua mới sai sứ đi triệu. Nhưng xét lại Quốc-sử, thì lúc ấy Văn-Điềm Công còn chưa đỗ đạt, nên cũng không thể khảo chứng được).

Rồi ông làm quan trải hai đời vua, đến năm Thịnh-Đức thứ 6 (1606), ông lấy chức Hình-Bộ Thượng-Thư được phong tước Tiệp-Sơn Hầu 美山侯, được đứng đầu ban trong triều.

Nguyên trước ông với phụ thân cùng đỗ Hương-Tiến, nhưng ông đỗ cao hơn, đến khi cùng vào dự yến, ông

cứ đứng nguyên chứ không dám ngồi, quan Khâm-Sai thấy lạ hỏi cớ tại sao? Ông thưa thực tình như thế. Quan bèn thay đổi thứ tự chỗ ngồi. Đến khi bỏ ra làm quan, chức ông lại ở trên cha, ông cũng khấn khoản xin từ, vì thế ngày nay Hoàng-thượng mới cho ông được đứng đầu ban; người ta bảo rằng: đó là hoàng thiên báo ứng cho người có lòng hiếu thuận vậy.

Nhắc lại trong khi ông đứng đầu ban tại triều, nhân cuộc tai biến, ông thăng thấn điều trần ra 8 mỗi tệ, được Hoàng-Thượng khen ngợi và ban hậu thưởng, rồi sau phụng mạng lên mãi cửa ải Nam-quan đón tiếp sứ Tàu, đến khi xong việc trở về, ông viện tuổi già đề xin trí-sĩ.

Sau khi trở lại cố viên, thì ông có đào một cái hồ ở sau nhà, giữa hồ có đắp nên một hòn đảo, trên đảo có cây có đá, và có dựng một am nhỏ để thưởng ngoạn trong lúc thanh nhàn, lúc ấy ông có vịnh bài thơ tả cảnh như sau :

一壺山水一茅庵
草木魚龍一二三
天下有天春不老
窓前尚記滿河南

Phiên Âm

*Nhật hồ sơn thủy nhật mao am,
Thảo mộc ngư long nhật nhị tam.
Thiên hạ hữu thiên xuân bất lão
Song tiền thượng ký mãn hà nam?*

Dịch

Non nước am mây cũng một tòa.
Ngư long cây cỏ một vài ba
Dưới giời, giời nữa xuân xanh mãi ?
Còn nhớ song nam cảnh nhị-hà ?

Ông về hưu mấy năm thì mất, hưởng thọ 83 tuổi, trong đời làm quan trải qua những chức Lễ-bộ Thượng-thư, Đông-Các học-sĩ, Quốc-tử-Giám, Tế-Tửu, Thiếu-bảo Tuyền Quận-công.

Nhận thấy như ông, văn học có thừa, thế mà tay vẫn không rời quyển sách, vì thế lúc ấy mới có câu rằng: «Ông Triền, ông Độc, còn học làm chi» 翁塵翁獨 Triền là tên Công-Hãng 公沆, Độc là tên ông, ông làm văn rất mau. Chỉ trong chốc lát đã xong một bài, hễ cầm bút là viết thao thao, phú làm hai bài cũng chưa khan chữ ! nhiều người danh giá và các học trò, thường hay đón ở dọc đường đề xin thơ phú, ông bảo theo cả về nhà rồi ông đọc cho mà chép. Lúc ấy có một sĩ-tử xin một bài phú đầu đề là « Quang-võ dục mã phú 光武躍馬賦 », ông làm xong một thẻ, nhưng lại cho là tầm thường, chưa được vừa ý, rồi lại thảo luôn cho một thẻ nữa và bảo : thẻ này mới thực khoái hoạt. Gần đây hai thẻ vẫn còn. Thẻ trước, ông phê hai chữ « bình nhã 平雅 » nghĩa là tao nhã nhưng bình thường. Thẻ sau ông phê hai chữ « minh khoái 明快 », nghĩa là : sáng sủa khoái hoạt, nhưng nay đều thất lạc cả. Tiếc thay !

Nói tóm lại trong đời văn chương của ông sáng tác rất nhiều, như bài văn tế kỳ phước, từ buổi bắt đầu đến khi tạ lễ, bài nào lời lẽ cũng hay, khiến cho các bậc Tấn-sĩ trong làng cũng khó thêm bớt được lấy một chữ! nhưng nay cũng mất cả rồi, chỉ còn thấy có mấy bài ở trong Hàn-uyên tập và Kỳ-anh tập, cùng hơn 10 bài thơ mừng Đạo-phái Hầu 道派侯 sang sứ Bắc quốc, lời văn thực là điền nhã. Than ôi! ông quả xứng đáng là bậc danh nho của một thời đại vậy!

Ngày nay xét lại sự tích của ông, trước kia cũng có gia phả, vì trải bao cuộc binh đao nên đã mất hết. Ta sợ tiếng thơm của bậc hiền triết ngày xưa, lâu ngày sẽ bị mai một, nhân có hỏi lại người cháu xa đời của ông, thuật được đại khái như thế, và phụ thêm vào những truyện được nghe trong lúc ngày thường, đề chép lại đây, ngõ hầu giữ được một phần trong trăm ngàn phần, còn mong các bậc thức giả sẽ khảo sát thêm vậy.

Bài số 22

Giải nghĩa

Câu 1: *Ngô*: ta, *hà*: cái gì, *Ái*: yêu, *Ái*: yêu, *duy*: chỉ có, *San*: núi. Ta yêu gì? Chỉ yêu núi.

Câu 2: *Bắt*: chẳng, *viễn*: xa, *Sơn hà*: núi sông, *viễn*: xa, *thê-gian*: quãng đời. Chẳng lánh xa núi sông mà chỉ lánh xa người đời đó thôi.

Câu 3: *Cử-mục*: ngược mắt trông lên, *hữu-thiên*: có trời,

vân: mây, *sắc*: màu sắc, *lão*: già, âm đạm. Ngước mắt trông lên gòai thấy có màu âm đạm của mây.

Câu 4: *Đài đầu*: cột đầu dầy, *mãn địa*: đầy đất, *thảo hoa*: cỏ cây, *nhàn*: nhàn. Quay đầu trông xuống thấy cỏ hoa đầy đất vẫn sòng an nhàn.

Câu 5: *Mai*: hoa mai, *chào*: trêu cợt, *hiều*: sớm, *nhật*: ngày, *tri*: biết, *xuân-noãn*: khí xuân ấm áp. Thấy hoa mai hàm tiếu lúc sáng sớm, thì biết rằng khí hậu sang xuân.

Câu 6: *Bá*: cây Bách-diệp, *lập*: đứng, *đông*: phương đông, *phong*: gió, *mậu*: tươi tốt, *tuê*: năm, *hàn*: rét. Thấy cây Tùng cây Bách đứng ngạo nghễ với gió đông, gặp năm rét giá mà nó vẫn tốt tươi.

Câu 7: *Lôi*: sấm sét, *bắt*: chằng, *mê*: mê hoàng, *diễn*: lầy, *hải*: bề, *chí*: Ý chí. Người cũng cứng cỏi như tùng bách, nên gặp cơn sấm sét mà chí lầy bề vẫn chằng hoang mang.

Câu 8: *Diệp*: lá, *chu*: thuyền, *ninh đái*: sao còn đợi, *phiêm*: bơi, *tràng*: dài, *lan*: lớp sóng. Một con thuyền nhỏ có sao còn đợi lúc vượt qua lớp sóng dài.

Bài số 23

Giải nghĩa

Câu 1: *Nhật hồ*: một bầu, *Sơn thủy*: non nước, *Nhật*:

một, *mao* : cỏ, *am* : lều, chùa. Riêng một bầu non nước với một thảo am.

Câu 2: *Thảo* : cỏ, *mộc* : cây, *ngư* : cá, *long* : rồng, *nhật nhị tam* : một hai ba. Trong cảnh thảo am đây cũng có một vài ba thứ cây, cỏ, cá, rồng.

Câu 3: *Thiên* : giờ, *hạ* : dưới, *hữu* : có, *thiên* : giờ, *xuân* : mùa xuân, *bất lão* : chẳng già. Dưới giờ lại chiêm riêng một bầu giờ, mà xuân vẫn trẻ mãi.

Câu 4: *Song* : cửa sổ, *tiền* : trước, *thượng* : còn, *ký* : nhớ, *mãn* : đầy, *hà* : sông, *nam* : phương nam. Trước cửa sổ hãy còn nhớ cái cảnh xuân tràn ngập cả phía nam đại hà.



楊公存

DƯƠNG-CÔNG-TỒN

Ông Dương-công-Tồn người xã Lục-Dương 綠揚社 huyện Chí-linh 至靈縣 về văn học đáng được người đời suy tôn làm thầy. Ông lại sở trường nhất về thể phú, nên người thời ấy đã có câu rằng: *Đảo dạng như phú Dương-Tồn* «妙揚如賦揚存»; và cả đến quan Học-sĩ trong triều cũng đề vào tập phú của ông những chữ: *Phụ nhân đồng tử giai tri kỳ danh* «婦人童子皆知其名», nghĩa là: Đàn bà con nít cũng đều biết tiếng.

Ông đỗ Hương-Cống trong thời nhà Mạc, nhưng gặp lúc loạn không muốn làm quan, rồi lánh vào tỉnh Nghệ-An 乂安 mở trường dạy học ở huyện Quỳnh-Lưu 瓊瑤, nhân tiện làm nhà ở luôn tại đấy.

Nói về địa thế huyện này: phía bắc giáp với Mán Lèo, thổ dân đều không biết chữ, thế mà sau khi ông vào dạy học, thì có học trò là Hồ-Sĩ-Dương 胡士陽 ở Hoàn-Hậu 完厚, đã đỗ khai khoa, làm quan nhà Mạc, từ đấy văn phong càng ngày càng thêm chấn hưng, khoa danh nối tiếp mãi mãi. Vì thế huyện hạt nhớ ơn lập đền thờ, và tôn ông là bậc Hương-Tiên-hiền, con cháu được miễn hết cả phu dãi tạp dịch, đền đó tới nay vẫn còn.

Nhưng ông có một tính rất lạ, vì đường văn học có

thừa, đã chẳng muốn ra làm quan, lại mỗi lần gặp khoa thi hương, tất nhiên ông vào thi giúp, có lần bị bắt. Lúc ấy Hồ-Công hiện đương làm quan tại Triều, can ngăn thế nào ông cũng chẳng nghe, vì ông cho là một việc làm tiêu khiển cho đỡ buồn vậy.

Theo truyền ngôn, ông lại hiểu cả về môn thuật số, mà tinh nhất là môn kham-dư (địa-lý); ông thường đi chu du khắp cả trong nước tìm đất để mộ cho người, tới đâu ông cũng lấy vợ ở đó, người ta gọi là ông thầy « Ngũ-phương » 五方師. Những huyệt ông điếm phần nhiều cũng phát đạt cả. (Tức như ngôi mộ nhà họ Võ ở huyện Phụng-Nhãn xã Trạm-diền 鳳眼縣湛田社 kết phát trông thấy hiển nhiên).

Thời ấy Chúa thượng đương muốn dựng ngôi phủ đường, Hồ-Công tiến cử ông vào lập hướng, lập hướng xong thì vừa gặp tết Đoan-dương, bao nhiêu lễ vật của thiên hạ đem vào tiến chúa, Chúa đều ban hết cho ông, rồi Ngài hạ lệnh cho Văn-Quận-Công ở Trạm-diền bắt thuyền đưa đến tận nhà, vì Ngài cho rằng : hễ nhà đã giàu thì không xâm phạm đến người khác; coi đó đủ biết rằng Ngài trọng vọng ông đến như thế nào.

Ngoài ra ông lại còn giỏi cả về binh pháp, môn này ông đã truyền thụ cho Hồ-Công, nên khi Hồ-Công sang sứ Bắc-quốc, đã đem thao lược ra giúp bên ấy đánh tan được giặc. Còn ở nước nhà trong buổi nam chinh, Hồ-

Công cũng lập được chiến công, thực là nhờ ơn su-phó đã truyền thụ cho vậy.

Riêng về Hồ-Công lúc nào cũng rất trọng thầy, chẳng những trong khi hiền đạt, đối xử với thầy vẫn giữ một niềm kính cần, mà cả sau khi thầy mất, gặp đến ngày giỗ, ông cũng sửa lễ vật rất hậu đến tế, tất cả môn nhân, ai mà vắng mặt hôm ấy, thì ông trách móc nặng nề. Ôi công đức đào tạo nhân tài quả đã lớn lao, về sau được hưởng hậu báo thực là xứng đáng lắm vậy. Lại có người bảo cả Thám-hoa công cũng là học trò của ông, điều đó đúng hay không chưa rõ.

Xét ra tập phú của ông có đến hàng trăm hàng ngàn bài, nhưng ngày nay chỉ còn thấy có 8 vận : như bài Cao-Tổ-Kiểm phú 高祖劍賦, bài Ngọa-Long phú 卧龍, bài Bạch-Y-sơn nhân 白衣山人, bài Áp-tử từ-kê-mẫu-du-giang-hồ 鴨子辭鷄母遊江湖; bài Thái-bạch phú 太白, bài Hạng-Võ biệt Ngu-Cơ 項羽別虞姬, bài Đạo-dức vi ly, nhân-nghĩa vi uy 道德為麗仁義為威, bài Nghinh-xuân Uyển 迎春苑, và bài Cương-Thồ-phục-Hán-Đường cự dĩ-Thiên-hạ vi-tâm 疆土復漢唐舊以天下為心 v. v... đều là những văn khoái trá, chứ không phải là tiếng đồn sai vậy.

Rồi sau tiếp đến đời con là Dương Công-Phả 揚公普, cũng rất nổi danh về từ phú, năm mới 12 tuổi từ Nghệ-An về thăm quê, một hôm cậu bé em ra chơi chợ

Lục-dương, nghe thấy đàn-bà con trẻ cùng kháo nhau rằng « 賦翁 蒜 味 之, phú ông Tôi, hỏi làm chi » thốt nhiên Cậu hỏi, một người đàn bà rằng : Sao bà lại biết như thế, hay là Bà cũng ở gần làng ông Tôi đó chăng ?

Cậu vừa hỏi xong chợt có một người đáp rằng : Tôi ở bên cạnh nhà ông Tôi đây Cậu muốn nhắn gì ?

Cậu số sàng đáp : « Nhờ bác về bảo ông Tôi : Thiên hạ còn có nhiều người lớn cật (dương vật), chứ chẳng riêng một mình ông, vậy ông có muốn dịch phú với tôi, mời ông sang bên nhà tôi dịch thử ».

Người kia thấy cậu bé nói xược như vậy, vội vàng về báo cho ông Tôi biết, ông cũng tức giận hỏi thăm đến ngay ; khi đến Cậu mời vào nhà trong nói chuyện, rồi mới lấy sách đề ra đầu bài. Khi mở sách đến chỗ : *Phu-Tử tại Tề văn Thiệu* 夫子在齊聞韶, nghĩa là : đức thánh đến nước Tề nghe nhạc thiệu ? hai bên bằng lòng lấy ngay 4 chữ trong câu « Phu-Tử văn thiệu » làm đầu bài phú. Cậu không cần phải nghĩ ngợi, cầm bút viết ngay mấy câu phá đề rằng :

大人己巳斯文在茲, 成集天全譽玉振德行
造安行生知。

*Đại nhân ất tị, tư văn tại tị, thành tập đại kim thanh
ngọc chấn, đức hạnh thảo an hành sinh tri.* Nghĩa là :
Đại nhân ất tị, văn ấy ở đây. Vàng ngọc tập thành những

tiếng, Sinh tri đức hạnh nào tày ? (đại nhân ất tị là chỉ vào đức Khổng-phu-Tử).

Về phần ông Tỏi trong lúc còn đang cấu tứ, ngó thấy đoạn trên Cậu bé vừa viết, lấy làm ngạc nhiên, quặng bút xuống bàn đề xin cáo thoái. Cậu cố lưu lại đề xem trọn bài, thì ông lại càng khiếp phục. Ngày nay bài phú ấy với bài phú Thu-Thanh 秋聲賦 vẫn còn truyền tụng, đều là sáng tác của ông, mà bài Thu-Thanh thì làm tự khi 18 tuổi, là bài mà ông đã chiếm giải nhất trong kỳ khảo học sinh tại huyện lúc đó vậy.



阮公壽春

NGUYỄN-CÔNG THỌ-XUÂN

Thám-Hoa Thượng-Thư Tri-Sĩ Cần-Quận-Công Nguyễn thọ-Xuân, người xã Lạc-Sơn 樂山社 thuộc huyện Chi-Linh 至靈縣, nguyên trước tên là Minh-Triết 明哲, sau được vua ban tên là Thọ-Xuân, rồi sau lại tránh húy hiệu nhà vua, nên phải đổi lại là Hậu-Xuân 厚春. Ngay lúc niên thiếu, ông đã nổi tiếng ngang với thần đồng Hoạch-Trạch, nên bấy giờ đã có câu phương-ngôn: «Thần-dồng Hoạch-Trạch Tú-Lạc-Sơn», Tú tức là ông vậy. (神童獲澤秀樂山).

Ông học rộng văn hay, nhưng về đường khoa cử lại quá chật vật, cho mãi đến khi 54 tuổi mới đỗ tam-trường vào khoa Tân vị niên hiệu Long-Đức năm thứ 3 (1735 đời Lê Thuần-Tông 黎純宗. Lúc ấy vương thượng tuổi ngọc cho nên bài thi mãi sau giờ ngọc mới được niêm yết; hơn nữa đầu bài quá dài, tất cả những 12 mục, muốn cho khỏi bị bắt túc, sĩ tử nào cũng chỉ hành văn bằng cách sơ lược, miễn sao đủ quyền thi thôi, vì thế không có quyền nào xuất sắc.

Nhưng riêng ông thì lại khác hẳn, trong 12 mục ông chỉ làm có 4 mục rất kỹ, còn lại tám mục thì ông

không làm. Quan trường thấy vậy không dám lấy đồ nhưng vẫn đề riêng, đến khi tập hợp những quyền trúng cách dâng lên, vương thượng hỏi còn sót quyền nào khá hay không? Quan trường thưa rằng : Chỉ còn có mỗi một quyền, 4 mục rất hay, nhưng còn 8 mục thì lại bỏ sót, cho nên không dám lấy đồ.

Thượng phán rằng : Thơ một câu, phú một vế, được 1 câu hay còn có thể lấy, hưởng chi 4 mục đều hay.

Khảo quan lại thưa : Cứ ý Thần đẳng : Quyền ấy không lấy thì thôi, nếu lấy thì nên cho đỗ Thủ-khoa mới xứng.

Vương Thượng phán : Chư khanh xét thấy có thể cho đỗ Thủ-khoa thì cứ việc cho, còn ngờ chi nữa. Thế là Quan trường lại cho ông đỗ đầu.

Nhắc lại khoa thi này, sau khi ông nộp quyền xong thì trở về ngay nhà trọ, trao cho chủ trọ bài thơ Quốc-ngữ nhật-trình, trong thơ chắc đã nói rõ địa-chỉ nên mới hẹn chủ trọ rằng : nhờ ông xem bảng rồi đến báo tin cho biết ; hẹn xong thì ông xách gói ra về, khi về đến nhà phu nhân đón hỏi bài vở thi cử ra sao ?

Ông đáp : Khoa này bài thi ra 12 mục, nhưng tôi chỉ làm 4 mục, còn bỏ trắng lại 8 mục không làm.

Phu-nhân tỏ vẻ thất vọng nói : hơn năm mươi tuổi mới trúng tam trường, ngày nay 12 đề mục lại bỏ sót 8, thử hỏi còn mong nổi gì ?

Ông đáp : hừ ! đàn bà biết chi, 4 mục của ta có thể đè bẹp 12 mục của sĩ tử khác đó.

Truyện trò xong, ông bà lại dẫn nhau ra ruộng làm việc như thường, ngờ đâu trong lúc đương lúi húi làm, thì thấy một người tự đằng xa chạy lại còn cách độ một dặm đường, ông đã biết ngay là người chủ trọ, nên vội hỏi to lên rằng : Ai đồ thứ nhứt ? Người kia không kịp đáp lại, chỉ vỗ tay lên trán đề báo hiệu thôi ; bấy giờ ông mới quay lại bảo phu nhân rằng : Có đúng như lời tôi nói hay không ? rồi sau ông vào thi đình lại đỗ Thám-hoa, đình-nguyên, đến kỳ ứng chế lại trúng hạng nhất.

Nguyên lúc còn đương niên thiếu, ông thường đến chùa Hương-Hải 香海寺 đề cầu báo mộng, (chùa ở làng Kiệt-đặc huyện Chí-linh) trong khi nằm ngủ thấy vị thần nhân đọc cho ông nghe một câu « 讀書到老未成身 » (Đọc thư dào lão vị thành thân). Nghĩa là đọc sách đến già cũng chưa thành thân. Sau khi tỉnh dậy ông lấy làm buồn cho số phận. Nhưng khi kể lại cho người bạn nghe, thì bạn giải đáp : chữ vị không phải là chưa, hoặc giả nói về năm vị (mùi), vậy đến khoa thi năm vị thế nào ông cũng đỗ đó, ngày nay quả nhiên ứng nghiệm.

Sau khi đỗ rồi, ông vào làm quan tại triều, vì có tài về văn học được chúa đặc biệt tin dùng. Người ta truyền ngôn lại rằng : Ông vốn có bệnh Tề-Tuyên (hiếu sắc) lúc nào cũng có nạng hầu bên cạnh.

Ngay đến khoa thi nào đó, ông được giữ chức Đề-điệu trường thi Nghệ-An, mà cũng cho hai thị-nữ mặc giả linh hầu đem vào trong trường, rồi sau việc đó phát giác, hai viên Thái-sát và Nội-thần đem việc ấy về trình với vương-thượng. Thượng cả giận mắng rằng : «Việc my my làm, sao được nói bậy sang việc người khác». Rồi vương đuổi ngay hai người về quê, vì Thượng biết ông có lỗi, nhưng nếu im đi thì phép nước không được tôn trọng mà bắt tội ông thì Ngài không nỡ, chỉ bằng bịt đi cho nó êm chuyện, vì thế Ngài mới đuổi hai Nội-thần. Coi đó ta thấy ông đã được Chúa yêu quý đến như thế nào vậy ?

Rồi đến niên hiệu Vĩnh-Thọ năm thứ II (1660), Chúa Thượng (Trịnh-Tạc 鄭 祚) sắp sửa làm lễ thụ phong, ý muốn được người trọng thần Thượng-Thư tuổi cả để nâng kim-sách (sắc), nên Ngài phán hỏi Tề-thần Phạm-công-Trứ 范公著 xem ai xứng đáng.

Phạm-công-Trứ thưa rằng : hiện nay trọng thần niên lão chỉ có ông mô, hiềm vì ông ấy chưa được thực thụ Thượng-Thư, Thượng nghe lời lập tức thăng ông chức Thượng-Thư Công-bộ, tước Dĩnh-xuyên-hầu, để bưng sách vàng ấn ngọc. Lễ thụ phong hoàn thành ít lâu ông viện cớ đã 70 tuổi đề xin về hưu, Thượng không chấp thuận, nên khi đã ngoài 70 tuổi ông vẫn còn ở trong triều.

Triều thần cũng có nhiều người phân bì về việc đó, môn sinh nghe thấy thuật lại với ông. Ông đáp : Mọi người đỗ sớm thì nên tính năm, chứ ta mới đỗ thì vì

sao được. Vì ông vừa mới bị Thượng giữ lại, không dám xin nữa, cho nên ông mới giả nhờ bằng câu hỏi hước như vậy. Rồi sau đến ngoài 80 tuổi ông mới trí sĩ với chức Công-bộ Thượng-thư và tước Thiếu-bảo Cẩm-Quận-Công.

Xét thấy ông trong lúc cao niên mà sức vẫn không suy giảm, tinh thần vẫn thấy tráng kiện như thường, gặp tết Nguyên-đán và lễ Duyên-thọ, ông vẫn vào Triều, được vua ban thưởng và các vị quyền quý biếu tặng rất nhiều. Khi 90 tuổi vẫn còn sinh được con nhỏ, cho nên mỗi khi vào triều, Thượng vẫn gọi là « Bô-đồ 布 龜 ». Về sau hưởng thọ 96 tuổi, khi mất được gia tặng chức Hộ-bộ Thượng-thư, ban cho tên thụy là Văn-đầu 文 斗.

Nguyên lúc thiếu thời ông rất gian-nan, ngoài 20 tuổi vẫn còn chưa thành gia thất; bỗng có một đêm ông đọc sách tới mãi canh khuya, vừa chợp mắt ngủ, thấy có một vị thần nhân bảo rằng : « Vợ anh đã ra đời đó », đến khi tỉnh dậy hỏi thăm thì thấy trong làng có nhà vừa mới sinh được một đứa con gái ; quả nhiên về sau ông cưới thiếu nữ làm vợ, nhưng chẳng bao lâu thì lại bị tên thổ-hào ở xã Lạc-son 樂 山, cướp mất. Thiếu nữ ăn ở với thổ-hào sinh được một gái, rồi thổ-hào chết thì thiếu phụ đó lại về ăn ở với ông. Coi đó đủ biết về đường gia thất của ông thực là vất vả.

Như ông, về phần văn chương thực đã trùm cả một đời, bất cứ sách nào cũng đọc, văn viết bài nào cũng hay,

khí lực rất là hùng hồn bao quát. Giữa lúc văn thê còn đương thấp kém, mà chỉ riêng mình ông vượt trên thế tục, tạo riêng khuôn mẫu văn học của một nhà nho, bao nhiêu văn tự ứng chế trong triều cũng do một tay ông thảo. Lúc về trí sĩ ông soạn 3 thê tạ văn, mỗi thê một khác chứ không trùng điệp, hiện còn ghi cả trong tập Kỳ-Anh 耆英集, từ ý rất là phong phú. Chả thế mà lúc ấy quan Thám-hoa Phạm-dăng-Cảo 范登縞 ở huyện Hoài-Bảo 懷抱縣 là bậc văn tài hùng nhất thiên hạ; cũng chỉ suy tôn có ông là người số 1 mà thôi!

Nói tóm lại : văn-chương sáng-tác của ông rất nhiều, và có một trạng thái khác biệt, tỉ như bài văn mừng các Tấn-sĩ trong có câu rằng : (*Phượng chiếu nhất phong, tước tình đa sĩ*) « 鳳詔一封, 雀情多士 », nghĩa là : Một phong phượng chiếu, biết bao nhân sĩ tỏ tình vui sướng nhảy nhót như chim. Lối văn đặt không câu nệ khuôn sáo đại loại như thế.

Nhưng nay chỉ còn thấy có mấy bài, như là bài phú « *Duy nghĩa-lý phong niên phú* 惟義理豐年賦 »; và bài văn-bia Tiên-hiền của huyện Đường-hào « *唐豪縣先賢碑文* », cùng bài văn tạ trong lúc trí sĩ 致仕謝文 mà thôi.

Lại có truyền ngôn rằng : Ông có một người bạn thân bị bệnh lâu ngày, lúc sang hỏi thăm, nhân tiện sẵn bút ông viết lên tường một đôi câu đối như sau : *Phùng-khứ-Tật, Hoắc-khứ-Bệnh, tật bệnh khứ trừ, đối với Hàn-duyên-Thọ, Đỗ-duyên-Niên, thọ niên duyên vĩnh.* 馮去疾

霍去病疾病去除, đối với 韓延壽杜延年壽年延來,

(Chú: Câu đối này ông đã khéo dùng tên người để đối chọi với nhau mà lại rất có ý nghĩa. Tỉ như vẽ trên dùng hai tên Khử-Tật Khử-Bệnh là hai nhân vật đời trước để mong bệnh tật mau trừ, vẽ dưới dùng hai tên Duyên-Thọ và Duyên-Niên cũng hai nhân vật thời xưa, để mong tuổi thọ tràng cửu. Bốn nhân vật ở đời Tiên-Hần).

Lạ thay, ông bạn nằm trên giường bệnh nhìn thấy câu đối, tự nhiên cảm thấy khoái hoạt rồi bệnh cũng chóng tiêu tan, hưởng thêm bao năm tuổi thọ nữa rồi sau mới mất, thực là ngọn bút có thần minh vậy.

Lúc ấy lại có một vị Giám-Sinh ở xã Kỳ-đặc 奇特社 cùng huyện, tự hiệu là Kỳ-Tiên-Sinh 騏先生, vẫn thường coi mình là người học lực uần tạp, vì thấy số đông danh sĩ tại triều là do tay mình đào tạo. Tiên sinh vốn là bạn thân với ông ngay từ thuở nhỏ, mà ông thì vẫn chương đứng đầu thiên hạ, được đời tôn trọng vô cùng, riêng có Tiên-sinh thì vẫn không phục.

Thế rồi nhân tiệc mừng thọ Tiên-sinh đến tuổi cổ hi (70), các đệ tử của Tiên-sinh nhờ ông soạn hộ bài trường hạ thọ. Ông thấy Tiên-sinh trong khi đầu bạc mắt đã nhấp nhem, thế mà mỗi khi bắt gặp thiếu nữ, vẫn còn mắt liếc tay vờ: Ông muốn dùng ngay tứ đó để trào phúng chơi, cho nên trong bài trường ấy mới có những câu: *Thượng nhất thế dĩ tiêu dao, Trung nhị nghị nghị*

bể nghệ. « 上一世以道遠中二儀而睥睨. ». Nghĩa là :
Đã tiêu dao bảy chục trên đời, còn gấp ghé nhị
nghì quăng giữa.

Về phần Tiên-sinh khi thấy ông bạn già kia đã dùng
những câu đề chế nhạo mình một cách tao nhã như
vậy, trong bụng dầu cũng khen thầm, nhưng khi nói ra
thì vẫn trịch thượng. « Ừ ! Bác Thám-hoa Lạc-sơn ngày
nay, học lực cũng đã tiến bộ hơn trước nhiều rồi ! »

Ôi ! Văn-sĩ xưa nay chẳng ai chịu ai cũng là thói
thường, nhưng mà vị Giám-sinh đây, về phần học lực tất
cũng có chỗ hơn đời, chỉ tiếc không còn bài nào truyền
lại, nên mới ghi phụ vào đây đề đợi bỏ khuyết vậy.



阮公光宅

NGUYỄN-CÔNG QUANG-TRẠCH

Ông Nguyễn-quang-Trạch người xã Kiệt-dặc 傑特社 thuộc huyện Chí-linh 至靈縣 lúc còn nhỏ đã rất linh lợi, năm lên bảy tuổi có một vị vào hàng cha chú trông thấy kháu khỉnh, ra cho Cậu một vế đối rằng: *Thất tuế thần đồng tử* «七歲神童子». Lúc ấy Cậu mới học đến trang đầu quyển Sử-thượng, về đoạn Hạ-Vũ thấy có một câu, Cậu bèn đảo ngược mấy chữ đề đối lại rằng: *Bát đại Hoàng-đế tôn* «八代黃帝孫» Nghĩa là: Con 7 tuổi Thần đồng, đối với cháu 8 đời Hoàng-đế. Ông ấy nghe xong lấy làm kỳ dị, bảo Cậu bé này về sau sẽ nổi đại danh đó.

Nhưng rồi đến tuổi trưởng thành, ông đi thi mãi vẫn không đỗ, đến khoa Giáp Thìn lấy đỗ 13 Tán-sĩ mà ông vẫn không được dự. Phụ thân thấy vậy cả giận nói mỉa mai rằng: dễ thường lấy 3 Tán-sĩ thì mới dự phần hay sao?

Thế rồi cách mấy năm sau đến khoa Đinh-Vị đời Lê-Huyền-Tông niên-hiệu Cảnh-Trị (1663-1671), khoa ấy quả nhiên chỉ lấy có 3 Tán-sĩ mà ông lại được dự phần; hôm vào thi đình có người hỏi đỗ được bao nhiêu? Ông nói kháy rằng: Tôi đỗ thứ 3, cũng đã cao lắm, còn hỏi

làm chi? Về sau gặp kỳ ứng chế ông cũng trúng cách, lúc ra làm quan đến chức Hình-bộ-đo cấp-sự-trung rồi xin tri-sĩ, hưởng thọ được ngoài 70 tuổi; về sau con là Quang-Chiêu, Quang-Hạt 光昭, 光暉 cũng đỗ đạt cả.



阮公登

NGUYỄN-CÔNG-ĐĂNG

Ông Hoàng-Giáp Thượng-Thư Nguyễn-công-ĐĂNG người xã Đại-Tỏi 大蒜社 thuộc huyện Quế-Dương 桂陽縣 là người quán quân về từ phú lúc bấy giờ, mà đến cả đàn bà con trẻ cũng đều biết tiếng, nên mới có câu rằng : « Phú ông Tỏi hỏi làm chi 賦翁蒜味少之 ». Ông đã từng làm bài phú *Tu-thân Trị-quốc* «修身治國賦» để chề bai vua Thái-Tông và Cao-Tông ngày trước, từ ý rất là thống thiết. Đến đêm bỗng thấy Thái-Tông về báo mộng rằng : Cha con trăm đày có phụ bạc gì Khanh, mà Khanh nữ nói thậm tệ như vậy? Coi đó mới biết rằng câu văn hay, có thể thấu đến quỷ thần.

Đồng thời với ông cũng có 3 nhà văn sĩ nổi danh, nghe nói ông sở trường về phú mà chưa có dịp so tài, một hôm 3 người rủ nhau đến thẳng nhà ông xin thử tài phú, nhân mở sách sử đến chỗ Hoàng-dế kỷ, mọi người thỏa thuận lấy ngay hai câu dưới đây để làm đầu đề *Phượng-hoàng sào A-Các, Kỳ lân du uyển hựu phú* «鳳凰巢阿閣, 麒麟遊苑園賦». Nghĩa là : Phượng hoàng đậu ở A-Các, Kỳ lân chơi ở trong vườn (tức là diềm Thái-bình).

Rồi ngay lúc 3 danh sĩ kia còn đương nghĩ ngợi, thì ông đã cầm bút viết ngay câu đầu : *Quy phi phụ Lạc*

long bắt xuất hà, Kế trị nhược Hữu-hùng chi thế, định
đỉnh vu Trác-lộc chi A. 龜非負洛龍不出河. 繼治若有
熊之世定鼎于涿鹿之阿. Nghĩa là: không phải rùa ở
sông Lạc đời vua Hạ-Vũ, rồng ở sông Hà đời vua Phục-
Hy, mà đây chính là ông Hoàng-đế nổi đời trị nước
Hữu-Hùng, đóng đô ở núi Trác-Lộc. (Chỗ thần diệu của
mấy câu là: đầu đề có phượng có lân, mà tác giả dùng
ngay liền có qui, long, hùng, lộc, đề đối chiếu với đầu
đề, thì thực hay hết chỗ nói).

Ba ông văn-sĩ thoát nhìn mấy câu phá đề biết rằng
không thể dịch nổi, vội vàng gác bút xin lui. Ông giữ lại
đề mời xem trọn bài, sau mọi người chép lấy mang đi.

Còn về phần ông thì mãi đến khoa Nhâm-Dần niên
hiệu Hoảng-định tam niên (1603) đời Lê-Kinh-Tông 黎敬
宗宏定三年, mới đỗ, sau cùng với quan Thượng Lư-
đĩnh-Chất 劉廷質 ở xã Qui-Chử huyện Hoảng-hóa 葵清
弘化縣, sang sứ Bắc quốc.

Nguyên trước Lư-Công cũng đã nổi tiếng văn thơ,
ngày thường nghe tiếng ông Tỏi, nhưng vẫn chưa phục,
ngày nay cộng sự với nhau, Lư-Công xem xét bản đồ
nhật trình, thấy sắp sửa phải đi qua chùa Phi-Lai 飛來寺,
ông bèn nghĩ sẵn một bài phú có 8 vắn điệp nhau, ngày
đêm gọt giữa thật là đặc ý, rồi hôm đến chùa, Lư-Công
giả vờ xin ông Tỏi vịnh một bài phú tức cảnh. Chẳng
ngờ ông Tỏi cầm bút viết ngay, chỉ sau giây phút là xong.

Trái lại Lư-Công chỉ việc viết bài nghị sẵn mà cũng không kịp, và khi so sánh với bài của mình, bấy giờ Lư-Công mới phải kính phục.

Người ta lại còn đồn rằng : Cả những người Tàu, khi thấy bài phú của ông, đều xuống ngựa la bái, rồi đem khắc vào bia đá; chẳng biết việc đó có thực hay không ?



阮公登編

NGUYỄN-CÔNG ĐĂNG-CẢO

Quan Thám-hoa Đông-Các Nguyễn-dăng-Cảo người xã Hoài-bảo 懷抱社 huyện Tiên-du 仙遊縣, lúc nhỏ đã có kỹ tài, nhưng lại ngang tàng không chịu bó buộc, và thích làm những điều tai quái.

Lúc ấy trong làng có một con yêu-tinh thường hay hóa làm mỹ nhân để trêu ghẹo người. Ông bèn tới chỗ để gặp yêu tinh rồi cưỡng hiếp luôn. Nhân tiện lại hỏi nó về sự nghiệp tương lai của mình.

Yêu tinh đáp : Ông là người giới trich xuống thế nào cũng dễ Thám-hoa đệ nhất danh. Còn như tôi đây : đã phạm điều cấm lại thêm cái tội tiết lộ thiên cơ, tất nhiên sẽ phải lỗi nặng, xin ông nhủ lòng thương. Nói xong thì biến đi mất, rồi cách ít lâu thì cái miếu thờ yêu tinh đó cũng bị sét đánh cháy rụi, vì thế đến khi ông đã vinh hiển, cứ mỗi bữa ăn ông thường khấn con yêu đó ; cái tính hiếu dị của ông đại để như vậy.

Trong thời gian ấy, người Mãn-Thanh đã vào xưng đế bên Trung-Quốc, Thanh-triều thường sai sứ-giả mang tờ chiếu sang, muốn bắt dân ta cũng phải bím tóc. Thượng lấy làm lo, bèn sai ông lên cửa Nam-Quan nghinh tiếp sứ giả. Ông bèn soạn bài văn « 解諸侯慕文 » Giải-

chur-hầu-hoặc, Nghĩa là : Cởi mở những điều nghi hoặc của chur hầu để chỉ trích. Sứ giả nhà Thanh thấy vậy bèn đình chỉ ngay việc đó.

Lại có một lần, ông viết hộ người Thanh một cuốn Đại-học đúng như bản khắc, họ rất lấy làm kỳ, nên có ra cho ông một vế đối rằng : 老犬落毛猶向庭前吠月. Lão khuyển lạc mao do hương đình tiền phệ nguyệt. Ý nói con chó đã trụi cả lông, khi thấy giăng mọc còn đứng ở sân mà sủa (câu này chúng tôi chỉ thấy điển cổ là « 野犬吠日 » Thục khuyển phệ nhật, nghĩa là : phía Tây nam Ba-Thục sương mù quanh năm, ít khi có bóng mặt trời, cho nên khi nào có mặt trời mọc thì đàn chó nom thấy lạ mắt nó bèn căn vang cả lên).

Ông thấy họ mượn điển đó để ám chỉ mình kiến văn hẹp hòi, nên ông mới lấy ngay câu : « Ếch ngồi đáy giếng đề chế diễu lại rằng : 小蝸短頸謾居井底觀天. Tiểu oa đoản cảnh, mạn cư tĩnh đề quan thiên. Nghĩa là : Con ếch nhỏ cõng ngắn, dám ngồi đáy giếng coi giới bằng vung. Câu đối này rất được người Tàu tán phục, kể ra sự tích còn nhiều, tiếc rằng không thuật hết được.

Ngoài ra còn câu truyện sau khá ly-kỳ. Trạng-nguyên Đẳng-Đạo, con cả của ông, lúc còn thơ ấu được ông yêu quý, chẳng có lúc nào không đề quần quít bên cạnh, thường khi có khách đến chơi, ông cũng ẩm cật cả trong lòng rồi vỗ vào lưng cậu, nói với khách rằng : Đình thần

ghét ta, chẳng cho ta đỡ Trọng-nguyên ; chứ thằng con này mà không cho nó đỡ Trọng thì ắt không được đó.

Lại còn có lúc ông phải vào Kinh đợi lệnh, ông cũng đem cậu đi theo, Bà dẫu có lòng thương con nhưng không dám trái ý. Ôi ! một cậu bé con mới 5 tuổi đầu cũng bắt đầu dãi muôn dặm gió sương, kè cũng lạ thay !

Ông lại có tính không hay câu nệ thói thường, cho nên dẫu có kỳ tài mà vẫn không được đại dụng. Em ông là quan Tế-Tửu Tri-sĩ Đăng-Minh 登明, thiên tư lại rất thuận-túy, hiền lành dễ dãi, miệng không nói đến điều ác bao giờ ; còn việc cư xử với anh thì rất cung kính. Anh bảo điều gì, ông cũng vâng lời, chứ không dám trái ; ngay đến Trọng-nguyên công mỗi khi gặp mặt, ông vẫn tỏ vẻ nhún nhường ; chứ không cậy mình là cha ; mỗi lần Trọng-nguyên bái chào, ông đều khiêm tốn đáp lại : « Không dám ! Tôi không dám ! ». Khi ra ngoài đường mà gặp Trọng-nguyên thì ông tránh sang một bên để nhường lối. Khi sang chơi nhà thì ông bảo người coi cổng vào thông báo trước, rồi sau mới vào. Hoặc giả có người hỏi có tại sao ? Ông đáp : đó là một vị khôi khoa thiên hạ mà giờ đã cho thác sinh xuống cửa nhà ta, thì ta há dám không kính trọng hay sao.

Còn về bản thân của ông, ngày thường ông cũng chỉ đi giày cũ, mặc áo khăn cũ và ít khi đi xe ngựa, có người không biết ông là một vị triều quan, nhờ xúc phạm đến, ông cũng không hề đếm xia.

Chả thế mà một hôm ông ở trong triều ra về, đi qua một tiệm hàng thịt ở cửa nam, một chú đồ tể thấy ông giống hệt người xã-trưởng còn thiếu tiền thịt ngày trước, vội-vàng chạy ra túm ngay lấy áo để hỏi nợ. Ông phân trần mãi, y cũng không nghe. Nhất định lôi tuột về nhà, trói ngay vào cây cột trước cửa.

May sao giữa lúc ấy thì có quan Phó-dô là Nhữ-đình-Hiền, 汝延賢 vẫn thường trọng ông như bậc cha chú, hôm nay cũng ở triều về qua đó, ngồi ở trong cang trông ra thấy ông bị trói, vội-vàng xuống cang đỡ dậy hỏi cơ tại sao. Ông cứ thực báo như thế. Nhữ Công (汝公) bèn sai lính bắt tên đồ tể, rồi nhường cang để đưa ông về nhà mình. Khi tới nhà, Nhữ-Công mời ông ngồi chơi giây lát để vào nhà trong thay áo.

Nhưng có ngờ đâu, Nhữ-Công mới vừa bước vào trong phòng, thì ở bên ngoài ông đứng dậy cởi trói cho tên đồ tể và bảo : « Mi phải tìm lối trốn mau. Ta cũng đi luôn một thể. »

Lúc ấy, Nhữ-Công thay áo xong rồi tất tưởi ra ngay ; nhìn quanh chẳng thấy ông đâu, và tên đồ tể cũng biến mất dạng, vội sai người nhà chạy theo mời lại cũng chẳng kịp nào, bấy giờ Nhữ-Công cũng đành ngồi để than thở mà thôi. Đó đức độ của ông đại loại như thế, mà về sau ông cũng chỉ làm đến chức Tế-tửu rồi về hưu. Còn hai con giai cũng đều đỗ đạt, (ông đỗ Trạng là con Thứ hai, cũng làm đến chức Tham-tụng Lê-bộ Thượng-Thư, thọ 70 tuổi). Coi đó ta thấy hưởng phúc như thế là nhờ âm đức của ông để lại cho vậy.

阮公貴德

NGUYỄN-CÔNG QUÍ-ĐỨC

Ông Nguyễn-Quý-Đức người làng Thiên-mụ 天姥社 huyện Từ-Liêm 慈廉縣, lúc còn ít tuổi theo học ở hạt khác. Một hôm thầy giảng sách xong, các bạn còn ngồi rón lại nói truyện với nhau, thì ông kêu rằng : Tôi đã đối dạ, xin lỗi anh em đề ra về trước, bỗng có người bạn đọc ngay mấy câu trong sách Luận-ngữ rồi bảo nếu anh đối được thì tôi sẽ đề cho về, những câu ấy là : 食無求飽, 居無求安, 君子志. Thực vô cầu bão, cư vô cầu an, quân tử chí. Nghĩa là : ăn không cầu no, ở không cầu an, đó là chí người quân tử. Ông đối ngay rằng : 招之不來 麾之不去 社稷臣. Chiêu chi bất lai, huy chi bất khứ, xã tắc thần. Nghĩa là : vờ dấy chẳng lại, đuổi dấy chẳng đi, đó là bề tôi xã tắc. Các bạn nghe xong đều phải thán phục là bực thiên tài.

Đến khoa bình thìn ông đỗ Tấn-sĩ, vào thi đình ông lại đỗ luôn Thám-hoa, khi vào làm quan trong chính-phủ, quyết định được nhiều chính-sách rất có công to ; khi vắng cố mệnh (di chúc) đề phò Tân chúa, cũng chẳng khó nhọc mà đặt thiên hạ vào thế vững như Thái-son. Thực đáng là một bề tôi của xã tắc vậy.

Ông là người rất thích văn học, khi cầm quyền chính có sai một viên Huyện Lệnh mua gỗ làm nhà, viên ấy báo về có những câu rằng : Kỳ chi Tây thành chi nhật, tương lai Đông ngạc chi tân. 期至西域之日將來東鄂之津
Nghĩa là : Hẹn rằng khi đến Tây-thành, xin đem về bến Đông-ngạc. Ông cả mừng lấy 5 quan tiền ra thưởng.

Lại có một hôm ông ngồi ở Minh-luân đường giảng dạy cho các sĩ-tử, nhìn vào cây cột cái thấy có một lỗ một, ửng khầu đọc luôn câu rằng : Khai thông không khiểu hiền nhân trí, Hóa dục côn trùng tạo hóa nhân. 開通孔竅賢人智, 化育昆虫造化仁. Nghĩa là : mở thông lỗ hồng khiểu sáng của hiền nhân, sinh dục sâu bọ lòng nhân của Tạo hóa.

Thám-hoa Võ-Công nghe thấy hai câu đối trên bèn phê bình rằng : Ôi! ông lấy tài đức trấn phục cả thiên hạ, đã là một vị Tề-tướng lại còn tác thành cho mấy ngàn sĩ-tử, để làm một vị Tôn-sư trong đời. Khí tượng đó đã thấy biểu hiện ở mấy câu trên vậy.

Như ông về phần văn chương đức nghiệp đối với cõ-nhân, chẳng còn điều chi đáng thẹn. Nhất là lại khéo dạy dỗ cho bọn hậu-tiến, tức như ngày còn làm quan trong Quốc-Tử-Giám, mỗi tháng hai kỳ chính tập, cho triệu chư sinh vào trường, ra một đầu đề hơi ngắn, bắt phải làm ngay tại chỗ, và sẽ phát thưởng cho người được ưu ; còn như thẻ văn thi chỉ cần lấy hồn hậu, gạt bỏ những câu phù bạc viên vông.

Tức như một hôm ông dùng ngay việc vua Quan-Võ nhà Hán xuống chiếu đón mời Nghiêm-Quang 光武徵嚴光詔 (Quang-Võ trưng Nghiêm-Quang chiếu) đề ra đầu bài, bắt buộc chư sinh mỗi người phải làm một thề.

Lúc ấy có một danh-sĩ là Nguyễn-mậu-Thưởng 阮懋賞 viết những câu rằng :

表輕輕車簇簇魏闕希共敵之朋。

雲蒼蒼水泱泱桐江少交遊之客。

Cừu khinh khinh, xa thốc thốc, nguy-quyết hi cộng tệ chi bằng. Vân thương thương, thủy ương ương, Đồng-giang thiếu giao du chi khách. Nghĩa là : Áo cừu nhẹ nhẹ, xe ngựa rầm rầm, nơi Nguy-Quyết ít người rách rưới. Đám mây xanh xanh dòng nước cuồn cuộn, bến Đồng-giang thiếu bạn giao du.

Mấy câu trên đã được các quan sơ và phúc khảo khen ngợi cho rằng thề nào cũng chiếm hạng ưu, và các học giả cũng thấy thi nhau truyền tụng, từ khi tấm bảng trường Giám chưa treo.

Nhưng rồi đến hôm bình văn thì thấy có mỗi một mình ông phê vào câu đó : Đây là điệu văn chữ không phải lời của vương giả. Vả lại những câu phù bạc như thế, còn nêu lên bảng làm chi. thành ra quyền đó bị truất, rồi ông soạn riêng một thề trong có những câu sau này :

彼一時此一時無徒慕巢由之避世。

出是道處是道盍當師伊樂以輔王。

休將盍上獨高，詎意卮初見下。

Bỉ nhất thì thử nhất thì, vô đồ mộ Sào, Do chi tị thế. Xuất thị đạo xử thị đạo hạp đương sư. Y, Phó, dĩ phụ vương. Hữu tương cổ thượng độc cao. Cự ý chuẩn sơ kiến hạ.

Nghĩa là : Nay một thì xưa một thì, không mộ lối Sào Do di ần. Ra phải đạo ở phải đạo, hãy nên theo Y, Phó giúp vua. Quê Cổ đừng quá tự cao ; Hào Chuân gặp thì phải xuống v.v...

Bài phú của ông thảo xong, sĩ-tử tranh nhau sao chép để làm khuôn mẫu, còn nhà danh-sĩ Nguyễn-mậu-Thưởng về sau vẫn không đỗ đạt, bấy giờ người ta mới phục ông có con mắt tinh đời.

(Chú: 巢父許由, Sào, Do là Sào-phủ và Hứa-Do là hai vị cao-sĩ đời nhà Đường, vua Nghiêu 堯 tìm vào trong núi để nhường thiên hạ, Sào-phủ không nhận, còn Hứa-Do thì ra sông Dĩnh 潁水 để rửa tai, chứ không muốn nghe.

伊薄 Y, Phó là Y-Doãn 伊尹 và Phó-Duyệt 傅說, Y-Doãn trước cũng di ần, cày ruộng ở đất Hữu-Sàn 有莘, vua Thành-Thang nhà Thương 商成湯 ba lần đem lễ đến mời, ông mới xuống núi giúp vua gây thành đế nghiệp.

Phó-Duyệt trước kia cũng ần cư trong thung lũng, vua Cao-Tông nhà Ân 殷高宗 mơ thấy hình dung, rồi sai người đi tìm, đón về làm tướng, gây cuộc thịnh trị cho nhà Ân.

Cồ và Chuán 麴 允 là hai quẻ ở trong kinh Dịch. Cồ thì nói: Không thờ vương hầu, chí rất cao thượng, Chuán thì nói đi ra có lợi, kiến thiết chur hầu.

Xét thấy ông cầm quyền ở Quốc-Tử-Giám hơn 10 năm giờ, đem hết tâm lực vào việc giáo dưỡng, cho nên học giả thời đó, tấp nập như mây, kể từ trung-hung giờ lại thì vẫn trị lúc đó là cực thịnh vậy, còn như từ đấy về sau thì lại kém xa.

Lại như câu truyện ông thường cùng với Đặng-Quốc-Công ở Chương-Đắc 彰得縣 là Đình-Tướng 廷相 đi khám đê sông Nhị-hà. Trong lúc thừa hứng mỗi ông ngâm một bài thơ, bài thơ của ông câu kết viết rằng :

斜陽未已滄浪興，
更灑新沙縱步看。

Tà-dương vị dĩ thương lang hứng ; Cảnh bực Tàn sa tủng bộ khan. Nghĩa là : Bóng tà hứng vẫn lan man. Lại kia bãi cát bước tràn xem sao.

Còn thơ của Đặng-Công thì có câu rằng :

夜深更演留春訣
水自無波月自閒

Giạ thâm cảnh diễn lưu xuân quyết, Thủy tự vô ba nguyệt tự nhàn. Nghĩa là : Lưu-Xuân diễn khúc canh sâu; Nước không sóng vỗ, giếng dàu dập dình. Hai câu này so với hai câu của ông, thì vẻ ung dung nhàn nhã có

phần hơn nhiều ; vì thế chẳng được bao lâu ông về trí sĩ với chức Thủ-Tướng rồi mất.

Còn như Đặng-Công đã về trí sĩ hơn mười năm giờ, lại ra làm quan đến chức Đại-Tư-Không mới trí sĩ thực, rồi hưởng thọ được 86 tuổi, kể về phúc lộc thọ khảo còn hơn ông nhiều, mà cái điềm đó đã hiện trong mấy câu thơ ngâm trong lúc cùng đi khám đê vậy ?

Lại như trong tập thơ quốc-ngữ thời Hồng-Đức có bài thơ của mẹ ông Vương-Lãng 王陵 gửi tiễn sứ giả như sau :

- Câu 1 亭 舖 蕩 蕩 馭 移 蹟。
2 饑 媿 琨 尼 啜 使 君。
3 妝 漢 念 羣 丹 帝 聖。
4 傷 陵 豈 飽 泊 關 分。
7 命 媿 難 鑽 油 蒙 蒙。
8 術 時 認 挺 義 君 臣。

Hai câu thêm sau :

- 5 與 皮 忠 孝 坤 如 院。
6 遜 會 功名 禍 余 吝。

Phiên âm

Đình phó dăng dăng ngựa dời chân.

Nỗi mẹ con này gửi Sứ quân ?

Nhớ Hán niễm còn son một tấc.

Thương Lăng tóc đã bạc muôn phần !

- Câu 5 *Giữ bề trung hiếu khôn hai vẹn.*

6 Gặp hội công danh dễ mấy lần ?

Mạng mẹ lá vàng dù mỏng mỏng !

Về thì nhân nghĩa quân thần ?

Nguyên bài thơ trên thiếu hai câu luận tức là câu thứ 5-6, Vương Thượng bảo ông nghĩ lấy hai câu đề bù vào đó cho được toàn bích, ông nghĩ như thế được Ngải ngợi khen, ban thưởng cho hai hốt bạc.

Lại như một hôm ông ngồi nói truyện với quan Thượng-Thư Tây-mụ 西婁 là Nguyễn-công Đương-Bao 阮公當蒙, Tây-mụ Công thì đeo mực kính, còn ông thì dương cầm cối giã trâu, nhân lúc vui cười, hai ông tức cảnh ngâm chung một bài thơ nôm. Nhưng trước khi ngâm lại hẹn nhau rằng : « Hễ tôi đọc xong câu trước thì ngài đọc tiếp câu sau, như thế mới thú, rồi Tây-mụ Công xướng trước đề ông tiếp theo, sau thành một bài thơ bát cú rất hay :

拱	鏡	議	事	包	暎	暎。
翁	懸	箕	翁	吏	懸	尼。
日	月	堆	柔	燭	鐸	昧。
樞	機	艾	損	凭	連	緇。
察	尼	毫	末	希	兮	粟。
歷	几	杆	頑	包	易	鉅。
磊	泄	彈	婆	停	燭	曉。
彊	靴	彊	重	吼	朱	咿。

Phiên âm

Cùng nhau nghị sự đã ngày ngày.
Ông về kia ông lại về này
Nhật nguyệt đôi vầng soi trước mắt
Khu cơ một máy vờng trên tay
Xét nơi hào mạt nao hể lật !
Ép kẻ gian ngoan đã di ngay
Con trẻ đàn bà đừng mủn mĩn
Càng già càng trọng nhủ cho hay

Đọc bài thơ ngẫm chung trên đây ta thấy hai ông đều có khí tượng cao cả ! Nhưng câu của ông có ngụ ý tứ rất nhiều.

Lại có truyền ngôn rằng : Khi còn làm quan trong Chánh-Phủ, nhân gặp được hôm rỗi rãi, ông cùng với các quan lên du ngoạn ở chùa Sài-sơn 蔡山寺 thì vừa gặp lúc hai vị triều-sĩ là Nguyễn-Xá 阮舍 và Nguyễn-Côn 阮琨 đi trợ tế cho một gia-đình nào đó, nhân tiện có ít phần biếu đem về, bèn sai người nhà mua một be rượu đặt cả lên bàn đề mời các ông thụ lộc. Các ông phi nhỏ đứng dậy. Chỉ riêng mình ông ngồi lại uống một chén rượu và ăn mấy miếng xôi thịt, khiến cho ai cũng phục ông là có độ lượng hơn người.

Lại như khi ông còn làm việc trong Quốc-Tử-giám nhận thấy Văn-Miếu nước nhà chỉ giữ hình-thức bề ngoài, còn ở bên trong thì dề um-tùm lạnh lẽo, mà việc

tế lễ thì quá sơ sài ! Còn mong gì được Thánh nhân chứng giám.

Thế rồi bỗng có một đêm ông nằm mơ thấy Thánh Khổng hiện sang phán bảo ông rằng : (Ngài nói tiếng Tàu) « An-Nam là nước Văn-hiến nên ta cũng thường vắng lai và đề Trọng-Do, Nhiễm-Hữu (仲由冉有) (là học trò ngài) ở lại luôn đây. Các người đừng nên trễ nải», ông vội quì xuống xin vâng, đến khi tỉnh dậy sợ hãi vô cùng.

Sáng sớm hôm sau ông bèn sửa lễ tạ quá trong điện Đại-Thành xin ngài phù hộ cho việc trùng tu văn miếu của đệ tử được hoàn-thành trong lúc còn sống v.v...

Rồi ngay hôm ấy ông bèn tâu lên Vương thượng đề xin khởi công, xây dựng cung điện hành lang, tường công đạo lộ, nhất giai đồi mới, qui-mô thật là vĩ-đại, kể từ trung-hưng về sau thật chưa từng có vậy.

Xét thấy việc này ông đứng đốc công thực đã hết lòng hết sức, thế mà cũng đến hai năm mới được hoàn-thành, tổn phí có tới hàng vạn, mà tiền Vua ban chỉ được một ngàn quan, còn thiếu bao nhiêu riêng một mình ông phải chịu, rồi đến sau khi xong việc, ông xin trí sĩ.

Trong thời-gian ở nhà, ông vẫn giữ lệ mỗi tháng hai kỳ sóc vọng (rằm và mồng một), cũng tới trường giám rèn tập cho chư-sinh. Thung-dung nhân hạ, sau mấy năm nữa thì mới tạ thế. Khi sinh thời, ông vẫn thường nói

đến công việc đó để khuyên các bạn đồng triều phải kính
cân công việc tế yết.

Than ôi, ông là một người cũng da cũng thịt, cũng
như muôn vạn người trần tục khác, thế mà riêng ông lại
được tiếp xúc với thánh nhân trong cơn mộng寐, thì
ông quả là một bậc phi thường vậy.

Giải nghĩa

Bài thơ số 24

Bài thơ quốc-âm trên đây, đề tài là thân mẫu ông Vương-
Lãng nhân lời sứ giả nhà Hán, về bảo cho ông biết nông-
nỗi cũng như tâm-sự của bà.

Câu 1-2 : Đình phò : Trường đoàn đình và quan ải,
con đường xa đằng đẵng mà sứ giả sắp dời gót
ngựa để trở về, vậy nay nông nỗi của mẹ, mẹ sẽ
nhờ sứ quân kể lại cho con biết rõ.

Câu 3-4 : Nhớ nhà Hán thì lúc nào mẹ cũng giữ vững
một tâm lòng son ; Mà tình thương con thì nó đã
khiến cho mái tóc trên đầu của mẹ trắng như tuyết
phù !

Câu 5-6 : Nhưng con nên nhớ trong sách có chữ
「忠孝不能两全」 Trung hiếu bất năng lưỡng toàn.
Nghĩa là đạo trung đạo hiếu khó lòng giữ trọn
cả hai, bởi vì đã giữ đạo trung, với vua thì khó
giữ tròn đạo hiếu với cha mẹ.

Và lại rống mây gặp hội ngàn năm mới có một lần,
thì hai chữ công danh, con cũng đừng nên bỏ lỡ.

Câu 7-8: Hơn nữa: Thân phận của mẹ ngày nay, nó
dầu mỏng mảnh như chiếc lá vàng, cái ngày héo
rụng cũng không xa mấy. Nếu có bị hại, mẹ cũng
cam lòng.

Nhưng nếu vì mẹ? Vì nỗi mẫu tử tình thâm mà con về
đây với mẹ để tròn chữ hiếu, thế là con đã về hàng
Tây-Sở, thì mẹ nhắn nhủ cho con biết rằng: con
phải nghĩ đến nghĩa nặng vua tôi, « Thủy chung như
nhật » để giữ cho tròn đạo trung.

Chú thích

Vương-Lăng 王陵 sinh đời nhà Tiền — Hán, quê ở ấp Bái
nguyên trước làm chức Huyện-hào, Lúc Hán-Cao-Tổ
còn hàn vi, Lăng đã kết giao và suy tôn là bậc huynh trưởng.
Đền khi Cao-Tổ khởi binh ở ấp Bái để đánh nhà Tần, thì
Lăng đem một số bộ hạ đi theo. Phá vỡ nhà Tần xong lại
tiếp đền cuộc Hán Sở tranh hùng. Trong lúc Hán-Vương
đánh nhau với Hạng-Vũ 項羽, Vũ thầy Lăng có tướng tài,
bèn sai người đi bắt cóc thân mẫu của Lăng, Lăng được tin
cho sứ sang thăm, Hạng-Vương bắt buộc Bà phải gọi Lăng về
bên Sở. Bà bảo riêng với sứ giả rằng: Tôi nhờ sứ quân về
bảo Vương-Lăng phải thờ Hán-Vương cho trọn đạo nghĩa,
chớ có vì tôi mà nỡ đổi dạ thay lòng. » Nói xong Bà liền rút
gươm tự tử ngay trước mặt sứ-giả, để cho Vương-Lăng khỏi

phải bận tâm đến chữ hiếu. Và lại tử thù Hạng-vương, cho nên Lãng lại ra sức để giúp Hán đến khi Hán diệt xong Sở, thì Lãng được phong tước Hầu, và làm đến Hữu-Thừa-Tướng.

Việc này các nhà chép sử về sau ai cũng ca ngợi Bà Mẹ ông Vương-Lãng là có cao kiền hơn Bà thân mẫu ông Từ-Thứ? Vì Bà còn du dự đến nỗi mắc mưu Tào-Tháo, dùng bức thư giả để triệu Từ-Thứ sang Tào, rồi khi trông thấy mặt con, Bà mới phản uật mà tự sát, thì đã quá muộn mà rồi !



尚書黎公英俊

THƯỢNG-THƯ LÊ-CÔNG ANH-TUẤN

Ông Lê-anh-Tuấn, người xã Thanh-Mai 青梅社 huyện Tiên-Phong 先豐縣, khi còn nhỏ đã có tài về văn-học. Lúc ấy cụ thân sinh ra ông đương làm giáo-thụ, trong trường rất đông học trò, thế mà ông chưa từng ra học tập chung với anh em đồng môn lần nào, vì thế một hôm có anh môn-trưởng (Học trò đàn anh) vào yết kiến thầy xin cho thế-huynh (con thầy) ra tập bài với các môn sinh. Ông tỏ vẻ ngần ngừ không chịu ra, sau vì phụ thân đốc thúc, ông phải vâng lời ra ngồi cùng chiếu với các bạn học, cụ ông thấy vậy bèn lấy bốn chữ «出將入相» Xuất tướng nhập tướng, đề ra đầu bài.

Nguyên vì các bạn học trò cũng muốn thử xem sức học của ông thế nào, nên mới xin thầy như vậy. Nhưng có ngờ đâu sau khi lãnh được đầu bài, mọi người còn đương suy nghĩ dàn bài chưa xong, thì trong giây phút ông đã viết đủ được mấy câu thực như sau :

外攘夷漢印獨持腰間大羽箭，
內宅撥虞庭策總，頭上進賢冠。

Ngoại nhương di, Hán ấn độc trì, yêu gian đại vũ tiễn, nội trạch quĩ Ngụ đình kiêm tổng, đầu thượng tiến hiền-quan.

Nghĩa là : Lúc ra ngoại biên đánh dẹp mọi rợ, một mình giữ ấn đại tướng nhà Hán, bên hông đeo cung tên (Câu này đề thích thực hai chữ « xuất tướng » tức là tướng võ. Khi vào trong triều cầm đầu bá quan như ông 禹 Vũ ở sân nhà Ngu ngày trước, trên đầu lại đội chiếc mũ tiến hiền (câu này đề thích thực hai chữ nhập tướng tức là tướng văn) khi ông đem bài phú trình lên, cụ ông cũng phải tấm-tắc khen ngợi, còn các môn sinh thấy bài của mình kém xa, nên đều chép lấy bài phú của ông đem về làm mẫu.

Đến tuổi trưởng thành, ông đỗ tấn-sĩ, vào khoa giáp tuất niên hiệu Chính-Hòa (1694) đời Lê-Hy-Tông (黎熙宗). Nhân vì có tài văn học nên ông được vào phụ-tá trong Chánh Phủ. Khi ở trong chánh phủ, ông lại nổi tiếng về chính sự, nên lúc ấy thiên hạ có câu rằng : « 文章黎英俊 政事汝廷賢. » Văn-chương có Lê-Anh-Tuấn, chính-sự có Nhữ-dình-Hiền, là đề khen về môn sở trường của hai ông vậy.

Lại như khi ông dạy học ở trường Giám, có ra bài thơ « 三傑詩 Tam-kiệt-thi » bài thơ của một vị túc nho là Đồng-Bình-Quân 同秉鈞 được khảo quan xếp vào hạng ưu, nhưng ông chỉ diềm loáng thoáng ở câu luận rồi phê rằng : « 未可與言詩 » Vị khả dĩ ngôn thi, nghĩa là chưa đủ nói đến thơ. Khảo quan thấy vậy, liền xin ông soạn cho một bài. Ông cầm bút thảo ngay một bài trong có hai câu rằng : « 一范難扶亡楚國 百參孰與創劉基 » Nhất

phạm nan phù vong Sở quốc, bách tham thực dữ sáng Lưu-cơ (Ky), nghĩa là : Một Phạm-Tăng khôn phù được vận nước Sở cho khỏi mất, dầu có Trầm Tào-tham, cũng phải có ai thì mới dựng được cơ nghiệp họ Lưu.

« Chú-thích : 三傑 Tam-kiệt : Ba người anh-kiệt nhà Hán là Trương-Lương 張良, Tiêu-Hà 蕭何, Hàn-Tin 韓信. Phạm-Tăng 范增, Tăng là quân-sư của Tây Sở. Tào-Tham 曹參 là Đại tướng của Hán Vương Lưu-Bang.

Khảo quan thấy hai câu thực không nói đến Tam-Kiệt mà vẫn có Tam-Kiệt ở trong, nên rất kính phục. Còn Đồng-công thì cũng tấm tắc khen ngợi. Rồi đến từ tạ với ông rằng : Bộc thi Tấn-sĩ không đỗ, nhưng vẫn lầm tưởng rằng văn-học của các Tân-sĩ cũng tầm thường thôi, chẳng ngờ ngày nay được thấy thơ của ngài thì mới biết rằng, văn-chương của mình còn kém xa lắm. Ông thấy Đồng-Công là bực phụ-chấp nên cũng kiếm lời từ tạ. Coi đó đủ thấy văn-chương của ông hơn đời biết bao.



黎公禧

LÊ - CÔNG - HY

Quan Thượng-thư Lê Công-Hy người làng Thạch-Kê 石溪社 huyện Đông-Sơn, 東山縣 khi thảo tờ chế đến câu cuối cùng là «作朕股肱耳目.» «Túc trẩm cồ quăng nhĩ mục», không biết đối với câu gì cho chính? Lúc ấy có quan Thượng-thư là 何宗穆 Hà-Tôn-Mục ngồi bên đọc luôn lên rằng: «保我子孫黎民» Bảo ngã tử tôn lê-dân. Nghĩa là: Làm cánh vế tai mắt cho trẩm, đối với: giữ con cháu lê dân cho ta. Câu đối đó Lê-Công rất khen ngợi, rồi tặng ngay hai thoi bạc cho Hà-Công.

Nguyên Lê-Công lúc cầm chính quyền, rất là khắc-nghiệt ghen người hiền, ghét người tài năng, ai có danh vọng, ông cũng tìm cách mạt sát đến cùng, vì thế thiên hạ đều phải khiếp oai!

Lúc ấy có quan Thượng thư ở làng Văn-Hà 挽河社 là Nguyễn-quán-Nho 阮冠儒 đồng thời làm quan ở trong chánh phủ, nhưng lại nổi tiếng là người có đức độ, nên người đời mới có câu rằng: » Tề tướng Lê-Hy thiên hạ sấu bi; Tề tướng Văn-Hà, thiên hạ âu ca.

«宰相黎禧天下慈惠宰相祝河天下振歌». Nghĩa là ông Lê-Hy làm Tề-tướng thì thiên hạ sâu thẳm, lo âu. Trái lại, ông Văn-Hà làm Tề-tướng thì thiên hạ an cư lạc nghiệp, hát xướng vui mừng.

Người ta lại thấy có vị thần ở trên không trung phán bảo : « Lê-Hy khắc nghiệt sẽ bị xóa tên ». Quả nhiên ít lâu nữa thì Lê-Công mất. Ai cũng cho là ứng nghiệm.



梁 有 慶

LƯƠNG - HỮU - KHÁNH

Ông Lương-Hữu-Khánh quê xã Hội-trào 會潮社 là con trai quan Bảng-nhãn Lương-đắc-Bằng 梁得朋 ở huyện Hoảng-Hoá, Tỉnh Thanh-Hoa 清化省弘化縣.

Ngay từ lúc nhỏ đã có dị tài. Nguyên trước quan Trạng-nguyên Trình-Công 狀元程公 cũng là học trò quan Bảng, sau khi quan Bảng mất, Ngài đem ông Khánh về nhà nuôi dạy, biết ông có tài phi thường nên khi về trí sĩ rồi, ngài có hẹn quan Tề lúc ấy là Kế-Khê-Công 菊溪公 phải trọng đãi ông để dành nhân tài cho quốc-gia.

Nhưng Hội-trào công thi đã đoán biết thế nào nhà Lê cũng sẽ phục hưng, nên ông quyết chí quay về con đường sáng sủa, chứ không muốn lưu lại nữa. Còn Kế-Khê-Công thì cũng dự đoán ý ông như vậy, nhưng chưa chắc hẳn.

Bỗng một hôm thấy bài phú Tàn-quan-văn-kê 秦關聞鷓 của ông để lại, trong có một câu : « 留客翻成去客 Lưu khách phiên thành khứ khách, thì mới ngạc nhiên bảo rằng : « Thời anh ấy đi thật, bấy giờ mới vội

sai người đến xét nhà trọ thì ông đi đã xa rồi, đuổi theo chẳng kịp.

Về sau quốc triều trung hưng thì ông làm đến Lại-Bộ thượng-thư và tước Thái-Tể quận-công.

« Chú : Lưu khách thành ra đuổi khách ».



武惟斷

VÕ - DUY - ĐOÁN

Quan Thượng-Thư Võ Công Duy-Đoán người làng Mộ-Trạch 慕澤社 huyện Đường-an 唐安縣, rất sở trường về thi phú, trong lúc ở nhà, bỗng có một hôm trong trường giám có kỳ tập văn, đầu đề bài thơ là «韓信釣城下詩 Hàn-tín điếu thành hạ thi», đến khi chấm bài, triều quan xét thấy tất cả thơ của chư sinh chưa có cặp trạng nào vừa ý. Câu 3, 4, các quốc-học quan làm thử cũng không được hay, bấy giờ mới sai người đem 5 quan tiền đến nhà xin ông nghĩ giúp cho cặp trạng, ông cầm bút viết ngay hai câu như sau :

濁清辨別杆方放,

左右思量餌再投。

« Trọc thanh biện biệt can phương phóng, tả hữu tư lường nhị tái đầu». Nghĩa là : « Đục trong nhận rõ rồi buông cán, Tả hữu nhìn xong lại thả mồi. » Khi đem hai câu chất thực ấy về, các quan trong Giám ai cũng phải phục là hay.

Lại như lúc ông chưa đỗ, có làm bài phú : 抱薪救火賦, « Bão tân cứu hỏa phú », câu kết viết rằng :

雲臺繪像丹青之畫難成。

« Vân-dài hội tượng đan thanh chi họa nan thành». Nghĩa là vẽ tượng các công thần ở Vân-dài, những nét xanh đỏ khó lòng vẽ được. Về sau ông bị khiển trách phải về trí sĩ, mới nhớ ra rằng : hai chữ nan thành ngày trước quả là sai vậy, nên ông mới đổi hai chữ ấy ra hai chữ Tráng lưu (長留) thành ra 丹青之畫長留, «Đơn thanh chi họa trảng lưu», tức là nét vẽ xanh đỏ còn mãi, bài phú ấy đến nay vẫn còn truyền tụng.



甲 海 公

GIÁP - HẢI - CÔNG

Trạng-nguyên Giáp-Hải người làng Sinh-Kế 鄧計社 huyện Phụng-nhãn 鳳眼縣, lúc nhỏ theo học tại một trường lớn, một hôm thầy ra bài thơ 芭蕉詩, Ba-Tiêu cho chú-sinh làm, ông cũng muốn làm nhưng chưa biết dùng chữ gì, nhân hỏi chú-sinh về chữ Xảo, chữ Trảng chữ Đoản 稍, 長, 短. Chú sinh viết và cắt nghĩa cho ông, ông bèn dùng ngay 3 chữ ấy để làm thành một bài thơ như sau :

Xảo trảng xảo đoản đoản xảo trảng, rồi đảo ngược lại rằng : Xảo đoản xảo trảng trảng xảo đoản v.v... cứ thế đảo quanh được đủ 8 câu, đến lúc chú sinh làm xong đem thơ lên nộp, thì ông cũng đem thơ lên trình. Thầy học xem thơ của ông rất lấy làm lạ bảo rằng : Thơ của chú-sinh còn kém thơ của đồng tử, bởi vì ý nghĩa của bài thơ Ba-Tiêu thì 3 chữ đó đã nói lên được hết cả vậy.

Coi đó thì đũa bé con này đến khi trưởng thành văn chương sẽ lừng tiếng thiên hạ, mà các chú sinh không theo kịp đâu. Quả nhiên khi lớn lên ông đỗ đại

khoa rồi làm đến Thượng-thư, lục-bộ, được phong là Sách-Quốc Công.

(Hai câu thơ ấy nghĩa là : Hơi dài hơi vẫn, vẫn hơi dài. Hơi vẫn hơi dài, dài hơi vẫn. Còn hai chữ Ba-Tiêu, nghĩa là cây chuối). 稍 杳 : hơi, 長 昉 : dài, 短 短 : vẫn hay ngắn, 3 chữ ấy xếp quanh thành ra mấy câu như sau :

稍長稍短短稍長, 稍短稍長長稍短

Xảo昉杳短, 短杳昉, Xảo短杳昉昉昉杳短.



何榜眼

HÀ - BẢNG - NHÂN

Quan Bảng-nhân Hà-Tôn-Huân 何宗勳 người xã Kim-Thành 金城社 huyện An-định 安定縣, là người thông minh mẫn tiệp, lúc còn niên thiếu hay đi đánh bạc, một hôm ông nhạc sai người đi tìm, khi ra về qua ruộng thì thấy ông nhạc đương cùng mấy người con giai gặt lúa ở đó. Ông nhạc dơ đòn xóc lên toan đánh cho cậu mấy cái nhưng lại không nỡ, rồi ra cho một vế câu đối và bảo phải lấy những việc trước mắt để đối, nếu đối ngay được thì sẽ tha đòn, vế đối như sau :

學博才奇, 預入四門之道。

« Học bác tài xa, dự nhập tứ môn chi tuyền. »

Cậu đối rằng: 父耕子耨, 期收百畝之功。

« Phụ canh tử nậu, kỳ thu bách mẫu chi công, » nghĩa là: Học rộng tài cao tứ môn sẽ được dự tuyền. Cha cấy con cấy trăm mẫu ắt phải thu công. Ông nhạc thấy con rẻ đối lại như thế thì cũng mừng thầm, rồi sau đến khoa giáp thìn niên hiệu Bảo-Thái nhà Lê (1724) ông đỗ Bảng-nhân.

Nguyên trước nhạc-phụ đã từng đi dạy học ở nhiều

nơi cho nên sau này Cự thường khoe rằng: môn sinh của Cự có rất nhiều anh tuấn. Ông bèn làm bốn một đôi câu đối, đến đêm viết vào cánh cửa nhà Cự như sau:

禮不聞往教, 伴開設教之場.

đối với 士有辰為貧, 聊作救貧之計.

«Lễ bất văn vãng giáo dương khai thiết giáo chi trường», đối với: «Sĩ hữu thời vị bần liêu tác cứu bần chi kế.» Đại ý nói rằng: Trong kinh lễ chưa nghe thấy rằng phải đến tận nơi để dạy học. Vậy sao Cự lại đi mở trường học ở các nơi? Chẳng qua kẻ sĩ có lúc chỉ vì cái nghèo, cho nên mới phải tìm kế cứu vãn cảnh nghèo đó thôi!

Hôm sau nhạc-phụ xem thấy câu đối có vẻ chế diễu mình đây, nhưng đoán biết là của ông qui-tế nên cũng bỏ qua không hỏi đến nữa.



阮惟時

NGUYỄN - DUY - THÌ

Quan Thượng-Thư Nguyễn-duy-Thì người làng An-lãng 安朗社 huyện An-lãng, khi chưa đỗ có đến chùa Xuân-lôi 春雷 huyện An-phong 安豐縣 đề cầu thần báo mộng, trong khi ông vẫn còn thức, thì ở giường bên bồng có một người nghe thấy thần nhân đọc mấy câu rằng: 安朗人, 安朗人, 國家安危係爾一身 « An-lãng nhân, An-lãng nhân, Quốc-gia an nguy hệ nhĩ nhất thân », Nghĩa là: Người xã An-lãng, Người xã An-lãng kia, cuộc an nguy của nước nhà quan hệ ở thân người đó. Người ấy tỉnh dậy không hiểu ra sao, bèn kê lại cho mọi người nghe, ông nghe xong nói lớn lên rằng: Đó là điềm tốt của ta.

Về sau khoa Mậu tuất niên hiệu Quang-hưng (1598) ông đỗ Hoàng-giáp, rồi sung chức trong chính-phủ, có công trừ được nội nạn, dần dần thăng đến Lục-bộ Thượng Thư, và được mở phủ đường tại gia.



狀元阮簡清

TRẠNG - NGUYỄN NGUYỄN - GIẢN - THANH

Trạng-nguyên quê làng Ông-mặc 翁墨社 huyện Đông-ngàn 東岸縣, lúc thiếu niên còn đương đi học, một hôm vừa tan buổi học thì giới bỗng đổ mưa không ra về được, nhân tiện thầy học mới ra cho một vế đối: 雨無間鎖能留客 « Vũ vô quan tỏa năng lưu khách », ông đối ngay rằng: 色不波濤易溺人, « Sắc bất ba đào dị nịch nhân ». Nghĩa là : Mưa không cửa khóa mà lưu khách, Sắc chẳng phong ba dễ đắm người. Thầy học phê vào câu đối ấy rằng : Câu này quả có khí tượng Khôi-nguyên, chỉ sợ sau này lại bị nữ sắc làm lụy đó.

Lại còn người học trò khác cũng đối như sau : 月有鎌刀不害人. « Nguyệt hữu kiềm cung bất hại nhân », nghĩa là : Giăng có vành cung chẳng hại người. Thầy học phê rằng : câu này so với câu trên thì kém, nhưng mà công nghiệp về sau chắc hoàn mỹ hơn, quả nhiên về sau đều đúng như lời phê phán.



阮殿作詩後登進士

Nguyễn-Xao tác-thi, hậu đăng Tấn-sĩ.

Nguyễn-Xao làm thơ, sau đỗ Tấn-sĩ.

志氣與尚書嚴山侯相似

CHÍ KHÍ DỮ THƯỢNG-THƯ NGHIÊM-SƠN-HẦU TƯƠNG TỰ

Chí khí cùng giống như Quan Thượng-Thư Nghiêm-Sơn-Hầu

Tấn-sĩ Hội-nguyên là Nguyễn-công-Xao, quê ở làng Phù-Chân 扶軫社 huyện Đông-Ngàn 東岸縣, khi đã 17, 18 tuổi vẫn chưa đi học, lúc đương đánh lưới ở ngoài cánh đồng, thấy có đám rước quan Tấn-sĩ vinh qui qua đó, Ông hỏi người chung quanh rằng: Tại sao ông ấy lại được sung sướng như vậy? đáp: Người ta đi học rồi làm nên chức sao? Ông nói: Đọc sách thì có khó gì, rồi ông bỏ nghề đánh cá để đi tìm thầy xin học, đến năm hơn 30 tuổi, gặp khoa thi năm canh tuất đời Lê Hồng-Đức (1490) thi đỗ Hội-nguyên, khi vào ứng chế lại đỗ thứ nhất.

Nguyên trước lúc còn đi học ông thường làm bài thơ vay thóc của Trần-Cạnh ở Giang-Châu « 貸江州陳莞粟 » «Thái Giang-Châu Trần-Cạnh túc». Câu kết viết rằng: 不與涪陵春一斗 »Bất dữ Bồi-lăng thung nhất đấu», Thầy học cho là kỳ tài, đoán chắc về sau sẽ đỗ Tấn-sĩ, quả nhiên ứng-nghiệm. (Câu kết không tìm thấy điển)

武探花寄詩成識

VÕ - THÁM - HOA KÝ THI THÀNH SÁM

Võ Thám-hoa gửi thơ thành lời sám

Thám-hoa Võ-Tôn-Sư 武宗師 người xã Đan-loan 丹雫社 huyện Đường-An 唐安縣, thấy hai người học trò ở đồng quận, gặp ngày khảo thí, tranh nhau cao thấp chẳng ai chịu nhường ai, Ngài liền gửi riêng cho mỗi người một bài thơ trong có hai câu :

風餘萬里天猶狹,

肯與鶻鴞競一枝

Phong dư vạn lý thiên do hiệp, Khẳng dữ Tiêu-liêu cạnh nhất chi. Nghĩa là :

Gió đưa muôn dặm trời coi hẹp, Chim-chích len chi một cái cành. Rồi sau người ấy quả nhiên đỗ đạt, còn người kia thì lưu lạc suốt đời, khác nhau như thế đại bằng sánh với Tiêu-liêu. Như vậy há chẳng phải là thơ sám đó sao ?



阮尚書矢口成章

NGUYỄN THƯỢNG-THƯ THÍ KHẨU THÀNH CHƯƠNG

Nguyễn Thượng-Thư buột miệng thành thơ.

Đại-hung Hầu Nguyễn-Thế-Nghi 阮世儀 là em Trung-quan Nguyễn-Thế-Ân 阮世恩, quê làng Mộ-trạch 慕澤社 huyện Đường-An 唐安縣. Văn chương nổi tiếng, lại sở trường về quốc ngữ, lúc nhỏ chơi thân với Mạc-Đăng-Dung, khi Dung chiếm được quốc gia, có triệu ông ra làm quan, nhưng ông không nhận, chỉ xin phong cho tước Hầu, rồi ông tự hiệu là Đại-hung Hầu 大興侯, và có đề một câu kệ ở cửa như sau :

英雄埃乃戎仍, 帝埃且關大興極倫?

Anh hùng ai nấy nhưng nhăng, Nào ai đến cửa Đại-hung chẳng luồn? tức là ngụ ý mỉa mai Đăng-Dung vậy.

Từ đấy, ông cam sống một đời ẩn dật, về sau xuất gia ở chùa Tràng-Lạc 長樂寺 ngay ở trong kinh thành, tiếng rằng xuất gia nhưng vẫn lấy vợ, búi tóc, uống rượu ăn thịt, chẳng khác người thường, mãi đến cuối đời nhà Mạc người ta vẫn thấy còn sống. Lúc ấy ông thấy nhà Mạc hoang dâm, bỏ bễ chính sự, ông có soạn ra một truyện Lạc-xương phân-kính 樂昌分鏡 bằng chữ quốc âm chế bai họ Mạc, trong có câu rằng :

特陳隋襪少俄
耽皮色惹羅加女陳

Được Trần Tuy lấy làm nga. Đam bề sắc dục càng gia nữ Trần. (Theo đúng nguyên bản đề phiên âm, chưa chắc đã phải), nói rất thống thiết như vậy, tiếc rằng vua không tỉnh ngộ. Lại có truyền ngôn rằng : ông từng diễn cả Truyền-kỳ Truyền-nghĩa, văn rất già dặn ; và bài phú 玄光送宮女賦. Huyền-Quang Tống cung-nữ. ngày nay vẫn còn.



尚書武脫穎

THƯỢNG-THƯ VÕ-THOÁT-DĨNH

Ông Thượng người xã Bao-Trung 褒中社 huyện Gia-Phước 嘉福縣 vốn người mẫn tiệp, thi đỗ Tấn-sĩ khoa Mậu-Tuất niên hiệu Đại-Chính (1538) thời Mạc-Đặng-Doanh ; ông sở trường về văn quốc âm, và có biệt tài về thể văn hài hước, hễ hơi hé miệng là đã thành thơ, đến nay cũng còn truyền tụng.

Một hôm có người tìm đến xin ông soạn hộ cho mấy câu văn đề mộ chí (bia dựng trước mộ). Ông hỏi thân phụ của anh ngày xưa chức tước thế nào? Người ấy đáp: Cha tôi ngày trước làm quan Tài-quan? Ông bèn đọc ngay mấy câu như sau :

生爲村官死入官村
其生也榮其死也哀

Sinh vi Tài-quan, tử nhập quan tài, kỳ sinh đã vinh, kỳ tử đã ai. Nghĩa là : Sống làm Tài quan, chết vào quan tài. Lúc sống vinh hiển, Lúc chết bi ai.

Đọc xong bốn câu ông bảo người ấy chép đem về, lối văn hài hước của ông đại khái như vậy.

Lại có một lần, ông ra ngoài chợ chòng ghẹo con

gái, người ta bắt giải vào phủ. Quan phủ hỏi cung thì ông khai rằng : 圭於府下, 賈在囊中, 因為遊市侈及賜紅, 呂蹊踏滯, 無詞茲供. Quê ở phủ hạ, quán tại Bao-Trung, nhân vì chơi chợ (du thị) sây gập má hồng, Lữ chôn đạp phải, Vô từ tư cung.



中興後文體益阜

TRUNG-HUNG HẬU VĂN THỂ ÍCH TÌ

Sau thời Trung-hung văn càng thấp kém

Sau thời Trung-hung văn thể lại càng thấp kém (nói về nhà Lê). Khoa thi nào cũng thế, sau khi vào trường, sĩ tử tụ tập lại để làm văn, người đáng bực sư mô xướng lên một câu, rồi người có sức học khá giả tiếp ứng thêm vào để luyện thành một thể hay là một bài, rồi người khác cứ việc theo đó mà chép vào quyền của mình, cho nên văn bài hầu hết giống nhau; vì thử quyền nào mà biết sửa đổi khác đi một chữ thì được xếp vào hạng ưu, còn bao nhiêu quyền trùng kiến, khảo quan cũng lấy đó bằng hết chứ không nề hà.

Lại có khoa thi đến kỳ thứ hai đầu bài ra rằng: 賈復為膠東侯食邑四縣. Giả-phục vi Dao-đông-Hầu thực ấp tứ huyện. Nghĩa là: Ông Giả-Phục được làm Dao-đông-Hầu, ăn lộc 4 huyện, thế mà trong trường có bao nhiêu quyền cùng viết mấy câu:

昔時既著艱難, 今日宜同富貴

Tích thi ký trước gian nan, kim nhật nghi đồng phú quý. Nghĩa là: Thời trước đã chịu gian nan, ngày nay nên cùng phú quý. Đến khi hợp lại có tới hơn 30 quyền đều viết như thế; Trong đó riêng có một quyền viết nhằm chữ quý lên trên chữ phú, thế mà khảo quan cho là thiết với

đầu đề, phê cho ưu hạng, văn chương tệ hại đến thế là cùng.

Lại có một khoa thi hội, vào đệ tam trường, đầu bài ra rằng : « 豐年為瑞賢臣為寶賦 » Phong niên vi thụy, hiền thần vi bửu phú, nghĩa là năm được mùa là điềm lành, bề tôi hiền là của báu, Nguyễn-công-Hãng 阮公沆 là bậc sư mô, bắt đầu xướng lên 1 câu : 兩知所貴 呂蒙 兩知所貴 呂蒙 tri sở quý, nghĩa là : biết rằng hai thứ cùng quý. Rồi sau có vị Giải-nguyên ở tỉnh Sơn-Tây đối với 4 chữ 肆降厥倫 Tứ giáng quyết luân ; nghĩa là : tự giới ban lạnh xuống, các sĩ tử tấm tắc khen hay, rồi gom góp mỗi người mấy câu thành ra một bài, xét ra có tới 100 bài giống nhau như thế mà cũng được đỗ tất cả.

Nguyên lúc bấy giờ về việc tuyển cử, thể thức từ xưa để lại cũng rất chặt chẽ, bài nào viết mất hay là viết nhầm một chữ cũng phạm trường qui, có khi cả bài rất hay, nhưng hễ viết nhầm một chữ thì cũng bị loại.

Thế mà có khoa vào kỳ đệ tứ trong bài văn sách có quyền viết rằng : '上有可為之君,下有可為之君 Thượng-hữu khả vi chi quân, hạ hữu khả vi chi quân. Nghĩa là : trên có vua làm được, dưới có vua làm được, khảo quan thấy chữ quân ở câu dưới viết nhầm (chính là chữ 臣 thần mới phải) bèn xướng lên rằng : Quyền này viết nhầm một chữ quan hệ như thế phải nên đánh hỏng, (thần là bề tôi).

Lúc ấy có một ông quan trong viện hỏi sai chữ gì ? Khảo quan bèn đọc câu ấy lên và đưa quyển ấy cho mọi người coi. Nhưng trong viện lại có ông nói đùa rằng : Không sai đâu ? Vì chữ quân trên là nói vào hoàng thượng « vua Lê » ; còn chữ quân dưới là nói vào vương thượng (chúa Trịnh) đó, chứ có nhầm đâu ? Khảo quan nghe nói lấy làm ngạc nhiên, không giám đánh hồng, lại cho trùng cách như thường.

Than ôi ! Vinh hoa thực có định số, chứ không phải là sự ngẫu nhiên vậy.

Lại có một khoa ứng chế bài Ngũ-ngôn thi lấy vận chữ Tề (齊) trong có một quyển viết rằng :

時欣逢一治，臣幸娶三妻
Thời hân phùng nhất trị,
Thần hạnh thú tam thê. Nghĩa là : mừng nay gặp thịnh thế, Thần được lấy 3 vợ.

Xét ra câu đó dẫu làm trò cười cho lúc bấy giờ, nhưng thơ và văn có vẻ chất phác, ý tứ trung hậu, thi cũng đủ thấy phong tục thuần mỹ hơn lúc khác, còn hơn lối văn phù hoa khinh bạc như lối thời trang.

Thực là văn trong thời loạn, kẻ có muôn vàn, người cầm vận mệnh văn chương còn phải ra sức chấn chỉnh, thì lối văn ấy lại cần phải được biểu dương, chứ có lẽ nào bảo là thô bỉ.



安排社淫祠可毀

AN-BÀI XÃ DÂM TỬ KHẢ HỦY

Nên phá hủy đền thờ nhảm nhí ở xã An-bài

范顏廟 *Miếu Phạm-Nhan* ở xã An-bài 安排社 huyện Đông-Trào 東潮縣, ngay bên bờ sông Thanh-lương 清涼江. Tục truyền thần đó họ Nguyễn tên Linh 阮靈, cha là người tỉnh Quảng-dông bên Tàu sang cư ngụ bên ta, rồi lấy vợ ở xã An-bài, sinh ra Bá-Linh 伯靈. Bá-Linh thi đỗ Tân-sĩ triều nhà Nguyễn, có biết nghề phù thủy nên được trị bệnh ở trong cung. Linh thông dâm với cung nữ, nên bị khép tội, sắp sửa đem ra hành hình, thì gặp lúc quân Nguyễn kéo sang xâm chiếm nước ta. Bá-Linh liền xin ra làm hướng-đạo để lập công chuộc tội, nhà Nguyễn cho đi, chẳng ngờ trận đánh ở sông Bạch-Đằng 白藤江 thì Linh cùng Ô-Mã-Nhi 烏馬兒 v.v. đều bị Hung-Đạo Đại-Vương bắt sống.

Riêng về phần Linh, trước khi bị đem đi hành hình, y xin được chết ở nơi quê mẹ, nên mới đem y về chém tại xã An-Bài, rồi quăng xác xuống sông.

Lúc ấy có hai người thuyền chài đánh cá ở khúc sông đó, mỗi khi kéo lưới lên thuyền, thì cá chẳng thấy mà lại chỉ thấy cái đầu Bá-Linh, hai người lấy làm sợ hãi khẩn thăm: Nếu hồn có thiêng thì phù hộ cho chúng tôi đánh được nhiều cá. Tôi sẽ làm lễ mai táng hẳn hoi. v.v.

Lạ thay hai người vừa khấn nhằm xong thì mẻ lưới nào kéo lên cũng đầy những cá, hai người thấy vậy bèn đem thủ cấp Bá-Linh lên táng ở trên bờ sông.

Rồi từ hôm ấy về sau, mỗi khi ra chợ bán cá, đi qua chỗ đó, hai người chỉ tay vào mộ nói bỡn : Mời bác đi chơi cho vui, lần nào cũng thế thành ra thói quen, rồi hồn ma ấy ộp vào thành ra 3 người, cho nên lúc ấy người ta mới gọi bọn chúng là Tam hồn, và bắt thói nhau, hễ khi muốn chòng ghẹo một phụ-nữ nào, họ sẽ gọi tên Bá-Linh rồi chỉ tay vào người ấy, thì người ấy sẽ bị ma ám ảnh ngay, vì thế nhân dân trong hạt mới phải lập miếu đề thờ.

Nguyên trước lúc đem Bá-Linh ra chém, thời y có xin với Đại-Vương rằng : Trước khi bị chém thì Ngài cho tôi được ăn thứ gì ? Ngài cả giận quát rằng : Cho my ăn máu bà đẻ. Vì thế sau khi chết, hồn ma của y mới đi khắp cả trong nước, tìm để hút máu đàn bà, nếu ai mắc phải thì sẽ bị ốm liên miên, thuốc gì cũng vô công hiệu.

Nếu ai sớm biết là mắc phải bệnh Phạm-Nhan, thì tới ngay đền Vạn-kiếp làm lễ cầu đảo và đem chiếu mới đổi lấy chiếc chiếu cũ đem về, thừa lúc vô ý để trải cho bệnh nhân nằm, (nếu để bệnh nhân biết thì không nghiệm); và lại xin thêm một ít chân nhang đem về đốt cháy thành than, rồi hòa với nước cho bệnh nhân uống, thì các chứng bệnh đều tiêu tan hết.

Nhưng có một điều là nếu ai quả nhiên mắc bệnh Phạm-Nhan thì mới hiệu nghiệm, bằng không thì thôi. Vì thế thiên hạ kéo nhau lũ lượt đến xin thay chiếu, chẳng lúc nào ngơi. Có khi người ta vừa mới đem chiếu về nhà chứ chưa kịp thay, thế mà bệnh nhân đã khỏi như thường. Sự ứng nghiệm đều như thế cả.

Tương truyền rằng : đèn thờ Phạm-Nhan ngày trước ở trong Tự-điền được đặt lên hàng Thượng đẳng, chỉ vì một hôm xa giá của Hoàng-Thượng đi tuần du, khi qua cửa miếu thì thuyền của hậu-cung không tiến lên được. Hoàng-Thượng cá giận, hạ lệnh cho quan hầu đem súng bắn vào trong đèn và truất xuống một bậc, ngày nay vẫn còn sắc phong như thế.

Than ôi ! một cái dâm từ (đèn nhằm nhí) mà còn giữ được nhang khói đến 500 năm, chỉ vì không có một vị Tuần-phủ như Địch-nhân-Kiệt, thì cũng ngán thay. (Địch-nhân-Kiệt phá hủy dâm từ).



夢記

MỘNG KÝ

附雜記

PHỤ TẠP KÝ

Triều đại nhà Trần ở làng CỒ-LỄ 古禮社, thuộc huyện Nam-Chân 南真縣, có quan Trạng-nguyên Đào-Công Sư-Tích 陶公師錫, khi vào kinh thi hội, vừa bước chân ra khỏi cửa thi gặp một người đàn bà, ông xi một tiếng rồi bảo: Ta đi ứng thí mà lại gặp gái thế này v. v. còn mong gì nữa?

Nhưng người đàn bà ấy cũng nhanh trí khôn, nên khi thấy ông tỏ vẻ giận dữ thì mụ ứng khẩu đáp ngay: Ông đi thi thi đỗ Tấn-sĩ, chứ có can gì đến bọn đàn bà chúng tôi.

Ông lại nổi nóng, nói gắt: «Thi đỗ Tấn-sĩ ta đây không thêm!»!

Mụ lại nói chừa luôn rằng: Chả đỗ Tấn-sĩ thời đỗ Trạng-nguyên chứ sao?

Ông mỉm cười đáp: được được. Thế rồi khoa ấy quả nhiên ông đỗ Trạng-nguyên.

Lại như trước đây ở làng Phù-Chân 扶軫社 thuộc huyện Đông-Ngàn 東岸縣 có một Cống-Sĩ thường soạn

bài phú «鎮國家撫百姓賦» Trấn quốc gia phủ bá Tánh phú, trong có câu rằng: 堪嗟思少高皇, 忍負功高相國. Kham ta ân thiếu Cao-hoàng; nhẫn phụ công cao tướng-quốc. Nghĩa là: đáng buồn cho đức Cao-Hoàng ít ra ân huệ; nở phụ vị tướng quốc có công cao. Câu này được đời truyền tụng, cho là thánh non.

Thế rồi đến khoa thi hội Cống - Sinh cũng đi dự thi lúc qua bến đò, thì người lái đò đêm trước mơ thấy thần nhân bảo rằng: Sớm mai sẽ có ông Tân Tấn-sĩ sang sông, vậy mi phải chỉnh đốn thuyền đò chực sẵn.

Quả nhiên sáng hôm sau Cống-sinh vừa đi tới bến, lái đò thuật lại giấc mộng đêm qua rồi nói: Khoa này tất nhiên ông đỗ Tấn-sĩ.

Ngờ đâu Cống-sinh dùng dùng nổi giận, chửi bới cha ông chú lái rồi bảo: Tấn-sĩ Ta đây không thêm! Sự thực thời ý của Cống-sinh này cũng giống với Đào-Trạng-Nguyên ở trên, nhưng vì chú lái là người chất phác không hiểu ra sao, nên đành lẳng lặng.

Chẳng ngờ ông cống ấy vừa sang sông khỏi, thì lại có một ông cống mới nữa đến, chú lái hình như chột dạ hỏi luôn ngay rằng: Ông có giống ông ban nãy hay không? Tôi vừa bị ông ấy mắng nhiếc một hồi thậm tệ đó. Than thân xong rồi chú mới kể lại cho ông cống sau nghe.

Ông cống sau đáp: Thôi ông ấy chẳng lấy Tấn-sĩ thì đề phần ta lấy vậy. Chú cứ chở đò cho tôi sang

sông di nào. Chú lái gia gia, tôi xin chử ngay.

Thế rồi khoa thi hội ấy ông cống-sĩ sau được đỗ Tấn-sĩ, còn ông Thánh non, thì lại bị rớt, mà cứ rớt hoài ! Như vậy chẳng đúng như câu tục ngữ là « linh linh thần khâu » đó sao ?

Đời trước lại có một vị triều-sĩ trước lúc đi thi có cầu thần mộng, được thần báo mộng cho hay : rằng anh cứ về hỏi mục hàng xóm ; hễ mục ấy bảo cho câu gì tức là tiền trình của anh ở đó.

Nhưng lúc triều-sĩ tỉnh dậy lại nghĩ rằng : Cái mục hàng xóm của ta có tỉnh giờ người như thế, nếu ta đem việc thi cử ra hỏi, tất nhiên mục sẽ trả lời những câu không tốt, chi bằng ta phải dụng kế mới xong ?

Nghĩ như thế nên khi gặp mục ông bèn hỏi trước ngay rằng : « Kia mục Tấn-sĩ đi đâu ? » Mục ấy chẳng hiểu Tấn-sĩ là cái tên gì, cứ tưởng ông ấy mắng mình sao đó, nên cũng quát lại : « Có ông là hạng Tấn-sĩ ấy chứ, tôi đây đâu phải là hạng Tấn-sĩ, mà ông lại gọi như thế. » Triều-sĩ đáp : Vâng vâng ; Thế rồi khoa ấy quả nhiên ông đậu Tấn-sĩ. Coi đó thì câu ngạn ngữ thường nói : « Cửa miệng có thần » há chẳng đúng thế hay sao ?



Lại như Quốc triều niên hiệu Cảnh-Trị, giữa khoa thi hội năm Canh-Tuất (1670), vào kỳ đệ 4 xong, sáng

hôm sau hơn 20 danh-sĩ cùng vào nội điện để xem Long-Trì, xem xong kéo nhau ra quán ngồi chơi, tự nhiên thấy mục chủ quán hỏi rằng: Các ông là những ông Cống vừa vào thi hội đó chẳng, sớm nay mới gặp, nhưng tôi đã mơ thấy từ tối hôm qua đó.

Mọi người nghe mục chủ quán hỏi thế đều trả lời rằng: Chúng tôi đều là Tấn-sĩ khoa này, nên mời vào xem Long-trì để nhận chỗ ngồi trong lúc đình thi. Vậy mục mơ thấy thế nào kể cho chúng tôi nghe với.

Mục chủ quán đáp: Đêm qua Tôi nằm mơ thấy Hoàng-Thượng ngự ở trên điện để nghe xưng danh các vị Tấn sĩ, trong đó có người tên gọi là Nguyễn-công-Phái 阮公派 (có chỗ là 阮 Hoảng). Vậy đây có ai tên gọi thế không? (Công-Phái là người ở xã Dục-Kỳ 毓奇社 thuộc huyện Thanh-Lâm 青林縣).

Mục vừa hỏi xong bỗng có một người đứng phắt ngay dậy thưa rằng: Ta đây chính là Công-Phái; vậy mục mơ thấy ta đồ thứ nhất phải không?

Mục đáp: xin ông đừng giận; lúc ấy tôi mơ thấy có một người đứng ở trên điện cầm sớ xưng danh, đầu tiên xưng Nguyễn-công-Phái. Nhưng rồi lại có người khác đứng bên cầm bút xóa đi và bảo: Gã này vô hạnh cho đồ làm chi. Rồi thấy xưng đến tên khác là Trần-thế-Vinh 陳世榮. Vậy ai là Trần-thế-Vinh tức là Tấn-sĩ thứ nhất của khoa này đó.

Trần-Công nghe hỏi vội vàng đứng dậy, nói lớn lên rằng: Thế-Vinh chính là tôi đây.

Mụ lại nói tiếp: Tôi thấy trên điện xướng danh rất lâu, có lẽ khoa này được nhiều Tấn-sĩ. Vậy thì các ông thử nghiệm xem sao.

Thế rồi đến hôm ra bảng, ông Trần-thế-Vinh quả đỗ hội-nguyên, còn đỗ Tấn-sĩ được những 21 vị. Kê về đặc nhân thi từ trung hưng đến nay, riêng có khoa này là nhiều hơn cả.

Còn về Công-Phái chẳng những khoa ấy bị hỏng, mà còn hỏng đến trọn đời. Nhưng rồi về sau thì ông phụng mạng vào dạy Sừ-vương (Thái-tử), vì có công ấy được tiến làm Triều-sĩ, dần dần thăng đến Công-bộ Tả-thị-Lang rồi mời tri-sĩ, hưởng thọ đến ngoài 80, khi mất, được tặng phong đến chức Thượng-Thư.

Than ôi! như ông về đường quan giai phúc lộc, tìm ở các vị đại khoa tướng cũng ít người được đến như thế, thế mà tạo vật lại nở tiếc ông đòi chữ khoa vinh. Coi đó đủ biết khoa danh rất là hệ trọng, hiền đạt há có dễ đâu.



Lại như khoa ấy, trước ngày thi đình cũng có một người mơ thấy Thiên-quan đương ngồi đề xếp thứ tự người đỗ, đầu tiên đã định lấy ông Đặng-dinh-Tương 鄧廷相 được đỗ Trạng-Nguyên, chợt lại nhìn thấy tên của Lưu-

Công 荆公 đứng ở trên sớ. Thiên-quan bèn đòi ý kiến rồi viện lẽ rằng : hễ nhìn thấy mặt ai trước thì cho người ấy được đỗ Trạng-nguyên.

Nhưng trong đó lại có một viên cãi rằng : Trạng-nguyên đã cho họ Đặng, nay lại đòi ra họ Lưu làm thế sao được.

Rồi sau mọi người bàn rằng : Nếu đề cho họ Lưu đỗ, thì nên lấy thứ gì khác đền bù lại cho họ Đặng cũng được chứ sao. Người ấy thức dậy ghi nhớ lấy câu thần mộng đề nghiệm xem sao.

Đến hôm đình thí, văn của Đặng Công đáng được đỗ đầu, chỉ vì chữ viết sai suyển quá nhiều, nên bị đánh xuống Tấn-sĩ, mà Lưu-Công thì đỗ Trạng-nguyên, nhưng chẳng bao lâu ông bị mất sớm.

Còn phần Đặng-Công thì làm đến chức Thái-phó Quốc-bảo rồi mới trí-sĩ, nhưng sau vua lại triệu ra, làm đến chức Đại-Tư-Không, hơn 10 năm nữa rồi mới trí-sĩ, hưởng thọ 86 tuổi ; con cháu 4 người được lấy Công-chúa, đai vàng áo tía, rục rở cả chốn triều-dình, phúc lộc ít ai bì kịp.

Than ôi ! Phúc lộc đề đa đến thế mà cũng chỉ đủ thường lại cái danh Trạng-nguyên, thì cái danh ấy là một thứ cao cả nhất xưa nay, thực chẳng sai vậy.



Lại truyền ngôn rằng : lúc ấy có quan Thượng-thư,

khi chưa đỗ đạt, đi cầu thần mộng, thần nhân bảo rằng :
Nhà ngươi đến 60 tuổi mới đỗ Tấn-sĩ, đến khi tỉnh dậy
ông đề một bài thơ quốc-ngữ trong có những câu sau
này :

册熟文唔事極疑
馳巴進歲杜辰皮
神人極別麻浪五
旦恭進時魁尚書。

Sách thuộc văn hay sự chẳng ngờ? Trong ba mươi
tuổi đỗ thì vừa, thần nhân chẳng biết mà rằng vậy. Đến
sáu mươi thì đã Thượng-thư.

Thế rồi khoa ấy, quả nhiên ông đỗ Tấn-sĩ, mà tuổi
chưa đến 30, đến năm 60 tuổi thì đã lãnh chức Thượng-
thư. Như vậy thì diêm báo mộng phải nói trái lại mới
đúng, đủ biết thần lý thực là huyền diệu lắm thay.



Lại có một vị Triều-sĩ lúc vào thi hội có tới một linh-
tử đề cầu thần mộng, được thần báo rằng : nhà ngươi đến
30 tuổi mới đỗ. Triều-sĩ thức dậy viết một bài thơ quốc-âm
như sau :

進士科尼些祕詳, 事之麻待典巴進,
神人極別麻浪五舖於獸些河於至。

Tấn-sĩ khoa này ta lấy tươi. Sợ chi mà đợi đến ba
mươi. Thần nhân chẳng biết mà rằng vậy. Nên ở người
ta há ở giới. Thế rồi năm ấy quả nhiên ông đỗ Tấn-sĩ.

Huyện Chí-Linh 至靈縣 xã Kiệt-đặc 特傑社 có viên Điền-bạ họ Nguyễn, thiên tư thuần túy, về phần đức hạnh lại cũng hơn người, vì thế dân xã đem lòng kính phục. Đến khoảng cuối niên hiệu Vĩnh-Thạnh nhà Lê (1705-1720), ông nằm mơ thấy Vương-An-Thạch 王安石 vào làm Tướng-Quốc, lúc tỉnh dậy ông bảo mọi người rằng: Rồi đây triều đình dùng người tất nhiên khác trước xa lắm, vậy ta thử đợi xem sao.

Thế rồi chẳng bao lâu nữa, nhân gặp ngày đổi niên hiệu Bửu-Thái (1720-1728), Hoàng-thượng ra ơn cho bá quan. Nguyễn-công-Hãng 阮公沆 đương ở chức Binh-bộ-hữu-Thị-Lang được thăng Lễ-bộ Thượng-thư Tham-tụng, ông bèn quyết ý thay đổi những vụ rối ren, đề lập một nền chính-sự mới, chẳng khác gì việc cải cách của Vương-An-Thạch ngày trước, thành ra giấc mộng của viên Điền-bạ quả có ứng nghiệm.

Ôi! Việc gì cũng có tiền định như thế, há phải là sự ngẫu nhiên hay sao! Vương-An-Thạch ở đời nhà Tống thi hành chính sách Bảo-giáp Thanh-miêu, định đề thôn tính nước nhỏ, vì thế Ông Lý-Thường-Kiệt mới đem quân sang đánh, vây hãm châu Khâm, châu Liêm.

Lại như gần đây, giữa khoa thi hội năm kỷ vị (1739) ở xã Động-khê 洞溪社 thuộc huyện Thanh-Lâm 靑林縣, có người mơ thấy phóng bảng ngay ở đình làng mà hai người trúng cách lại chính là người trong làng, người đỗ thứ nhất là viên Huấn-đạo tên là Dương-Mô 楊模, người đỗ thứ nhì là viên Giám-sinh Nguyễn-Tôn-Cổ 阮宗古, khi

tỉnh dậy nói với mọi người, thì ai cũng đoán rằng : khoa thi năm nay, hai người thê nào cũng được dự trúng.

Nhưng rồi đến khoa thi hội năm ấy, cả hai người đều hỏng, khiến cho ai cũng hồ nghi, đoán rằng có lẽ ứng vào khoa sau chi đó. Nhưng rồi cách mấy năm sau thì địa phương ấy có loạn, tất cả hơn 10 cống-sĩ trong làng đều bị lâm nạn, duy có hai người là được sống sót mà thôi. Bấy giờ mới rõ cái điềm phóng bảng trong đình là điềm ứng vào hai tên còn sót sót lại đó thôi.

Than ôi ! Trong thời hung hoang loạn lạc, 10 người còn sót được 2, mà cũng có tiền định như vậy đó !



Lại như tỉnh Nghệ-An kia ở cách rất xa kinh thành, mỗi khi sắp sửa đến khoa thi, các cống-sĩ đều phải lo lắng về khoản lộ phí quá nhiều, nên thường có câu ta thán với nhau rằng : « 二年死三牛 ». Nhị niên tử tam ngưu, nghĩa là : cứ hai năm lại chết mất ba con trâu, đủ rõ khoản tiền lộ phí nhiều đến như thế thì lấy đâu ra.

Ngoài ra lại còn có những cống-sĩ bị hỏng luôn mãi làm cho gia tài khánh kiệt, đến nỗi khoa sau không còn xoay xở vào đâu để đi thi được, cho nên mới phải nghĩ ra một kế : nhằm giữa tối 30 tết, đợi khi làng xóm ngủ yên cả rồi, một cống-sĩ mới đem chiếc thanh la bằng đồng, trèo lên ngọn cây đánh luôn 3 hồi ; rồi lại hô lớn lên rằng : Ta đây là viên treo bảng ở trên thiên đình, nhận

thấy tên mõ, ở làng, huyện, được đỗ Tấn-sĩ khoa này đó !

Giữa lúc đêm khuya thanh vắng dân làng nghe thấy những câu phát thanh ở trên không trung loan truyền như vậy, thời ai cũng lấy làm lạ, thế rồi sáng sớm hôm sau người ta kéo nhau đến nhà viên Triều-sĩ nọ báo tin mừng ấy thì viên Triều-sĩ giả cách không biết gì, rồi sau đáp lại bằng câu thất vọng rằng : Dẫu trên thiên đình phóng bảng như thế, nhưng mà tình thế của tôi đương lúc quần bách, thì khoản lộ phí biết lấy vào đâu, cho nên tôi đã quyết định khoa này không đi thi nữa !

Bà con trong làng nghe viên Triều-sĩ nói thế, ai cũng tỏ lời an ủi và khuyến khích rằng : ngày nay gặp được khoa thi áu là ông cứ việc đi, còn khoản lộ phí bao nhiêu, chúng tôi sẽ xin giúp đỡ. Thế rồi kẻ ít người nhiều tiếp tục đem đến không biết bao nhiêu mà kể ; nhờ được món tiền giúp đó, Triều-sĩ mới đủ phương-tiện lai kinh ứng thí, rồi đỗ Tấn-sĩ ngay ở khoa đó.

Nguyên đêm trừ tịch năm trước giữa lúc có tiếng thanh la ở trên ngọn cây, thì ở thôn ấy có người xã-trưởng vì tính thích đi săn đêm, lúc đó cũng đương sẵn ở ngoài ruộng, nhìn thấy Triều-sĩ leo lên ngọn cây, ban đầu chưa hiểu ra sao. Nhưng đợi một lát thì thấy có những hành động như vậy, người ấy cũng cứ lẳng lặng ra về, chứ không tiết lộ chuyện.

Đến hôm Triều-sĩ sắp sửa lai kinh, bà con đem tiền

đến tặng, riêng có Xã-trưởng thì không giúp đỡ đồng nào, đến hôm được tin báo tiếp, dân làng kéo đến đông đủ, Xã-Trưởng cũng không tới thăm, hôm vinh qui bái tổ, quan khách đầy nhà, Xã-Trưởng cũng vẫn lánh mặt.

Triều-sĩ nhận thấy viên Xã-Trưởng kia có một hành vi lạ lùng như vậy, cho nên cách mấy hôm sau ông sai sửa một mâm rượu, cho mời y đến hỏi rằng : Tôi đây với ông vốn không có sự thù oán, cứ sao ngày nay tôi được hiền đạt, bà con ai cũng tới mừng, mà lại chỉ thiếu có một mình ông, hoặc giả có câu chuyện gì xin ông chớ biết ý kiến.

Xã-Trưởng thưa rằng : Chúng tôi đâu dám có ý gì khác, chỉ vì cái đêm thiên đình treo bảng tôi cũng dự kiến, nên không tới chúc tụng đó thôi, Triều-sĩ nghe xong vội vàng cầm tay Xã-Trưởng, trông mặt cả cười, khiến cho bữa tiệc thêm phần vui vẻ.



Một Triều-sĩ nữa, gia cảnh cũng nghèo, mà về đường khoa danh lại quá chật vật, tiêu tốn về khoản lộ phí đã nhiều, nên bà nội trợ cũng thấy xót ruột, ngày nay sắp đến khoa thi, bà giao hẹn với ông rằng : Tôi chỉ tháo vát cho ông một khoa này nữa để quyết thắng bại, nếu lại bị hỏng thì thôi, chớ đừng thi cử gì nữa.

Nhưng có ngờ đâu văn tinh chưa chiếu, thành thử khoa ấy ông lại hỏng luôn, khi trở về đến đầu làng, ông cố ý đợi cho hàng xóm ngủ yên rồi mới về nhà, rón

rén leo lên trên nóc, ghé miệng yào chiếc ống. gọi phu-nhân ra bảo rằng : « Ta đây tức là Thổ-công của nhà mi đó, mi mau ra đây nghe ta chỉ bảo mấy lời. »

Lúc ấy phu-nhân đương ngủ bỗng nghe tiếng gọi òm òm, dật mình thức dậy mặc áo, vấn tóc chỉnh tề, rồi ra ngoài bái phục xuống đất, đề nghe Thổ-công phán bảo.

Thổ-công bèn cất tiếng hỏi : Ta hiện về đây báo cho mi biết : một là khoa này chồng mi được đỗ Tấn-sĩ, thì mi sẽ ốm chết ngay. Hai là khoa sau chồng mi mới đỗ, thì vợ chồng mi sẽ được song toàn, sau này cùng hưởng phú quý, vậy mi muốn nhận đặng nào ?

Phu nhân nghe Thổ thần phán xong, vội vã chấp tay thưa rằng : Nếu vậy xin đề khoa sau, Ngài hãy phù hộ cho chồng con đỗ cũng chẳng muộn nào.

Thổ thần phán rằng : Ừ, chủ nhân đã muốn như vậy, thì hãy quay vào nhà trong đề ta hóa phép, phu-nhân vâng dạ rồi quay vào phòng. Còn ông Triều-sĩ thì sau lúc ấy cũng lên ra đi cho mãi đến chiều hôm sau mới trở lại nhà, phu-nhân trông thấy liền hỏi ngay rằng : đỗ hay là trượt, ông làm ra vẻ buồn rầu không nói chi cả, đợi khi bà giục đến hai ba lượt, ông mới đáp rằng : « Khoa này không đỗ còn hỏi làm chi ? » Phu nhân nghe tin thì lại mừng rỡ bảo rằng tốt lắm ! khoa này chẳng đỗ đề dành khoa sau, chứ có hề chi, rồi bà kể câu chuyện Thổ-thần truyền bảo đêm trước như thế như thế, bấy giờ ông cũng giả bộ vui

mừng, cảm tạ Thổ thần đã chiếu cố đến, khoa sau quả nhiên ông đỗ Tấn-sĩ. Xét thấy hai việc kể trên, đều là nói bõn mà hóa sự thật, cũng lạ thay !



Ngày trước có một vị Triều-sĩ người rất lanh lợi, khi chưa đỗ đạt, một hôm ra chơi Tràng-An, trong lúc dạo phố bỗng gặp một cô con gái nhà quan, ông sẵn lại bá ghì lấy cổ, bọn lính theo hầu thấy vậy liền bắt giải về trình quan. Quan hỏi sao anh lại dám hỗn thễ, ông thưa : bầm ngài chỉ vì tôi thấy cô gái duyên dáng mặn mà thành ra quên cả tội lỗi.

Quan lớn nghe nói có vẻ lạ lùng, khi nhìn dung mạo lại thấy có vẻ tuấn tú khác thường. Ngài bèn hỏi luôn : Vậy thì nhà ngươi đã có học hành gì chưa, và đã học đến sách gì ? Thưa rằng : Chúng tôi mới đọc đến sách Đại-học.

Vị quan truyền bảo : Nay ngươi đã biết tạ tội, thì ngươi phải viết ngay một tờ cung khai đề ta coi thử. Triều-sĩ vâng lời cầm bút viết ngay mấy câu :

但為氣稟所拘物欲所蔽則有時而昏。

Cung viết : Đăn vì khí bầm sở cấu, vật dục sở tế, tắc hữu thời nhi hôn ».

Mấy câu trên nguyên ở đầu sách Đại-học, nghĩa là người ta sinh ra tính nết đều lương thiện cả, chỉ vì lúc

bị khí bằm câu thúc, hoặc bị vật dục che lấp, thì mới sinh ra hôn mê.

Vị quan lớn thấy ông khai xong rất lấy làm lạ, (vì thấy ông dùng ngay chữ hôn trong sách ra đề cung khai về cái hôn khác) rồi Ngài giữ ở trong nhà và gả cô con gái ấy cho ông, về sau quả nhiên ông đỗ Tấn-sĩ, khoa danh nổi đời đời !



Đời lại truyền ngôn rằng có vị Triều-sĩ phụng mạng sang sứ bên Tàu, khi qua cửa ải Nam-Quan, trong đêm ngủ tại Lữ-quán, ông có tư thông với một thiếu nữ hầu phòng, rồi thiếu nữ ấy có chữa sinh ra một đứa con giai, đến lúc Triều-sĩ trở về, thiếu nữ đem đứa bé đến báo rằng : đây là đứa con của ông xin ông nhận lấy. Triều-sĩ không tin là thực, nhưng cũng thu nhận đem về nước nhà, nuôi-nấng như hạng nô bộc mà thôi, chứ không coi nó như tình cốt nhục.

Thời gian thấm thoát, đến khi đứa bé lên 6, 7 tuổi, ông cũng cho nó đi học với lũ trẻ con, chẳng ngờ một hôm có người anh rề đến chơi, trông thấy đứa bé linh lợi, bèn ra cho nó một câu đối rằng :

« 春風得意馬蹄疾. » Xuân phong đắc ý mã đề tật.
Nghĩa là : Gió xuân đắc ý vó ngựa ruổi mau, (Chắc hẳn lúc ấy lũ trẻ đương cỡi ngựa bằng cành tre chơi đùa với nhau, nên ông mới tức cảnh đọc lên câu ấy). Đứa bé

không cần nghĩ ngợi, ứng khẩu đối rằng : « 秋雨失情牛脚病. »
Thu vũ thất tình ngư cước bệnh. Nghĩa từng chữ là :
mưa thu thất tình chân trâu mắc bệnh.

Xét ra câu này chỉ là đối chọi từng chữ mà thôi, chứ không có ý nghĩa gì cả. Nhưng ông anh rề thấy đứa bé mau trí khôn như vậy thì cũng ngạc nhiên cả cười rồi bảo ông rằng : Đứa bé con này ví thử không phải huyết mạch của đại nhân, thì sao nó lại có được bộ óc thông minh như vậy ? Chắc hẳn đến khi trưởng thành, văn chương nó sẽ lừng lẫy nổi được sự nghiệp ông cha đó, Triều-sĩ thấy vậy mới nhận nó là con mình, rồi sau quả nhiên thì đỗ Tấn-sĩ.



Lại một Triều-sĩ hóm vào thi đình, trong quyền của ông viết sai đến 70 chữ và có hơn 30 câu bị quan Trường phê « Chưa được, chưa kỹ », thế mà vẫn được đăng khoa, vì thế có bạn đồng khoa viết hai câu phú trào phúng ông rằng : « 石室圖形少孔門之高弟.

雲臺繪像多漢室之功臣. »

Thạch thất đồ hình Thiệu Khổng môn chi cao đệ ; Vân đài hội tượng đa Hán thất chi công thần. Nghĩa là : Vẽ hình đề trong thạch thất, thì không đủ số 72 hiền sĩ trong cửa Khổng. Tò tượng đặt trong vân đài, lại nhiều hơn số 28 công thần của Hán triều. Mấy câu này tác-giả đã khéo dùng con số đề nói bóng với số 70 chữ và 30 câu sai nhảm của ông vậy.

Lại có một vị Triều-sĩ không râu, nên bạn đồng liêu đọc hai câu thơ trào phúng rằng :

好酒嗜無難處覓, 令妻畏否有誰知.

Hảo tửu thị vô nan xứ mịch. Lịnh thê úy phủ hữu thùy tri. Nghĩa là : Rượu cũng thèm nhưng không chỗ kiếm ; Vợ dù hãi đó có ai hay. Câu này có ý bỡn ông đã bị vợ vặt trụi râu, nhưng cũng tỏ rõ tình thân của bạn hữu.

Lại một vị Triều-sĩ tên là Từ-bá-Ky 徐伯基 khi ngồi nói chuyện với bạn đồng niên, quên không thắt lưng để cho cặp quần trễ xuống, lúc ấy có một ông bạn khế vỗ vào lưng nhắc cho ông biết chỗ sơ ý đó, và đọc luôn 8 câu thơ ngũ ngôn, câu nào cũng dùng điển tích cái khố hay là cái đai để chế nhạo ông như sau :

昭候猶待日, 廉范未來時.
元狩渾邪下, 建中朱泚圍.
襜之形松六, 屐矣切孤綏.
昔也子墓子, 今焉徐伯基.

Phiên âm

Chiêu hầu do đãi nhật, Liêm phạm vị lai thì.
Nguyên-Thú Hồn-Gia hạ, Kiên-trung Chu-Tỳ vi.
Quắc chí hình tụng lục, Ưu hi thiết hổ tuy.
Tích giả Từ Thái Tử, Kim Yên Từ-bá-Ky.

Giải nghĩa

Câu 1: *Chiêu-hầu*: vua Chiêu-hầu, *do*: còn, *đãi*: đợi, *nhật*: ngày. Tức là « Ngày vua Chiêu-hầu còn đợi ».

Diễn này rút trong « Đông-Chu Liệt-Quốc, chép rằng : vua Chiêu-Vương nước Yên 燕昭王 có chiếc khò rách, bảo quan hầu hãy cắt vào kho, để ban thưởng cho kẻ có công sau này. Ấm chỉ là không có khò. »

Câu 2: *Liêm Phạm*: ông Liêm-Phạm, *vị*: chưa, *lai*: lại, *thì*: buổi. « Buổi quan Liêm-Phạm chưa tới ».

Diễn này ở đời Đông-Hán, ông Liêm-Phạm tên tự là Thúc-Độ 叔度 người huyện Đỗ-Lăng 杜陵, thi đỗ Mậu-Tài, làm quan Thái-Thú Thục-quận 蜀郡, nguyên trước quận đó thường bị hỏa tai về đêm, quan Thái-thú cũ ra lệnh nghiêm cấm không cho dân được nấu nướng và đốt đèn trong lúc đêm tối, dân phải thổi nấu ở trong xó kín, thành ra hỏa hoạn lại nhiều hơn xưa.

Ngày nay Liêm-Phạm đổi đèn, nhận thầy chính sách của quan trước thực là bất tiện cho dân, nên ông ra lệnh bãi bỏ lệnh cấm, cho dân được dùng lửa ban đêm, nhưng phải trữ sẵn nhiều nước để phòng cứu hỏa, từ đây về sau, ban đêm không bị hỏa hoạn, đời sống dân được yên vui, nên họ mới đặt những câu ca rằng :

廉叔度來何暮？不焚火，民安作，平日無禍今五袴

Liêm-Thúc-Độ, lại hà mộ ? Bất cấm hỏa, dân an to, bình nhật vô nhu, kim ngũ khò.

Nghĩa là : Ông Liêm Thúc-Độ : Sao đèn muộn quá, không cầm lửa dân được yên ổn làm ăn, ngày thường chẳng có một manh, ngày nay mỗi người có 5 cái khờ. (Câu thơ này cũng ám chỉ là không có khờ.)

Câu 3 : *Nguyên-Thủ* : niên hiệu Nguyên-thủ, *Hồn-Gia* : Tên một bộ-lạc, *hạ* : dưới.

Nghĩa là : năm Nguyên-Thủ đời Hán Võ-đế lột được một dải đất như cái đai lưng của Hung-nô, tức là bộ lạc Hồn-Gia, cũng ngụ ý là mất thắt lưng.

Câu 4 : *Kiên-Trung* : niên hiệu, *Chu-Tỳ* : tên người, *vi* : bao vây.

Nghĩa là : năm Kiền-Trung đời Đường Đức-Tông, bị Chu-Tỳ bao vây thật chặt như cái đai lưng, sau nhờ Lý, Thành 李晟 cời được cái vòng đó.

Câu 5 : *Quốc* : lột, *chi* : đầy. *hình* : hình, *tụng* : què tụng-lục : sáu. Trong Kinh Dịch què Tụng có câu « 或錫之鞶帶終朝三褫之 » Hoặc tích chi bàn đối, chung Triều tam tri chi, nghĩa là hoặc cho cái đai lưng gia, rồi một buổi sớm 3 lần lột lại. Ý nói ông cũng như hình què tụng, mất khờ.

Câu 6 : *Uu hi* : lo vậy, *thiết* : thắt. *hổ-tụy* : bụng, ruột. Lúc lo thì hóp bụng nên trống khờ.

Câu 7 : *Tích* : ngày xưa, *giã* : vậy, *Từ-thái-Từ* : Tên người. Ý nói ngày xưa có Từ-thái-Từ cũng thế.

Câu 8 : *Kim-yên* : Nay vậy, *Từ-bá-Ky* : ông Từ-bá-Ky.

Ngày nay có Từ-bá-Ky.

Bài này mượn toàn điển lạ, chúng tôi tra cứu như thế chưa chắc đã đúng, vậy mong Thức-giả sẽ bỏ cứu cho.



Một vị Triều-sĩ trong ngày lai kinh đề dự khoa thi hội, một buổi sáng vào nghỉ chân tại trong quán bán nước ở dọc đường, chẳng may lúc ngồi trước mặt mù hàng, ông lại ngẫu nhiên phát ra một phát trung tiện quá lớn. Mù hàng là tay đao đề túm ngay lấy áo bắt phải nộp vạ.

Ông thủ thực với mù rằng : Tôi ra Tràng-An ứng thí mà ngày đăng trường đã gấp lắm rồi, xin mù hãy đề tôi đi cho được kịp việc, rồi lúc thi xong trở về sẽ xin nộp vạ v.v.

Tưởng rằng nói thế là mù nể nang, nhưng mù chủ quán cũng là người có chút học vấn, khi nghe ông nói như vậy lại tiếp luôn : À, thế ra ông đây là bậc văn sĩ vào dự thi hội, tất nhiên phải giỏi kinh nghĩa, vậy ông thử làm một đoạn tả lại cái việc mới rồi xem sao, nếu được, tôi sẽ đề ông đi ngay, bằng không thì tôi quyết phải giữ lại đây.

Triều-sĩ thấy mù chủ quán muốn thử tài mình nên cũng cao hứng đọc luôn mấy câu như sau :

大賢對時人言，所畜者鉅，所發必宏也。蓋所畜既鉅，則所發安得而不宏哉。

Đại hiền đối thời nhân ngôn : sở súc giả cụ, sở phát tất hoảng giả : Cái sở súc ký cụ, Tắc sở phát an đắc nhi bất hoảng tai.

Nghĩa là : Vị đại hiền ngày trước đã bảo người đời rằng : hễ tích lại to thì lúc phát ra phải mạnh, bởi vì cái chứa lại đã to thì lúc phát ra sao lại chẳng mạnh vậy.

Mụ chủ quán thấy ông này dùng mấy câu trong sách đề tả lại cái việc xấu xí một cách thanh tao lấy làm khâm phục, bường áo đề ông lên đường, rồi ông vào thi đỗ ngay Tấn-sĩ, coi đó đủ biết khi phách đã từng hiện trước ở trong câu văn, còn mụ chủ quán kia cũng là người học thức chứ đâu phải là hạng tầm thường vậy.



Đời trước lại có một viên Trào-sĩ quê ở Hải-dương, từ bắc về kinh đề dự thi hội, lúc đi qua cổng nhà một ông lớn, chợt thấy có cô thiếu-nữ đứng ở cổng, ông bèn giả dạng ra kẻ ăn xin đề tiến lại gần, thiếu-nữ hỏi người kia quê quán ở đâu ? Ông đáp quê ở Hải-dương. Thiếu nữ lại hỏi : nghe nói Hải-dương có xứ Bình-Nan 平南, vậy bác thử vịnh một bài xem sao ? Ông liền đọc một bài đường luật quốc âm như sau :

天津平南咏咏焉。
翠務添吐极吟荆，
雄阜蹄括逮箕添。
董鼎持耽履怒激。

襟槽頭壞菓艾概，
零汀栖落碇仁凡。
漁翁逸拊寬時日。
矧矧潮連包手搵。

Phiên âm

*Một vũng Bình-nan vành vạnh tròn.
Bồn mùa sủi chày chẳng hay mòn.
Le te vó cật bên kia sủi.
Đàng đĩnh chày đâm mái nọ non
Cắm nhỏ đầu ghềnh sào một cọc.
Lênh đênh mặt nước đá hai hòn.
Ngư ông đưa đẩy khoan thì nhặt.
Thần thần trào lên đã dựng con.
(Thần thần cũng như thủng thủng)*

Thiếu nữ nghe xong tấm tắc khen ngợi, vội lấy tiền gạo ra tặng, rồi ngay khoa ấy ông thi đậu ngay. Sau ngày vinh qui ông lại kết duyên với cô thiếu nữ, bài thơ trên tức là người dặt mối vậy.



Lại một Triều-sĩ lúc còn hàn-vi phải đi khát thực, khi vào nhà một ông lớn, Triều-sĩ kể rằng : Tôi nay tiền lương đã cạn, xin Ngài giúp cho nhiều ít làm kế độ thân v.v.

Ông lớn thấy kể ăn xin lại có dáng điệu nho sĩ, bèn ra cho một vẻ đối rằng ; « 米盡錢無難作樂. Mễ tận tiền

vô nan tác lạc», ông đối ngay rằng: 詩興禮立易成材.
Thi hứng lễ lập dị thành tài, nghĩa là: Tiên gạo hết rồi
khôn thích chí. Lễ thi lập lại dễ thành tài.

Ông lớn. thấy đối được chỉnh tề như vậy, hết sức
ngợi khen rồi ban tặng cho rất hậu, và sau ông lại cho
kết duyên với con gái ông này, khi thi đỗ rồi Triều-sĩ
nhân lúc cảm hứng lại đọc một câu khác để đối với câu
ngày trước rằng: 祿豐位重足為榮. Lộc phong vị trọng
túc vi vinh, nghĩa là: Quyền cao lộc hậu đủ làm vinh.



Còn truyền lại rằng, ở tỉnh Hải-dương, có một Triều-
sĩ lúc còn hàn vi, nhân một hôm muốn sang Kinh bắc,
tiện đường ghé vào trong làng xin bữa ăn, khi vào một
gia đình nọ, thấy hai vợ chồng nhà ấy đương ngồi sòng
đôi với nhau, lúc trở ra ông lấy bút viết vào cái xà ngang
chuồng bò của nhà ấy một câu đối rằng: 海陽今日難寒
士, 京北他時即憲司.

Hải-dương kim nhật tuy hàn sĩ. Kinh bắc tha thời tức
hiển ty», nghĩa là: Ngày nay dẫu là kẻ hàn sĩ tỉnh Hải-
dương, Mai sau sẽ là quan hiển-ty xứ Kinh bắc. Đề xong
câu đối ông đi ngay, chủ nhân không biết gì cả.

Cách một thời gian khá lâu, ông đã đỗ đạt, dần dần
được thăng đến chức hiển-ty Kinh bắc. Lúc ấy vợ chồng
nhà kia nhân vì có việc kiện cáo phải lên ứng hầu trên

Ty, Triều-sĩ nhớ mặt liền kể lại câu truyện ngày trước, bảo y về thử coi lại trên lán chuồng bò xem câu đối ấy có còn không. Y vâng lời trở về xem lại thì thấy tự tích vẫn còn y nguyên, như vậy đủ biết rằng việc gì cũng có tiền định, chứ đâu phải là ngẫu nhiên.



Lại một Triều-sĩ lúc chưa đỗ đạt, vì cảnh bần hàn có đến một nhà quan lớn xin ăn, lúc ấy quan lớn đương ngồi trên nhà, bỗng thấy có con chuồn chuồn bay qua. Ngài liền bảo Hàn sĩ : Anh hãy làm một bài tán thanh-đình để ta nghe thử, rồi ta sẽ giúp đỡ cho. (蜻蜓 thanh-đình là con chuồn chuồn). Ông liền ứng khẩu đọc 4 câu tán như sau : « 蜻蜓蜻蜓, 尾似鉄釘, 飛來飛去, 飛到門庭.

Thanh-đình Thanh-đình, vĩ tự thiết-đình, phi lai phi khứ, phi đáo môn đình. Nghĩa là : Chuồn-chuồn, chuồn-chuồn, đuôi như chiếc đinh, bay đi bay lại, bay đến sân đình.

Quan lớn nghe ông đọc xong, tấm tắc khen thầm là thần cú, sai lấy 10 đấu gạo ra tặng, ông thu nhận xong gói làm một buộc, trước khi định đề lên vai ông lại đọc thêm một câu hài hước rằng : một bèn nặng chiu một bèn nhẹ tênh. Quan lớn nghe xong lại bảo tặng thêm 10 đấu, cho khỏi bèn trọng bèn khinh.

Sau khi ông quảy hai gói gạo về đến quán trọ, thì ở trong quán cũng có một hàn-sĩ khác, biết rõ câu truyện trên đây, cũng muốn bắt chước như vậy, vội vàng xách bị đến nhà ông quan lớn nọ định làm mẽ nữa.

Chẳng ngờ khi đến thì quan vẫn còn ngồi ở nhà trên, nhưng giữa lúc ấy thì lại thấy một con lợn chạy qua. Quan bảo anh đồ thử làm bài tán, rồi ta hậu tặng. Anh đồ cũng ứng khẩu ngâm ngay 4 câu tán con Chuồn-chuồn bay vừa nghe lỏm được, chứ không phải 4 câu tán con heo chạy. Quan lớn cả giận cho là có ý hỗn xược, bèn sai gia nhân đem roi mây ra, vút ngay 10 roi vào ống chân phải, khiến anh ngã quỵ xuống đất, đến khi gượng dậy anh tưởng rằng mình chưa đọc hết bài nên mới phải đòn, bèn xin với quan đề cho đọc nốt câu nữa.

Quan tưởng anh sẽ gỡ về câu kết nên cũng ráng đợi, chẳng ngờ anh lại đọc câu bên nặng bên nhẹ, tức là câu của hàn-sĩ trước, làm quan đã hao thêm 10 đấu gạo, khiến cho Ngài lại giận dữ, quát tháo gia nhân phết thêm 10 roi nữa vào cẳng bên trái, khỏi phải ta thân bên nặng bên nhẹ, rồi anh lóp ngóp ra về.

Câu truyện này thực là một tấm gương cho kẻ hễ thấy người được hưởng lộc cũng toan xúc cát đồ bị, giống như cô gái ở xóm Đông-Thị, học cái nhẵn mày của Tây-Thị vậy.



誦偈題詩見仙女

Tụng kệ đề thi kiến Tiên nữ.

Độc kệ đề thơ thấy tiên nữ.

Vua Lê-Thánh-Tông khi ra thăm trường Quốc-Tử-Giám, đi qua cửa chùa Bà-Đanh 娑釘寺 thoáng nghe thấy sư-ni đương đọc bài kệ, tiếng trong vắng vắng lên tới từng mây! lúc xa giá trở về, Ngài ghé vào chùa, sư-ni trông thấy bèn đề mấy câu lên vách rồi lui vào nhà trong, đề rằng: 細低窺景窺榮. 雖怪道伴渚衙悉臥.

Tôi đây thấy cảnh thấy thầy. Tuy vui đạo bụt chữa khuấy lòng người.

Hoàng-Thượng thấy câu kệ trên tường, bèn ra lệnh cho 28 học-sĩ ứng chế một bài thơ, vị nào cũng chối từ rằng không làm nổi, Ngài lại sai quan Phó Nguyên-Soái là Thân-Nhân-Trung-Công 申仁忠公 làm, ông vàng mạng thảo rằng :

鷄事塵緣啼喞嘆.
色空雖字喚悉臥.
拈鯨文嗜散念俗.
魂虹已更吝事蕊.
波愛蘄尋蒙薩泚.
龍恩闈丈渚振瀉.
帝帝極樂羅兜女.
極樂羅低參邊進.

Phiên âm

*Gẫm sự trần duyên khéo nức cười.
Sắc không tuy bụi hỡi lòng người.
Chày kinh một tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẩn sự đời.
Bé ái ngàn tâm mong tắt cạn.
Sông ân muốn trượng chừa khơi voi,
Nào nào cực lạc là đâu nữa ?
Cực lạc là đây chín gập mười.*

Công thảo xong dâng lên, Hoàng-Thượng sai sư-ni ngâm, sư-ni ngâm xong có phê phán rằng : hai câu thực còn thiếu tả cảnh, xin chữa lại như sau :

遺捨遺偈散念俗，魂蛭麻仙客事慈。

Gió thông đưa kệ tan niềm tục. Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời. Thượng lấy làm vừa ý hạ lệnh cho chở sư-ni về cung, nhưng khi về đến trước cửa đại-hung thì bỗng biến mất ! Thượng cho là lạ, bèn sai dựng lầu Vọng-Tiên ngay ở trước cửa để ghi việc đó.

Vậy cứ ngu ý thời lúc bấy giờ, vận văn nước nhà đương gặp hội hanh thông, nho phong phấn chấn, hoặc giả đó là thiên thần giáng thế để quan sát chăng ?



Lại như vua Lý-Thái-Tổ trong lúc thiếu thời thường có lỗi nhỏ, thầy học sai trối lại rồi để nằm còng queo dưới đất, Ngài bèn ngâm mấy câu thơ rằng :

天為衾枕地為氈。
日月同牕對我眠。
夜深不敢伸長足
只恐山河社稷顛。

Thiên vi khâm chẩm địa vi chiên, nhật nguyệt đồng song đối ngã miên, Gia thâm bất cảm thân trường túc, chỉ khùng sơn hà xã tắc diên. Nghĩa là : Giời làm chăn gối, đất làm mền, nhật nguyệt chầu ta giấc ngủ yên, Đêm khuya đôi cẳng đành co vậy, duỗi, sợ sơn hà bị đảo diên. Coi đó ta thấy khí tượng Đế-vương đã hiện ở trong câu thơ vậy.



伶人善俳優, 片言回天意。

Linh nhân thiện bài ưu, phiến ngôn hồi thiên ý.

Kép hát khéo bày trò, câu nói chuyển lòng chúa.

Vua nhà Lý lúc sắp sửa đi du ngoạn, hành-trang xếp đặt xong rồi, quần thần can gián, vua đều không nghe, lúc ấy có anh kép hát can ngăn không được, liền tâu rằng: Bệ hạ chẳng nghe lời thần, thần xin nhảy xuống nước để chết quách, còn hơn. Nói đoạn anh lao đầu xuống hồ.

Nhưng chỉ trong giây lát lại ngoi lên, Hoàng-thượng thấy vậy phán hỏi sao mi không chết?

Anh kép tâu rằng: Khi thần xuống dưới Thủy quốc bỗng gặp ngay quan Tam-Lư Đại-phu (三閩大夫 tức là Khuất-Nguyên 屈原) ông có bảo thần rằng: Ngày trước

ta gặp phải vị hôn quân nên mới chịu xuống dưới này, chứ như chú mình ngày nay, đã gặp mình chúa, cơ sao cũng lại xuống đây?

Vua nghe anh kếp nói thế, ra chiều nghĩ ngợi một lát rồi Ngài hạ lệnh bãi cuộc xuất du. Xét thấy anh kếp hát này cũng giống như Đông-phương-Sóc 東方朔 khéo biết khôi hài, mà một câu nói có sức chuyển lại ý giới. Tiếc rằng Sử gia không ghi chép hết được vậy.



國家安危係一表

Quốc gia an nguy hệ nhất biểu.

(Nước nhà an nguy, quan hệ ở một tờ biểu)

Họ Mạc sau khi cướp ngôi nhà Lê, trong nước rối loạn, những trung thần nhà Lê chạy sang tổ cáo với nhà Minh, Minh triều sai quan Thượng-Thư là Mao-bá-Ôn 毛伯溫 kéo đại binh sang sát biên cảnh, tuyên ngôn là sang đánh họ Mạc, Mạc-Thái-Tổ cùng với triều thần lên cửa Nam-quan xin hàng, trong bài hàng biểu có câu rằng :

謂小國不學武人, 禮義何足深責

憫安南無辜赤子, 鋒刃忍使橫羅

Vị tiều quốc bất học võ nhân, lễ nghĩa hà túc thâm trách. Mẫn An-Nam vô cô xích tử, phong nhận nhấn sử hoạnh la.

Nghĩa là : Bảo rằng Tiều quốc vô học võ biên, có đáng trách chi về đường lễ nghĩa.

Thương thay An-Nam muôn dân vô tội, mà nữ đề cho mắc nạn binh đao.

Mao-bá-Ôn xem xong bài biểu cảm vì lời lẽ câu văn đến nỗi sa lệ, rồi họp các tướng thương nghị đề rút binh về.

Như vậy đủ biết bài biểu văn ấy quan hệ đến cuộc an nguy của quốc gia như thế nào, cho nên cổ nhân đã nói : Từ chương không thể bỏ được, thực đúng lắm thay. (1)

Tờ biểu ấy do ai soạn thảo ? trong sử chép là của quan Trạng-nguyên Ngô-Công Miễn-Thiệu 吳公勉紹 người làng Tam-sơn, thuộc huyện Đông-ngàn (三山社東岸縣).

Nhưng lại có thuyết bảo là của quan Trạng-nguyên người làng Nguyệt-Áng thuộc huyện An-Lão tức là Trần-Tất-Văn 陳必聞 soạn ra, sự thực cũng chưa biết đích.

1) (詞不可已 Từ bất khả dĩ : Từ chương không thể thôi được).



才子

MỤC TÀI TƯ

禮妃生聰慧, 一鏡照三王.

LỄ PHI SINH THÔNG TUỆ ; NHẤT KÍNH CHIẾU TAM VƯƠNG.

Lễ-phi thông tuệ, khác thường.

Ba vua soi một tấm gương sáng ngời.

Lễ-phi người xã Kiệt-đặc 傑特社 thuộc huyện Chí-Linh 至靈縣, vốn dòng họ Nguyễn. Tục truyền rằng đời trước có thầy địa-lý người Trung-Hoa tìm giúp cho một ngôi huyệt, sau khi táng xong, có giá đoán rằng : Đất này thuộc kiểu « 一鏡照三王 Nhất kính chiếu Tam-vương ».

Quả nhiên cách mấy năm sau ông bà sinh được Lễ-Phi, đùng nhan tuyệt thế, thông tuệ hơn người, năm lên 10 tuổi, thì phụ thân lánh nạn lên tỉnh Cao-Bắc, có đem cả Nàng lên đó, rồi Nàng giả làm con gái để đi tìm thầy học tập. Vì sẵn tư chất thông minh, nên chẳng bao lâu, đã trở nên một trang thiếu niên học rộng, mà không ai biết là bạn quần thoa.

Nguyên lúc bấy giờ về vùng đông bắc vẫn còn phải theo mệnh lệnh họ Mạc, gặp khoa thi hội, sĩ tử kéo về dự thi rất đông, đến khi treo bảng thi tên của Nàng lại đứng thứ nhất, thầy học phải đứng thứ nhì, lúc vào dự yến họ Mạc trông thấy dung nhan hết như một trang mỹ nữ, sai

người dò hỏi biết rõ sự thật, bèn thu nạp vào hậu cung.

Khi họ Mạc mất thì Nàng ẩn trong hang núi, quân quan đuổi theo bắt được, Nàng bảo bọn quan sĩ rằng : Các người đã bắt được ta thì phải đưa ta về đền ra mắt Chúa người, không được vô lễ. Quan sĩ nghe nói cũng lấy làm lạ, đưa Nàng về tiến lên vương thượng, được Vương sủng ái lạ thường.

Nhưng đến khi đứng tuổi thì Nàng xuất gia, về sau vua mới lên ngôi, muốn tìm một nữ học sĩ để dạy các cung nhân, tả hữu cùng tiến cử Nàng, Vương cho triệu vào trong cung, giữ chức giáo thụ cung nữ, hiệu là Lễ sư (Tức vị là Chiêu-Nghi, còn chữ Lễ là danh hiệu, cho nên ngày nay người ở làng đó vẫn gọi là « Bà Lễ-Phi »).

Xét ra Bà vốn là một nữ sĩ, trải thờ hai triều đại đều nhờ có văn-chương mà được vua chúa trọng đãi, luôn luôn túc trực trong cung. Vua có hỏi han điều gì, Bà đều viện dẫn nghĩa lý ở trong kinh sử và các sự tích cổ kim, đề đối đáp lại, vua rất lấy làm hài lòng. Sau cả đến những quyền thi hội thi đình, và những văn của quần thần cũng đều do Bà khảo định lại một lần nữa.

Tức như khoa ứng chế vào năm Tân-vị, Nguyễn-công Thọ-Xuân 阮公壽春 được trúng thứ nhất, nhưng bài văn của ông dùng nhiều điển lạ, khảo quan cũng không biết hết. Vua phải trao cho Lễ-Phi, Phi chú giải kỹ càng không hề thiếu sót chữ nào, khi dâng lên, được Vua khen là học rộng.

Nguyên trước lúc vào dự thi, Nguyễn-công làm bài xong đã tin rằng câu văn của mình ít người hiểu nổi, nên

khi ra ngoài ông có nói với chúng bạn « Văn bài của tôi chuyển này chắc hẳn cả Triều cũng không biết hết, sự thực chỉ có một mình chị gái của tôi là Lê-Phi hiểu được mà thôi ? (Vi ông với Lê-Phi là chỗ họ Ngoại). Về sau quả đúng như lời, coi đó đủ thấy rằng Phi học rộng đến như thế nào ?

Nhắc lại gia thế của Phi trước kia có người anh ruột bị người đồng hương hãm hại, về sau Phi được vinh hiển, người ấy trở lại phụng sự Phi rất là cẩn trọng. Phi cũng không hề nhắc nhở đến mối thù xưa, khiến cho ai cũng cảm phục là người có độ lượng, về sau hưởng thọ được hơn 80 tuổi, Trước sau thờ 3 đời vua. Mới biết lời tiên đoán của thầy địa lý Trung-Hoa, thực là ứng nghiệm vậy.

Còn nói về phần văn chương thì Phi sáng tác rất nhiều, nhưng nay đều thất truyền cả, duy có ngày thường Phi soạn tập văn Gia-ký bằng chữ quốc âm, ghi chép những việc riêng của mình để ví với Bạc-Phi 薄妃 là vợ vua Hán-Cao-Tổ ngày trước, trong có những câu :

劍為艾銜倒顛。

雙離薄氏本緣漢皇。

Kém vì một chút đảo điên, Song le Bạc-Thị vốn
duyên Hán-hoàng,

Và câu :

女兒油鄧固例，

乙羅猶妾劍之狀元。

Nữ nhi dù dặng có dày. Ất là tay thiếp kém gì Trưng-nguyên.

Bồn vẫn trên gần đây vẫn còn, nhưng sau cuộc loạn thì mới thất lại. Than ôi ! Lê-Phi thực đáng gọi là một bậc kỳ tài vậy.

Phụ chú : Bạc-Phi là người có hiền đức nên sau khi vua Hán Cao-Tổ mất rồi Bà không bị Lã-Hậu đánh ghen như Thích-Cơ đến nỗi bị chặt cả chân tay thành ra một con người lộn, và sau khi Lã-Hậu chết, thì con giai của Bà lại được nối ngôi tức là Hán Văn-Đế, Bà được tôn là Hoàng-Hậu.



僊 釋

TIÊN THÍCH

香海寺餘靈夙著

HƯƠNG-HẢI TỰ, DƯ LINH TÚC TRÚ

Chùa Hương-hải vẫn anh-linh

Trúc-Lâm đệ nhị đại Tồ-Sư hiệu là Pháp-Loa Tôn-Giả 法螺尊者 sinh vào niên hiệu Thiệu-Long năm thứ 6 đời Trần-Thánh-Tông (1263) tại thôn Đồng-hòa 同和村, làng Cửu-La 九羅社 phủ Nam-Sách 南柵府, nay thuộc về Tiền-Thôn xã Phụ-Vệ huyện Chí-Linh 至靈縣輔衛社前村. Nguyên thôn cũ Đồng-hòa nay chia làm hai, một là thôn Đồng, hai là thôn Tiên, mà căn nhà (nơi sinh ra Ngài) ở liền thôn, ngày nay vẫn còn tại đó.

Theo như truyền ngôn, thì ngày trước thân mẫu của người đêm nằm mơ thấy một người dị dạng đến trao cho một thanh thần kiếm, Bà cảm thấy mừng rỡ rồi thụ thai, đến lúc sinh Ngài thì thấy có mùi hương lạ bát ngát trong nhà, một lúc sau mới nhạt. Khi người lớn lên, trông rất dĩnh ngộ, không hề nói điều ác và không thích ăn cá thịt, năm lên 21 tuổi, thì đức Nhân-Tông đi thuyền qua sông Nam-Sách, bỗng nhìn thấy người, nhà vua đã bảo ngay rằng: « Gã này trông có đạo nhân về sau ắt thành pháp-khi trong chốn thiền-môn ». Về sau người vào thụ-

giới tại chùa Kỳ-Lân 麒麟寺 được ban đạo hiệu là Pháp Loa.

Năm Hưng-Long thứ 16 (1308), vua Trần-Anh-Tông có sắc mệnh cho nhà sư được làm Trúc-Lâm-đệ-nhi-đại-sư-tổ, khi vua Nhân-Tông nhập tịch (mất) ở chùa Ngọa-Long, chính tay Sư-Tổ rước long thê vào trong an trí, rồi sư Huyền-Quang theo người đệ học đạo, lúc nào cũng ở bên cạnh người, được vua Anh-Tông phong cho đạo hiệu là Phồ-Tri Tôn-giả, mà mỗi khi viết thư cho người, vẫn còn phải xưng là đệ tử. Sư vàng chiếu đảo vũ thường được mưa luôn, về sau người có mở cảnh Quỳnh-Lâm-viên và các chùa HỒ-Thiên Chân-Lạc, cùng các cảnh ở Côn-Sơn Thanh-mai-sơn, đến năm 44 tuổi thì người mới tịch, trước khi tịch có đọc mấy câu kệ rằng :

萬緣裁斷一身閒，四十餘年夢幻間。
珍重諸人休借問，那邊風月更長寬。

Vạn duyên triệt đoạn nhất thân nhàn, Tứ thập dư niên mộng huyền gian, Trân trọng chư nhân hưu tá vấn? Ná biên phong nguyệt cánh tràng khoan.

Nghĩa là : Thân nhàn chẳng bận lòng tơ. Bốn mươi năm lẽ giấc mơ ảo huyền.

Ai ơi hỏi nữa thêm phiền. Thử xem phong nguyệt vô biên chốn nào?

Rồi các đệ tử rước hài cốt người vào an trí trong

Thanh-Mai.

(Trên đây là lược thuật trong bia Niên-phả, và trong tập Thị-Giả-Trung-Tông, người đời truyền ngôn rằng : Sư Pháp-Trực cũng là Huyền-Quang, nay khảo sát lại di tích trong chùa Hương-hải cũng còn có thể tưởng tượng được vậy).

Sau khi nhà sư qui tịch, các nơi mà người đã mở cảnh, đều trở thành những chốn danh-lam, nhất là ngôi chùa Hương-hải ở xã đó thì vẫn linh ứng lạ thường ! mỗi khi gặp khoa thi hội, rất nhiều sĩ tử tới lễ đề cầu báo mộng, đều thấy ứng nghiệm, đến nay vẫn còn.



神 祠

THẦN TỪ

仁惠祠經亂獨存

NHÂN-HUỆ TỪ KINH LOẠN ĐỘC TỒN.

Đền thờ Nhân-Huệ, qua cơn binh lửa vẫn còn đứng trơ.

Đền thờ Nhân-Huệ Vương ở xã Linh-Giang 靈江社 thuộc huyện Chí-Linh 至靈縣, tức là đền thờ Nhân-Huệ Vương Trần-khánh-Dur 陳慶餘 đời nhà Trần vậy.

Trong sử chép rằng : lúc Vương bị khiển trách lui về nhà riêng, nhân một hôm vua Trần-Thánh-Tông đi qua Chí-Linh, thấy ông chở chiếc thuyền than đi qua, Ngài lại đưa về trọng dụng. Nên có thể ngờ rằng : nhà riêng của ông ngày trước hoặc giả ở chỗ đền thờ ngày nay, hay là cùng ở chung quanh nơi đó, mà không có thể khảo chứng được đích xác đó thôi.

Theo truyền ngôn, đền thờ đây rất là linh ứng, các triều đại trước thường khảo sĩ tử ở bên cạnh đền, có một kỳ thi, trong đầu đề có đoạn hỏi về bầy tôi các triều đại trước, những ai là người đáng ché ? Trong các sĩ tử có người đã chỉ vào đền thờ của ông, vì theo trong bài tổng luận có câu nói rằng : « Trần-khánh-Dur là người có tinh tham bỉ », nên mới dám nói như vậy.

Nhưng rồi ngay đêm hôm ấy, người thi sinh kia nằm mơ thấy Vương, Vương hỏi rằng : Ta đây có phụ gì anh, mà anh nỡ chỉ trích như vậy ? Sau khi thi-sinh tỉnh dậy lấy làm sợ-hãi vô cùng.

Lại như gần đây, địa phương gặp cơn binh lửa, bọn giặc đốt phá biết bao đình chùa, nhất là những đình chùa ở bên sông cái thì chẳng còn sót được một ngôi nào. Thế mà chỉ riêng ngôi đền thờ Vương ở ngay bên sông, mấy lần quân giặc kéo đến định phá, nhưng thoát bước chân vào đền, thì đã hôn mê nằm vật xuống đất, kẻ khác thấy thế tiến lên cũng bị té nhào, rồi sau chúng đem súng ra toan bắn vào đền, nhưng bắn hai lần đạn đều tịt cả, bấy giờ chúng mới hoảng sợ bảo nhau không dám xâm phạm tới đền, nên ngày nay ngôi đền vẫn còn nguy nga đứng sững tại đó.



高山王人號神醫

CAO-SƠN VƯƠNG NHÂN HIỆU THẦN Y.

Cao-Sơn Vương người đời gọi là Thần Y.

Đền thờ Cao-Sơn Đại-Vương ở xã Lương-Giản 琅澗社 thuộc huyện Chí-Linh 至靈縣, lại có tên gọi là xứ Đầu-Hồ 頭湖處, đời truyền rằng: Vương rất giỏi về khoa chữa bệnh, Ngài thường hiện thân làm một thầy lang đi chữa bệnh, mà thánh nhất là chứng đậu chần.

Nguyên trước ở tỉnh Sơn-Tây, một nhà có con lên đậu, người cha đương đi mời thầy, thì ở dọc đường gặp một ông già tự khoe rằng giỏi về bịnh đậu sởi, người ấy cả mừng đón cụ về nhà cho con uống thuốc, quả nhiên hiệu nghiệm như thần. Khi hỏi họ tên địa chỉ thì cụ cho biết: Ta đây là Cao-Sơn, còn nhà thi ở xứ Đầu-Hồ xã Lương-Giản thuộc huyện Chí-Linh. Người đó theo lời đem lễ sang tạ, khi hỏi tới đúng xứ đó thì thấy là một ngôi đền, bấy giờ mới biết cụ lang tức là Cao-Sơn Vương đã hiển thánh vậy.

Từ đây về sau, câu truyện thần y hiển thánh đồn đại xa gần, ai mắc phải bịnh hiểm nghèo, cũng đều sắm sửa lễ vật kèm theo một bình nước lã đem tới đền thờ,

khẩn rõ bệnh chứng, xin Ngài ban cho thuốc thang v.v...
Khẩn xong thì đem bình nước ấy về cho bệnh nhân uống,
nhiều người khỏi bệnh, nên thiên hạ kéo tới, hoặc đề
xin thuốc, hoặc đề bán con cho thần, cả năm chẳng lúc
nào ngớt, cho tới ngày nay quang cảnh đền thờ vẫn còn
tấp nập như cũ.



山川

SƠN XUYÊN

Mục núi sông

漱玉橋後作名藍。

THẤU-NGỌC KIỀU HẬU TÁC DANH LAM.

Cầu Thấu-ngọc về sau thành nơi danh lam.

Núi Côn-Luân 崑崙山 ở huyện Chí-Linh 至靈縣 xã Chi-Ngai 支礙社, trước thuộc huyện Phượng-Nhãn 鳳眼縣. Hình núi sù sù như một con thú vật đứng ngồi trên hang, bên trong rộng rãi quang đãng, vì thế mới gọi là động Thanh-hư, phía dưới lại có bàn đá, nước suối tự trong chảy ngầm qua đó nên mới gọi tên là cầu Thấu-ngọc, mà Quảng-Dur-ký và An-Nam-chí đều nói núi Côn-Luân có động Thanh-Hư và cầu Thấu-Ngọc, tức là nơi đây vậy; còn tự chân núi trở ra thì có thung lũng bằng phẳng như chiếu trải, tả hữu có núi bao bọc, điệp điệp trùng trùng, ngọn núi An-Phụ 安阜山 thì ở cách xa độ hơn 100 dặm, đứng sững chầu về trông gần như ở trước mặt, dưới núi có ao có đầm, trong suốt đến đáy, hai bên lại có dòng suối róc rách chảy ra trước mặt, rồi đi quanh co độ chừng 3 dặm để cùng rót vào sông lớn, trèo lên đỉnh núi trông ra tứ bề thực không chán mắt, quả là một cảnh lâm tuyền đẹp nhứt vậy.

Nguyên cảnh trước đây là do một vị sư tổ thứ hai ở Trúc-Lâm, đạo-hiệu là Pháp-Loa 法螺 mới mở mang ra, rồi sau nhà sư Huyền-Quang 玄光 cũng đến tu hành ở đó, dần dần trở thành một chốn danh lam, trong triều nhà Trần quan Đại Tư-dồ hiệu là Băng-Hồ Tương-công 冰壺相公 (Tức Trần-nguyên-Đán 陳元旦) về ẩn ở đó, rồi sau cháu ngoại của Ngài là quan Thừa-Chỉ Quan-Phục hầu, hiệu là Úc-Trai Tiên-sinh 捩齊先生, tức là Nguyễn-Trãi 阮應 cũng về hưu-lão ở đó, cho nên văn thơ đề vịnh, còn thấy nhan nhản ở trong các tập Việt-Giám Quần-Hiền, và Quốc triều ta thì đức Thánh-Tông hoàng-đế (1460-1497) cũng có thơ rằng :

淨土樓臺景致奇。
古人陳迹甚依稀。
一天草木供吟賞。
四顧江山入指揮。
代有廢興今亦昔。
事無記載是耶非。
閒中自有閒中樂。
付與僧叟意自知。

Phiên âm

*Tĩnh thổ lâu đài cảnh trí kỳ.
Cổ nhân trấn tích thậm y hi.
Nhật thiên thảo mộc cung ngâm thưởng.
Tứ cò giang sơn nhập chỉ huy.
Đại hữu phế hưng kim tặc tặc.
Sự vô ký tải thị dã phi.
Gián trung tự hữu gián trung lạc.
Phủ ửu tăng trọng ý tự tri.*

Đại hữu phê hưng kim diệc tích.
Sự vô ký tái thị gia phở
Nhàn trung tự hữu nhàn trung lạc.
Phó dữ tăng đồng ý tự tri.

Dịch

Cảnh phật lâu đài cảnh dị kỳ,
Người xưa dấu cũ hỏi còn chi ?
Một trời cây cỏ trong ngâm vịnh
Bồn mặt non sông dưới chỉ huy.
Đời có đổi thay, kim hóa cỏ,
Việc không biên chép, thị hay phi.
Thanh nhàn tự thầy vui trong đó
Chú tiểu đồng kia biết có khi.



Bài thơ trên đây cũng là ngụ ý cảm khái vậy, còn như ngày nay muốn khảo về di tích của hai ông thì không còn lấy đâu làm bằng cứ, duy có một ngôi chùa cỏ và một am mây đó thôi. Cho nên gần đây quan Thủ tướng 阮公沆 Nguyễn-công-Hãng lúc đi qua chùa, Ngài có bảo các sư trụ trì ở đó đắp tượng hai vị tiền hiền để thờ trong chùa, thì nay vẫn còn nguyên vẹn, theo tục lệ của địa-phương thì cứ mỗi năm gặp tiết xuân mới, nhân dân nam nữ tấp nập kéo về vãn cảnh, ngựa xe như nước, áo quần như nêm, ngày hội có khi kéo dài hàng tháng, thực là một nơi cỏ tích danh thắng của địa-phương ấy vậy.

Giải nghĩa

Câu 1 : *Tinh* : sạch sẽ, *Thổ* : đất, *Lâu-đài* : nhà lâu, *Cảnh-trí* : phong-cảnh, *Kỳ* : lạ.

Câu 2 : *Cổ* : xưa, *nhân* : người, *Trần* : cũ, *Tích* : dấu tích, *Thậm* : quá chừng, *Y-hi* : ít ỏi.

Câu 3 : *Nhật-thiên* : một giờ, *Thảo-mộc* : cỏ cây, *cung* : cung cạp, *ngâm* : ngâm thơ, *Thường* : Thường thức.

Câu 4 : *Tứ* : 4, *cô* : trông, *Giang-san* : sông núi, *nhập* : vào, *Chi* : trò, *huy* : xua đi.

Câu 5 : *Đại* : đời, *hữu* : có, *phê* : bỏ, *hưng* : nổi lên, *Kim* : nay, *diệc* : cũng, *Tích* : xưa.

Câu 6 : *Sự* : việc, *Vô* : không, *Ký-tái* : ghi chép, *Thị* : phải, *giã* : vậy, *phi* : trái.

Câu 7 : *Nhàn* : nhàn, *Trung* : trong, *Tự* : tự nhiên, *hữu* : có, *nhàn* : nhàn, *Trung* : trong, *lạc* : vui.

Câu 8 : *Phó dữ* : mặc cho, *Tăng* : sư, *đồng* : Tré con, *Ý* : Ý kiên, *Tự* : Tự nhiên, *Tri* : biết.

Đại-ý

Câu 1-2 : Chỗ thanh tịnh của nhà phật, có cả lâu đài, phong cảnh kỳ tú như vậy, mà nay hỏi đến người xưa ; đi tìm vết cũ, chỉ còn phảng phất đó thôi.

Câu 3-4 : Còn như ta đây, đứng trước một bầu giờ hoa

cỏ tốt tươi như thế, hầu như Tạo hóa đã dành riêng cho ta những nguồn cảm hứng nên thơ ; và khi trông xuống bồn mặt, thì ta lại thấy non sông gấm vóc, Tạo hóa cũng đã giao phó ở trong tay ta vậy.

Câu 5-6 : Vẫn biết đời xưa cũng như đời nay, đời nào chẳng có lúc suy lúc thịnh.

Nhưng mà việc phải hay là việc trái, nếu không ghi chép thì sao biết được nguyên nhân.

Câu 7-8 : Nói tóm lại ; cảnh nào cũng có thú riêng cảnh ấy, tức như ở trong cảnh nhân tự nhiên sẽ có lạc thú ở trong cảnh nhân, Thôi thì ta cũng phó mặc cho bọn Tăng đồng kia (chú tiêu) chúng sẽ ý thức mà tìm lấy cái thú của chúng vậy.



產珠井古稱上品。

SÀN CHÂU TỈNH, CÒ XU G THƯỢNG PHẨM.

Giếng có ngọc trai, đời xưa khen là quý phẩm.

Núi Phượng-Hoàng 鳳凰山 ở xã Kiệt-Đặc 傑特社 huyện Chí-Linh 至靈縣. Núi rất u tĩnh, trông hình như hai con voi châu đầu lại với nhau, phía dưới lại có dòng sông Miết-Thủy 曄水 chảy ngang, thực là một thắng cảnh của địa phương ấy, khiến cho những khách du lịch khi trèo lên đỉnh núi, phóng tầm con mắt xa trông, tưởng như mình đã thoát tục.

Nay theo tục truyền thì đời nhà Trần có Chu-văn-An tiên sinh hiệu là Tiều-Ẩn (朱文安先生號樵隱), sau khi đã dâng sớ xin chém 7 kẻ nịnh thần, Ngài treo mũ trở về, vì yêu non nước của huyện Chí-Linh nên mới ẩn cư tại đó, tức là núi Phượng-Hoàng vậy, trong tập Việt-Âm có chép những bài thơ Miết-Trì Thanh-lương, đều là ngợi khen thắng cảnh ở đây vậy. Và lại trong bài thơ vịnh núi Phượng-Hoàng của Lã-Đường cũng có câu rằng: 相逢未有休官約 靈徹還應笑我不? (Linh-Triệt là tên tự của tiên sinh) Tương phùng vị hữu hưu quan ước, Linh-Triệt hoàn ưng tiểu ngã phầu. Nghĩa là: Gặp nhau chưa hẹn lúc hưu mà, Linh-Triệt đừng nên chế giễu ta, hai câu đó quả là một chứng cứ cho thuyết trên vậy.

Lại có tục truyền rằng ngọn núi này ở dưới có giếng

thiên tạo, và trong tập Truyền-kỳ có chép rằng nhà sư Pháp-Vân cũng từng mở cảnh ở đó, nên ngày nay trong chùa rất nhiều pháp-sư, sư nào cũng có pháp thuật phù trú rất cao, là nhờ có linh khí non sông chung đúc nên vậy.

Lại còn có thuyết nói rằng : Nơi đây sản xuất ngọc tốt hơn các nơi, nên trong thơ Lã-Đường mới có câu rằng : 石岩多窟爲尋珠. Thạch nham đa quật vị tầm châu. Nghĩa là : Trong núi nhiều hang tìm hộ ngọc, đó cũng là một bằng chứng vậy.

Người ta lại còn đồn rằng : Dưới núi có giếng nước đỏ như son, người ở nơi đó thường lấy ống trúc vót nhọn một đầu đem xọc xuống đáy giếng, cũng lấy lên được một viên ngọc trai, ban đầu nó mềm, rồi đem phơi nắng thì nó rắn lại, thứ ấy mới là thượng hảo hạng.

Gần đây có người lấy được định đem ra bán ở kinh thành, có viên Trung-Sứ nhìn thấy, tra hỏi được chỗ sản xuất, bắt dân sở tại phải nộp thuế lệ, người làng kêu xin miễn thuế mấy lần không được, họ bèn đem đá lấp tịt cái giếng ấy đi cho mất tang tích, rồi mới khất quan về khám, chẳng tìm thấy giếng ở đâu, thành ra dân được miễn thuế, mà cái giếng kia sau này cũng không nhớ rõ ở chỗ nào, còn những ngọc trai tìm được ngày nay đều không phải là chính sản vậy.



玄天洞

HUYỀN-THIÊN-ĐỘNG

Động Huyền-Thiên ở xã Kiệt-Đặc Thượng thuộc huyện Chi-Linh 至靈縣傑特上社, thế núi dẫu hơi nghiêng, nhưng lại có dãy núi khác triều về, hai cánh dương lên như hình loan bay phượng múa, cũng là một cảnh thanh quang vậy. Vì đời nhà Trần có đạo sĩ Huyền-Vân 玄雲 luyện thuốc tiên ở đây, cho nên mới được ban hiệu là động Huyền-Thiên, ngoài ra lại còn có cung Tử-Cực và điện Lư-Quang mà Băng-Hồ Tương-Công (Trần-nguyên-Đán) đã đề thơ rằng :

流光殿下松千樹, 盡是擎天一手栽。

Lư-quang điện hạ tùng thiên thụ, Tận thị kinh thiên nhất thủ tài. Nghĩa là : Lư-Quang dưới điện thông ngàn gốc, đều bởi kinh thiên một cánh giồng. Nhưng nay cung điện đều mất hết cả di tích, mà chỉ còn lại ngôi chùa đá đó thôi, gần đây nhà chùa cũng giồng thêm tùng rất là xanh tốt, xa trông như một đám mây, vậy ta thử lấy ý nghĩa trong thơ cổ mà nghiệm, thì có thể bảo rằng: đất ấy có hợp thổ nghi để giồng tùng chăng ?



六頭江

LỤC-ĐÀU-GIANG

Sông Lục-Đầu ở huyện Chi-Linh, giáp với các huyện Phụng-Nhãn, An-Dông, Quế-Dương, Gia-dịnh, một chi từ

sông Phượng-Nhãn 鳳眼 kéo xuống, một chi từ Xương-Giang 昌江 kéo ra, hợp thành ngã ba, rồi lại 1 chi từ sông Như-Nguyệt 如月 kéo ra, một chi từ Than-Giang 潭江 đổ xuống, gặp nhau ở sông Bình-than 平潭 nước sông trong suốt và ngọt lạ thường, cho nên thế tục đã có câu rằng : « Muốn uống nước ngọt đến sông Bình-Than, là chỉ vào khúc sông này vậy. Rồi các ngọn ấy hợp lại cùng chảy xuống đến khúc sông Triều-Dương, 鯉陽河 thì rộng mênh mông. Tới đây nó lại chia ra hai ngã, một ngã chảy đến bến Bàn-Khê 蟠溪 thì rót về phía nam, một ngã chảy đến cửa Trần-Xá 陳舍 rồi về phía đông, thành ra con sông Lục-dầu, giữa sông có nổi bãi cát rộng lớn, các nhà phong-thủy bảo là kiêu đất « Lục long tranh châu 六龍爭珠 », nghĩa là 6 con rồng tranh một hạt châu, là kiêu đất quý. Xét xem hình thế cũng đúng như thực, nên ghi lại đây để tiện tham khảo.



白雲庵居士阮公文達譜記

BẠCH-VÂN-AM CƯ SĨ NGUYỄN-CÔNG-VĂN-ĐẠT PHỔ KÝ

Phổ ký của Bạch-Vân-Am cư sĩ Nguyễn-công Văn-Đạt.

Ông Nguyễn-bình-Khiêm 阮秉謙 đạo hiệu là Bạch-Vân cư sĩ, người làng Trung-Am huyện Vĩnh-Lại (中庵社, 永賴縣) tiên tổ ngày xưa tu nhân tích đức đã nhiều, (nay không thể khảo cứu được) chỉ biết từ đời cụ Tổ thì được tập phong Thiếu-bảo Tư-quận-Công 少保資郡公 mỹ tự là Văn-Tĩnh 文靖, Cụ bà được phong Chính phu-nhận Phạm-thị Trinh-Huệ 范氏貞惠, nguyên trước các cụ lập gia cư ở nơi có núi sông bao bọc, hợp với kiểu đất của Cao-Biên 高駢.

Phụ-thân được tặng phong Thái-bửu Nghiêm Quận-Công, mỹ tự là Văn-Định 文定, đạo hiệu là Cù-Xuyên-Tiên-Sinh 衢川先生, nguyên người học rộng tài cao, lại có đức tốt, được sung chức Thái-học-sinh.

Thân mẫu họ Nhữ (汝氏) được phong Từ-Thục phu-nhân, nguyên người ở An-Tử hạ thuộc huyện Tiên-Minh, là con gái quan Hộ-bộ Thượng-thư Nhữ-Văn-Lan 汝文淵.

Bà vốn là người thông minh, học rộng văn hay ; lại tinh cả môn tướng số, ngay thời Hồng-Đức mà Bà đã tinh được rằng ; vận mệnh nhà Lê chỉ sau 40 năm nữa thì sẽ suy đồi. Vì có một chí hướng phò vua giúp nước của bậc

trượng phu, muốn chọn một người vừa ý mới chịu kết duyên, nên đã chờ đợi đến ngót 20 năm giờ, khi gặp ông Văn-Định, có tướng sinh được quý tử nên Bà mới lấy.

Nhưng sau lại gặp một trang thiếu niên trong lúc sang bến đò Hàn thuộc con sông Tuyết, thì Bà ngạc nhiên than rằng : « Lúc trẻ chẳng gặp, ngày nay tới đây làm gì ».

Những người theo hầu không hiểu ra sao, cầm roi đánh đuổi thiếu niên ấy đi, rồi sau Bà hỏi lại tính danh, mới biết người ấy tên là Mạc-đăng-Dong 莫登庸 khiến cho Bà phải sinh lòng hối hận đến mấy năm giờ.

Tiên-sinh sinh vào năm Hồng-Đức thứ 21 (tức năm Tân-hợi 1491), lúc sơ sinh vóc người có vẻ hùng vĩ, khi chưa đầy năm đã biết nói, một hôm vào buổi sáng sớm, Văn-Định đương bế cậu ở trên tay bỗng thấy cậu nói ngay lên rằng : « mặt giờ mọc ở phương đông » ông lấy làm lạ ! rồi năm lên bốn thì phu nhân dạy cậu học kinh truyện, hễ dạy đến đâu là cậu thuộc lòng đến đó, và thơ quốc âm cậu đã nhớ được đến mấy chục bài.

Lại một hôm Bà đi vắng, Ông ở nhà bày trò kéo dầy đùa với lũ trẻ, nhân đọc bỡn một câu rằng :

月 捺 弓, 月 捺 弓 Nguyệt leo cung, nguyệt leo cung,
rồi ông muốn đọc tiếp câu nữa nhưng chưa nghĩ kịp,
thì cậu đứng bên đọc luôn ngay rằng : 獲 狝 仙 忍 忍 捺.
Vén tay tiên nhân nhân dong. Ông thấy cậu mãi tiếp

như vậy có ý mừng thầm, đợi khi Bà về thuật lại cho nghe, Bà lấy làm bất mãn, nói với ông rằng : Nguyệt là tượng bề tôi, có sao ông lại dạy con như thế. Ông cả thẹn xin lỗi, nhưng Bà vẫn không nguôi giận, bỏ về ở bên cha mẹ đẻ, cách ít lâu thì mất.

Lại có truyền ngôn rằng : lúc ông còn trẻ chỏm, cùng với lũ trẻ ra tắm ở bến đò Hàn, khi ấy có một chú thuyền buồm người Tàu, nhìn thấy tướng mạo của ông, chú bảo với mọi người rằng : Cậu bé này có tướng rất quý, chỉ hiềm một nỗi là da hơi thô, về sau chỉ làm đến Trạng-nguyên Tề-tướng mà thôi, vì thế nên ai cũng đoán chắc rằng : ông sẽ là bậc tề-phụ của quốc gia sau này.

Như ông lúc còn niên thiếu, học vấn sở đắc ngay tự gia đình, đến khi lớn tuổi, nghe nói có quan Bạng-nhãn Lương-đắc-Bằng 梁得朋, nổi tiếng văn chương quán thế, ông bèn tìm đến đề xin nhập học. Lương-Công là người ở làng Hội-Trào 會潮社 thuộc huyện Hoằng-Hóa 宏化 lúc Ngài phụng mệnh sang sứ nhà Minh, có học được phép Thái-ất-thần-kinh của người cùng họ, tức là dòng dõi của Lương-nhữ-Hốt 梁汝芬 (ông Hốt trước hàng nhà Minh được phong tước là Lăng-Lăng-Vương), 朗陵王. Lương-Công rất tinh thông về lẽ huyền vi, đem truyền lại cho ông, đến khi Ngài bị ốm nặng, lại đem con là Lương-hữu-Khánh 梁有慶 ký thác với ông, ông săn sóc dạy dỗ chẳng khác con mình, sau này ông Khánh cũng được thành đạt.

Năm Quang-thiệu (1516-1526) gặp lúc loạn lạc, ông về ẩn cư để dạy học trò, lấy đạo làm vui, chẳng cầu danh tiếng, nhưng sang đến thời đầu niên hiệu Thống-nguyên (tức Lê-hoàng-đệ-Thung) thì Trịnh-Tuy 鄭綏 và Mạc-dăng-Dung 莫登庸 cũng đều có ý hiếp chế Thiên tử đề sai khiến chư hầu, hai bên gây cuộc nội chiến khiến cho trong nước chịu cảnh lầm than, lúc ấy ông có cảm hứng một bài thơ rằng :

泰和宇宙不虞周。
互戰交爭笑兩讎。
川血山骸隨處有。
淵魚叢雀爲誰驅。
重興已卜渡江馬。
後患應防八室羆。
世事到頭休說著。
醉吟澤畔任閒遊。

Phiên âm

*Thái hòa vũ trụ bất ưu Chu.
Hỗ chiến giao tranh tiếu lưỡng thù.
Xuyên huyết sơn hài tùy xứ hữu
Uyên ngư tùng tước vị thủy khu
Trùng hưng dĩ bỗ độ giang mã.
Hậu hoạn ưng phòng nhập thất khu
Thê sự đáo đầu hưu thuyết trước.
Túy ngâm trạch bần nhậm nhàn du.*

Dịch

Thái hòa chàng thầy cảnh Ngu Châu
Hai phái thù hằn chém giết nhau
Nhuộm máu phơi xương đã khắp chôn !
Xua chà đuổi sẽ vì ai đâu ?
Trùng hưng đuổi ngựa qua sông trước,
Hậu hoạn phòng beo tiến cửa sau
Ngán nỗi việc đời thôi phó mặc.
Say rồi dạo suối hát vài câu.



Sở dĩ có bài thơ trên, vì ông biết rõ nhà Lê sẽ được trung hưng, dầu rằng ngày nay tạm phải tìm kế an thân, nhưng rồi sau đây tất nhiên sẽ lại khôi phục được nước, mà câu beo tiến cửa sau chỉ là nói kín đó thôi.

Quả nhiên về sau nhà Lê trung-hưng, bốn phương trở lại yên tĩnh, bấy giờ bạn hữu đều khuyên ông ra làm quan, đến năm 44 tuổi ông mới chịu ra ứng thí, khoa hương thí ấy ông được đỗ đầu, rồi năm sau tức là năm thứ 6 đời nhà Mạc (1535), lại ra tỉnh thì được đỗ thứ nhứt, khi vào đình đối lại đỗ Tấn-sĩ đệ nhất danh, được bổ chức Đông-Các Hiệu-Thư, trong thời Thái-Tông nhà Mạc, ông có làm hai bài thơ « Xuân-thiên ngự-tửu 春天御酒 », đều dự hạng ưu, rồi thăng chức Hữu-Thị-Lang Hình-bộ, sau thời gian ngắn lại thăng chức Tả-Thị-Lang, kiêm chức Đông-Các Đại-học-sĩ.

Trong 8 năm ở triều, ông có dâng sớ hạch tội 18 kẻ nịnh thần, xin đem chém để làm gương, bởi vì bản tâm của ông chỉ muốn trăm họ đều được an vui, những người tàn tật mù lòa cũng cho họ được có nghề ca hát bói toán, nhưng rồi gặp phải con rết tên là Phạm-Dao 范瑤 ý thế lộng hành vì sợ liên lụy đến mình, nên ông cáo quan xin về trí sĩ.

Thế là giữa năm Quảng-Hòa thứ 2 (1542) ông mới 52 tuổi đã xin trí sĩ, treo mũ về làng, dựng am Bạch-Vân ở phía tả chỗ làng ông ở, và vẫn lấy hiệu là Bạch-Vân Cư-sĩ «白雲居士». Khi ấy ông có bắc hai chiếc cầu Nghinh-Phong và Tràng-Xuân, để khi hóng mát, dựng một ngôi quán gọi là Trung-Tân ở bến Tuyết-Giang, có bia đề ghi sự thực.

Ngoài ra ông còn tu bổ chùa chiền, có lúc cùng các lão tăng đàm luận, có khi thả một con thuyền dạo chơi Kim-hải Úc-hải để xem đánh cá. Còn chỗ danh sơn thắng cảnh, như núi An-Tử, Ngọa-Vân, Kính-Chủ, Đờ-Sơn, nơi nào ông cũng chống gậy trèo lên, thừa hứng ngâm vịnh quên cả sớm chiều, mỗi khi thấy chỗ rừng cây xanh tốt, chim đôi giọng ca, thì ông hơn hờ tự đắc, quả là một vị Lục-dịa Thần-tiên.

Nhưng trong thời gian dưỡng lão ở chốn gia hương, tuy rằng không dự quốc chính, thế mà họ Mạc vẫn phải kính trọng như một ông thầy, những việc trọng đại thường

sai sứ giả về hỏi, có khi lại đón lên kinh thành đề hỏi, ông đều ung dung chỉ dẫn, nhờ được bỏ ích rất nhiều. Xong rồi ông lại trở về am cũ, họ Mạc ân cần giữ lại cũng chẳng được nào, về sau phải liệt vào hạng nhất công thần, phong tước là Trình-Tuyên-Hầu 程泉侯, dần dần thăng đến Lại-bộ Thượng-Thư Thái-phó Trình-Quốc-Công, ông bà nhị đại cũng được phong ấm, 3 người thê thiếp với 7 người con, cũng theo thứ tự phong hàm.

Thế rồi đến năm Cảnh-lich thứ III thời nhà Mạc (tức Mạc-phúc-Nguyên 1550), Thư-Quốc-Công 舒國公 người xã Khoa-Hoạch 科獲 huyện Thanh-Oai 青威縣 tên là Nguyễn-Thiến 阮倩 con là Quyện và Mỗi 僊僊 về hàng Quốc triều, ông có làm một bài thơ gửi cho Thiến có những câu rằng :

顧我存孤惟義在，知君處變豈心甘？

Phiên : Cố ngã tồn cô duy nghĩa tại, Tri quân xử biến khởi tâm cam.

Dịch : ta dúp mồ côi vì trọng nghĩa, ông khi xử biến há cam lòng.

Lại có câu rằng : 義運一周離復合。

長江豈有限東南。

Phiên : Khí vận nhất chu ly phục hợp, Trường giang khởi hữu hạn đông nam.

Dịch : Vận chuyển một vòng tan lại hợp, Trường giang đâu có hạn đông nam.

Thiến xem thơ trong lòng cảm thấy bất rất, còn Quyện cũng có tướng tài, luôn luôn lập được chiến công, Phúc-Nguyên lấy làm lo ngại, hỏi kế nơi ông thì ông thưa rằng : Cha Quyện với Thần là chỗ bạn thân từ trước, và đã ở trong nhà thần, hiện nay được ra trấn thủ Thiên-Trường. ở vào tình thế bán nghi bán tín, nay muốn dùng kế bắt lại, thực chẳng khác chi thò tay vào túi để lấy một vật gì mà thôi.

Rồi ông xin với Mạc-phúc-Nguyên trao cho 100 trắng sỉ, sai đi phục sẵn ở bên bắc ngạn, ông gửi thư cho Quyện, hẹn sang bên thuyền nâng chén rượu nhạt kể lại tình xưa, rồi nhân lúc đã quá say, phục binh nổi dậy bắt cóc đưa về nam ngạn, ông mới đem ân nghĩa quốc gia để khuyên nhủ. Quyện cảm động khóc nức nở, ông bèn dẫn về qui thuận họ Mạc, rồi sau trở thành một viên danh tướng, nhờ đó nhà Mạc duy trì thêm được mấy chục năm nữa.

Trong thời gian ấy, đức Thế-Tổ đã dấy nghĩa binh, thanh thế vang khắp xa gần, đánh nhau mấy trận ở cửa Thần-phù 神符, Khiêm-Vương Mạc-Kinh-Điền 謙王莫敬典 đại bại, Thế-Tổ thừa cơ tiến binh theo đường Tây-Son ra đánh kinh bắc, khiến cho trong ngoài nơm nớp lo sợ. Ông hiến kế sách hư thực, họ Mạc theo đó thi hành, bấy giờ trong cõi mới tạm ổn định.

Mạc Mậu-Hiệp 莫茂洽 năm Diên-Thành thứ 8 (1585) tức năm ất dậu tháng 11 thì ông lâm bệnh, Mậu-Hiệp sai

sứ đến vấn an và hỏi về quốc sự. Ông chỉ giả lời rằng :
« 他日國有事故，高平雖小可延數世 » « Tha nhật quốc
hữ sự cố, Cao-bằng tuy tiểu khả duyên số thế, nghĩa :
Sau này quốc gia hữ sự thì đất Cao-bằng tuy nhỏ cũng
giữ thêm được mấy đời », ngoài ra không nói gì nữa.

Quả nhiên cách 7 năm sau thì họ Mạc mất, rồi các
chúa nhà Mạc như Càn-Thống Long-Thái Thuận-Đức Vĩnh-
Xương, rút lui lên giữ Cao-bằng được 70 năm, nghĩa là
sau 3 ; 4 đời thì mới hoàn toàn bị diệt, coi đó thì lời của
ông dự đoán chẳng sai chút nào.

Nhưng rồi trong tháng ấy giữa ngày 28 thì ông tạ thế,
hưởng thọ 95 tuổi, học trò suy tôn hiệu là « 雪江夫子 »
« Tuyết-giang phu-tử » phần mộ ở trên một cái gò đất
trong làng.

Xét thấy ông là người khôi ngô anh tuấn, học hết các
kinh sách lại rất tinh về lý thuyết kinh dịch, phàm việc
mưa nắng, lụt hạn, họa phúc, diềm dữ diềm lành cơ suy
cơ thịnh v.v... việc gì ông cũng biết trước.

Ngay trong lúc ông còn mở trường dạy học có một
học sinh họ Bùi người xã Trung-hàng thuộc huyện An-
dương, là người rất thạo về văn án. Ông bảo hậu vận của
anh thế nào cũng được giàu sang. Nhưng mãi đến khi
tuổi gần 70 mà bước công danh vẫn thấy chật vật như
thường, nên anh nói nhỏ với các bạn rằng : Lý số của
thầy thần diệu đến thế, mà cũng có chỗ sai nhầm hay sao.

Ông thấy học trò bàn mảnh với nhau như vậy thì cũng mỉm cười chứ không nói gì. Nhưng rồi bỗng có một hôm ông bảo trò Bùi đi thuê lấy 10 chiếc thuyền đánh cá, kéo buồm vượt thẳng ra cửa Vạn-Ninh rồi rẽ vào đậu ở trong khoảng Đầm-hồng, đợi đến đúng hôm nào đó, hãy thấy vật gì cứ vớt đem về, tất nhiên sẽ được trọng thưởng? (萬寧潭洪, Vạn-Ninh, Đầm-hồng).

Trò Bùi thấy thầy dạy bảo như vậy hơn hờ vui mừng, theo đúng như lời, chuẩn bị thuyền ghe kéo ra Đầm-hồng chờ đợi. Bỗng thấy một chiếc thuyền đương bị sóng gió dồn dập. Anh vội cùng đoàn thủy thủ lướt sóng tiến ra, nhìn vào trong khoang chỉ thấy có một bà lão ăn vạ ra dáng cung phi, đương nằm ngất xỉu! Anh bảo gia nhân dỡ sang thuyền mình đưa về tìm phương cứu tỉnh rồi anh đưa về phụng sự như mẹ già.

Sau một thời gian thì viên Tổng-dốc Quảng-dông có sai sứ giả sang ta nói rằng: Vị Thái-phu-nhân một hôm đáp thuyền ra bể, chẳng may bị nạn phong ba, nay coi thiên văn biết rằng Bà hãy còn sống, hiện ở địa phận nước Nam. Vậy xin quý quốc vì nghĩa lân bang, sai người tìm hộ, hẳn chức không giám quên ơn v.v..

Lúc ấy triều đình nhà Mạc tiếp được thư trên, cho thông sứ đi khắp các nơi, hứa rằng hễ ai tìm thấy sẽ được hậu thưởng. Nhận thấy lệnh trên, anh liền sắm sửa xe võng đưa Bà ra hiến tại kinh thành, Mạc chúa ban

thường rất hậu, và lại được bỏ quan chức, về sau phong tước đến Thao-Quốc-Công ! 趙國公.

Năm Thuận-bình thứ 8 (1556) Lê Trung-Tông mất, không có hoàng nam nối ngôi. Thế-Tổ do dự không biết lập ai, hỏi Trạng-nguyên Phùng-khắc-Khoan, cũng không quyết định nổi, nên mời phải sai gia nhân ngầm đem lễ vật về tận Hải-dương đề hỏi, ông không giả lời mà chỉ quay lại bảo các gia nhân rằng : « Vụ này lúa không được mấy, chỉ tại thóc giống không tốt, vậy các người phải đi tìm giống cũ để mà gieo mạ ». Nói xong ông lại lên xe ra chùa, sai các chú tiểu quét dọn đốt nhang, ngoài ra không hề dả động gì đến chuyện khác, bởi vì ông đã hơi tỏ cho biết cái thâm ý là « cứ việc thờ phật thì được ăn oản » đó. Rồi Trạng Phùng thấy thế vội vàng về báo, Thế-Tổ hiểu ngay, bèn đón Anh-Tông về lập, tình thế trong nước mới được ổn định.

Trong thời-gian ấy Đoàn Quốc-Công Nguyễn-Hoàng 阮濟 là con Chiêu-Huân Tĩnh-Vương, đương lúc ở trong tình-thế nguy-ngập vì sợ không thoát khỏi tay Trịnh-Kiểm, thân mẫu của người vốn dòng họ Phạm đã được tôn là Thánh-mẫu, nguyên quán ở làng Phạm-Xá thuộc huyện Tứ-Kỳ 四岐縣, với ông là chỗ đồng hương, nên thường bí mật sai người về làng nhờ ông chỉ giúp cho con giai bà một đường sống. Sứ giả đặt gói bạc nén ở trước mặt ông, rồi bái lạy lia lịa.

Ông thấy sứ giả năn nỉ xin mãi nhưng vẫn không nói gì, rồi đứng phắt lên, tay cầm chiếc gậy thủng thình ra lối vườn sau, là nơi có hơn 10 tảng đá xanh xếp thành một dãy núi giả (non bộ) quanh co, trước núi lúc ấy có những dàn kiến đương men tảng đá leo lên, ông ngắm nghĩa chúng một lát rồi mỉm cười và đọc một câu : « 橫山一帶可以容身 » Hoành-sơn nhất dải khả dĩ dung thân, nghĩa là một dãy Hoành-Sơn có thể dung thân được đó. Sứ giả hiểu ý trở về thuật lại với Nguyễn-Hoàng, Hoàng bèn xin vào trấn thủ Quảng-Nam, đến nay hùng cứ cả một vùng đó.

Lại như trong lúc ngày thường, ông cùng môn sinh là Bùi-thi-Cử 裴時舉 bói dịch ứng được quẻ càn, thế mà ông đã dự đoán rằng : chỉ sau 8 đời thì cuộc can qua nổi dậy, về sau quả đúng như lời, khoa học thần diệu thực không kể xiết.

Nói về môn sinh của ông sự thực không biết bao nhiêu mà kể, nhưng nói riêng về những người đã có tiếng tăm lừng lẫy thi có những ông như Phùng-khắc-Khoan, như Lương-hữu-Khánh, Nguyễn-Dữ và Trương-thi-Cử, đều đã nhờ ơn truyền thụ, số học từng đi đến chỗ uyên thâm, và sau đều là các bậc danh thần trong thời trung hưng.

Nhắc lại khi Phùng-khắc-Khoan 馮克寬 còn theo học Bạch-Vân Tiên-sinh, lúc thành tài rồi bỗng có một đêm

Tiên-sinh đến chỗ nhà trọ của ông, rồi Ngài gõ cửa bảo rằng: « Gà gáy rồi đấy ; sao anh chưa dậy nấu ăn, mà còn nằm ý ở đó », Khắc-Khoan hiểu rõ ý thầy nên vội thu xếp lên vào vùng Thanh-hóa, nhưng lại ăn cư với ông Nguyễn-Dữ 阮嶼 chứ chưa chịu ra làm quan, trong thời-gian nhàn rỗi ấy, Nguyễn-Dữ có soạn ra bộ Truyền-Kỳ-Mạn-Lục 傳奇漫錄; được ông phủ chính rất nhiều, cho nên mới thành một cuốn Thiên cò Kỳ bút. Coi đó ta thấy về việc đào tạo nhân tài để giúp cho bốn triều lúc ấy, phần lớn là nhờ ở Tiên-sinh vậy.

Còn như nói về cá nhân của Tiên-sinh, ta thấy Tiên-sinh là người có lòng khoáng đạt, tư chất cao siêu, xử sự hồn nhiên không hề có chút cạnh góc, ai hỏi thì nói không hỏi thì thôi, mà đã nói ra câu gì thực là bất di bất dịch, dấu rằng ở nơi thôn dã vui cảnh cúc tùng, hơn 40 năm mà lòng vẫn không quên nước, tắc dạ ưu thời mãn thế thường thấy chan chứa trong các vần thơ, văn chương viết rất tự nhiên không cần điều luyện, giản dị mà rất lưu loát, thanh đậm mà nhiều ý vị, câu nào cũng có quan hệ đến sự dạy đời. Riêng về thơ phú quốc ngữ, Tiên-sinh soạn cũng rất nhiều, trước đã xếp thành 1 tập gọi tên là Bạch-Vân thi-tập 白雲詩集, tất cả đến hơn ngàn bài, ngày nay sót lại độ hơn một trăm, và một thiên Trung-Tàn-Quán-Phú 中津館賦, còn thì thất lạc hết cả. Nhưng xem đại lược cũng toàn những thể gió mát giăng thanh, dấu ngàn

năm sau vẫn còn có thể tưởng tượng thấy vậy, thử coi những câu :

高潔誰為天下士？安聞我是地中仙。

Cao khiết thùy vi thiên hạ sĩ ? an nhàn ngã thị địa trung tiên. Nghĩa là :

Cao sạch ai làm thiên hạ sĩ ? Thanh nhàn ta cũng địa trung tiên, đó là mấy câu Tiên-sinh tự thuật chí hướng của mình thì đủ rõ vậy.

Nói về gia-đình Tiên-sinh có 3 thế thiếp, Bà chánh thất họ Dương hiệu là từ ý 揚慈然, quê ở Hải-dương cũng thuộc bốn huyện, nguyên là ái nữ của quan Hình-bộ Tả-Thị-Lang Dương-đức-Nhan 揚德顏.

Thứ phu-nhân họ Nguyễn hiệu là Nhu-Tĩnh 柔靖 Á-phu-nhân họ Nguyễn hiệu là Vi-Tĩnh 微靖, Tử tức cộng 12 người, 7 giai 5 gái, con trưởng hiệu là Hàn-Giang cư sĩ 寒江居士, được tập ấm hàm Trung-Trinh Đại-phu, rồi sau làm đến Phó-Hiến. Con thứ II hiệu là Túy-Am Tiên-Sinh 醉庵先生 phong hàm Triều-Liệt Đại-Phu, tước Quảng-nghĩa-Hầu, Con thứ III phong hàm Hiền-Cung Đại-Phu, tước Xuyên-Nghĩa-Bá, thứ IV là 純孚 Thuần-Phu, phong hàm Hoàng-nghị Đại-phu, tước Quảng-đô Hầu, thứ V là 純德 Thuần-Đức tước Bá-thứ Hầu, thứ VI là Thuần-Chính 純正, tước Thăng-Nghĩa Hầu, tất cả mấy người đều có lập được quân công. Rồi sau Hàn-Giang sinh ra Thiết-Đức 切德 Thiết-Đức sinh ra Đạo-Tấn 道進,

Tấn sinh ra Đạo-Thông 道通, Thông sinh Đãng-Doanh 登漢, Doanh sinh Thi-Đương 時當. Lúc ấy Thi-Đương đã 65 tuổi, sinh được 3 người con giai, đều là cháu 8 đời của Tiên-Sinh vậy.

Năm Vĩnh-Hựu nguyên niên (tức là năm Ất mao 1735) người trong làng nhớ tới thịnh đức của Tiên-sinh, có dựng hai tòa miếu ngay ở nền nhà của Ngài ngày trước, rồi người hàng Tổng vì nhớ ơn đức cũng đến xuân thu hằng năm thì tế tự Ngài; còn người trong họ là các ông Nguyễn-hữu-Lý 阮有理 vì sợ sau này gia phả sẽ bị thất lạc, nên có nhờ ta soạn một bài tựa, Ta đây sinh sản ở đất Hồng-Châu 兗州, đối với Tiên-sinh ngày trước dẫu là đồng hương, nhưng nay cách đã 190 năm rồi, thì còn biết đâu mà nói.

Tuy nhiên lúc còn thơ ấu cũng thường được nghe các bậc sư phụ nói chuyện về Ngài, thì cũng chỉ biết đại khái là Cụ Trạng Trình mà thôi, may sao về sau lại được cùng với các quan Đại-phu bình luận những bậc tiền hiền, thì mới biết thêm một vài phần nữa, cho nên vẫn thường ước vọng có dịp thuận tiện, về nơi quê của Tiên-sinh để tìm hiểu thêm nữa, nhưng vì việc quan bó buộc hóa nên chưa thực hiện được ý muốn đó thôi.

May sao đến năm Tân dậu niên hiệu Cảnh-Hung (1741). Ta vâng mệnh đi Hồng-Châu, nhận thấy cách chỗ nhà Tiên-sinh chỉ trong gang tấc, thì sự tới lui kẻ thực

dễ dàng, ngặt vì việc binh bề bộn, chưa có thì giờ vãn cảnh, hóa nên tiên cảnh ở ngay trước mắt mà vẫn cảm thấy xa xa.

Nhưng rồi đến năm nhâm-tuất, tức là mùa xuân năm sau, Ta lại phụng mệnh phải đi bồi trúc đê sông Nhị-Hà, thì mới có dịp tới coi tấm bia ở quán Trung-Tân, nhưng nét chữ đã mờ không thể đọc được, sau phải vào đền Bái-Yết, nhân tiện hỏi người cháu 7 đời của Tiên-sinh là Thi-Đương để xem hành trạng, thì cũng chẳng biết thêm được lấy nửa câu. Muốn tìm các bộ lão để hỏi thì sau cơn binh lửa, các vị cố lão cũng chẳng còn ai, duy có một viên hương ấp là 陳伯瑒 Trần-bá-Quang có biết sơ sơ về những việc trước, và ông lại cho coi bài phú quốc âm tức là bài văn bia ở quán Trung-Tân, với 1 bản sao Bạch-Vân Am Thi-Tập, rồi nhân đó mới tìm hỏi đến những danh tích như cầu Tràng-Xuân và cầu Nghinh-Phong, sau cùng lại viếng nơi cổ trạch, tới nơi còn thấy 3 gian nhà cỏ, Thi-Đương và con cháu hơn 10 người cùng ở trong đó.

Nhìn quang cảnh trên khiến ta sinh lòng hoài cảm, bồi hồi trông ra từ phía, thấy bên Tả am, trước mặt cái đầm lại có 4, 5 cái vụng, tất cả đến vài trăm mẫu, bề sâu độ một trượng dư, dứt rồi lại nổi chỗ thắt chỗ phi, gặp lúc chiều hôm, mặt gòir phản chiếu óng ánh sắc vàng, vì có khí thiềng chung đúc, hóa nên sản xuất ra bực dạt nhân, thực đúng với kiểu đất đã có câu rằng:

« 砚池水映 » Nghiên tri thủy ánh. Nghĩa là mặt hồ nghiên ánh nước lung linh vậy. Vì thế nên ta thần thờ ngậm vịnh chẳng muốn dời chân, muốn vì Tiên-sinh viết bài phở ký, nhưng vì quân vụ đương ngày khẩn cấp, còn phải đeo gươm nên đành gác bút để đợi một ngày khác vậy.

Đến năm quý Hợi (1743), vào khoảng mùa đông, Ta lại phụng mệnh ra dẹp bọn thủy khấu ở mạn ĐỒ-SƠN 塗山⁶, nhân lúc đóng quân ở trên sông tuyết 雪江 lại vào bãi yết đền thờ, hỏi bọn Thi-Đương cho xem tộc phả, mọi người đều nói : Trước đây đã trải bao phen loạn lạc, chẳng còn sót lại quyền nào, mãi đến tháng sau họ mới sưu tầm cho được mấy trương giấy rách, trong đó chỉ biên danh tính tiền nhân, ngoài ra chẳng có gì khác. Cho nên Ta phải thấu thái ý kiến mọi người rồi hợp với những điều đã được tai nghe mắt thấy trong lúc ngày thường, để viết nên một bài ký, còn việc sưu tầm những văn thơ của Tiên-sinh, rồi xếp thành thiên đóng thành tập, để lưu truyền cho hậu thế, thì còn đợi ở các bậc cao minh vậy.

Nhưng Ta nhận thấy Kỳ-Lân phượng-hoàng đầu phải là vật thường thấy ở trong vũ trụ, tất nhiên nó phải ra chơi ở vườn nhà Đường và núi nhà Chu thì nó mới là điềm tốt.

Còn như Tiên-sinh : sẵn có tư chất thông tuệ, thêm

vào đạo học thánh hiền, ví thử đặc thời đề mà thi thử sở học, chắc sẽ tạo ra được cảnh trị bình, thay đổi phong tục phù bạc thành ra lễ nghĩa văn minh. Thế mà trái lại : một người có đức đủ phò tá vương lại sinh ra giữa thời bá giả, thành ra sở học trở nên vô dụng, thực đáng tiếc thay !

Tuy nhiên đời dùng thì làm đời bỏ thì ần, đối với Tiên-sinh dù chẳng đặc dụng cũng có hề chi. Ta rất hâm mộ Tiên-sinh về chỗ đó. Thử coi sinh trưởng trên đất nhà Mạc, khi thử ra làm quan đề hành sở học, thì cũng muốn bắt chước đức Khổng-phu-Tử muốn vào yết kiến Công-Son Phất-Nhiều rồi khi biết rằng không thể giúp được mà vội bỏ đi thì lại muốn theo trí sáng của Trương-Lương đề hỏi thăm Xích-Tùng-Tử (赤松子).

Nay ta đọc những văn chương còn lại, khác chi nghe thấy những tiếng ném ngọc deo vàng, rực rỡ như mây năm sắc, sáng sủa như vừng thái dương, mà cái phong vị tắm sông Nghi hóng mát ở cầu Vũ-Vu của ông Tăng-Điền ngày trước, và cái phong thú yêu sen hái lan của tiền nho ngày xưa, hình như Ta được nhìn thấy Tiên-sinh và Ta được bài kiến ở trong giảng Trương. Bởi vì Tiên-sinh chẳng những chỉ tinh thâm một môn lý học, biết rõ dĩ vãng cũng như tương lai, mà sự thực thì trăm đời sau cũng chưa thấy có ai hơn được vậy.

Ôi ! ở trong thiên hạ các bậc quân vương các vị

hiền giả hỏi có thiếu gì, nhưng chỉ có lúc sống thì được phú quý vinh hoa, còn sau khi mất thì những cái đó lại cũng mai một đi với thời gian, hỏi còn ai nhắc đến nữa.

Còn như Tiên-sinh nói về thế hệ đã truyền đến 7, 8 đời, gần thì sĩ phu dân thứ nguơng vọng như bóng sao đầu trên trời, dấu cách ngàn năm cũng còn tưởng tượng như một buổi sớm, Xa thì sử giả Thanh-triều tên là Chu Xán (周 榮) nói đến nhân vật Lĩnh-Nam cũng đã có câu : (安南理學有程泉) An-Nam lý-học hữu Trình-Tuyền, tức là công nhận về môn Lý-học của nước An-Nam chỉ có Trình-Tuyền là người số một, rồi chép vào sách truyền lại bên Tàu. Như thế đủ biết Tiên-sinh quả là một người rất mực của nước ta về thời trước vậy.

Hậu học Ôn-Đình Hầu Võ-Khâm-Lân cần thuật.

Phụ chú : 公山弗捷 Họ Công-Sơn tên là Phất-Nhiều nước Lỗ giữ ập Phí 賈 làm phản, cho sứ đến triệu đức Khổng, Ngài đã toan đi nhưng sau lại thôi, thầy ở thiên Dương-Hóa 陽貨 trong sách Luận-ngữ 論語.

赤松子 Xích-Tùng-Tử là người tiên, Trương-Lương 張良 sau khi giúp vua Hán-Cao thành nghiệp đề rói, ông muốn lánh việc trần gian đề theo Xích-Tùng-Tử. Có thuyết nói Xích-Tùng-Tử làm quan Vũ-Sư 雨師 ở đời vua Thần-Nông 神農.

浴乎沂風乎舞雩 Dục hồ Nghi phong hồ Vũ-Vu, là

tắm ở sông Nghi rồi lên hóng mát ở nền Vũ-Vu, câu này là lúc đức Khổng-Tử hỏi chỉ hướng các học trò, rồi ông Tăng-Điêm trình bày như thế. Ngài than rằng ta cũng hợp ý với Tăng-Điêm (thầy ở sách Luận-Ngữ).

愛蓮 Ái liên là yêu sen, Chu-Liêm-Khê 周濂溪 đời nhà Tống, vì yêu sen nên có thuyết tả về sen là sinh ở nơi bùn lầy mà không nhiễm chắt dơ bẩn, quả thực thứ hoa quân tử vậy.

泰山北斗 Thái sơn bắc đầu, ông Hàn-Dũ đời nhà Đường 唐韓愈, đề cao văn chương của lục kinh, để làm căn bản cho các nhà nho, vì thế sau khi mất, các học giả coi như núi Thái-sơn và sao bắc đầu.

Bài số 27

Giải nghĩa

Câu 1 : *Thái* : Thịnh vượng, yên ổn, *Hòa* : hòa bình, *Vũ-trụ* : cuộc đời, *bát* : chằng, *Ngu Chu* : nhà Ngu, nhà Chu.

Câu 2 : *Hổ chiến* : đánh lộn, *Giao tranh* : tranh nhau, *Tiêu* : cười, *Lưỡng-thù* : hai kẻ thù.

Câu 3 : *Xuyên* : sông, *Huyết* : máu, *Sơn* : núi, *Hài* : hài cốt, *Tùy-xứ* : tới chỗ nào, *Hữu* : có.

Câu 4 : *Uyên* : cái đầm, *Ngư* : cá, *Tùng* : bụi rậm, *Tước* : chim sẻ, *Vị-thùy* : vì ai, *Khu* : đuôi.

Câu 5 : *Trùng* : hai lần, *Hưng* : dấy lên, *Di* : đã, *Bộc* : bói, *Độ-giang* : qua sông, *Mã* : ngựa.

Câu 6: *Hậu*: sau, *Hoạn*: lo, *Ung*: nên, *Phòng*: để phòng, *Nhập*: vào, *Thất*: nhà trong, *Khu*: loài gấu.

Câu 7: *Thê*: đời, *Sự*: việc, *Đáo-đầu*: đèn đầu, *Huru*: thời, *Thuyết*: nói, *Trước*: làm được.

Câu 8: *Túy*: say, *Ngâm*: ngâm thơ, *Trạch*: suối nước, *Bạn*: bên, *Nhiệm*: mặc ý, *Nhàn-du*: nhàn chơi.

Đại-ý

Câu 1-2: Quốc gia ngày nay chẳng còn trông thấy cảnh tượng hòa bình thịnh vượng như đời nhà Ngu nhà Chu ngày trước. (Ngu Thuần 虞舜 là một trong thời Ngũ-đê, Chu Văn-Vương 周文王 là một trong thời Tam-Vương), mà gây ra cuộc đấm chém lẫn nhau, nghĩ cũng nực cười thay cho hai kẻ thù ấy.

Câu 3-4: Khắp cả trong nước chỗ nào cũng thấy diễn ra cái cảnh xuong núi máu sông! vậy sao người ta chẳng nhớ lời thầy Mạnh-tử 孟子 đã dạy: « 為淵驅魚者獮也為叢驅雀者鷓也為湯武驅民者桀紂也. Vị uyên khu ngư giả Thát giả; Vị Tùng khu Tước giả chiến giả; Vị Thang Vũ khu dân giả Kiệt Trụ giả. »

Nghĩa là vì đấm sấu xua cá vào, tức là con rái đó; vì bụi rậm xua chim sẻ vào, tức là con chim cắt đó; vì vua Thang vua Vũ xua dân dên, tức là vua Kiệt vua Trụ đó. Thê sao mà lại cứ xua dân giúp cho ai?

Câu 5-6: Ngày nay cuộc Trùng hưng của quốc gia đã

dự đoán được cơ hội tốt để kéo binh mã sang sông? mặt trước dầu rằng thuận lợi; Nhưng còn mối lo ở mặt hậu, cũng phải đề phòng, kéo nữa lại mắc vào thè:

Cửa tiền vừa đuổi cọp đi.

Cửa sau lang sói tức thì tiền vô.

Câu 7-8; Than ôi! Non sông đến nỗi nước này? hỏi ta còn nói chi nữa! Thời thì ta hãy mượn chén tiêu sấu, ngâm thơ giải muộn, ngao du ở trên bờ suối để tìm lấy thú thanh nhàn vậy.



附 補 遺

PHỤ BỒ DI

Phụ chỗ thiếu sót

踵 姦 禮 唱 知 豪 傑

CHUNG GIAN LỄ XƯƠNG TRI HÀO KIỆT

Xương tiếng Giông Gian, biết là hào kiệt

Ngày xưa có nhà phú hộ hay di thừa kiện người làng, toàn là những việc vô lý, nhưng anh đem tiền đút lót, thành ra các quan phủ huyện cả đến Thừa Ty, chỗ nào cũng bình vực cho anh được kiện. Một hôm anh bảo thực cho người đã phi tồn về vụ kiện trước biết rằng: Tôi đây sinh trưởng ở nơi thôn dã trông thấy các quan thì cứ tưởng rằng các ông trong sạch ngay thẳng, chứ có ngờ đâu như thế. Rõ thực ngày thường thì coi các ông như là người trên thiên đình rơi xuống, ngày nay thì là một tên kẻ trộm mà có áo mũ cân đai đó thôi.

Rồi cách ít lâu, nhân gặp ngày lễ Tứ quý, anh cũng tới coi, hôm ấy các quan Phủ huyện Thừa Ty đều vào hành lễ, anh phú hộ đứng bên thấy viên diên lễ, xưng rằng: « Bá Quan tự vị » (Trăm quan tới chỗ mình đứng) Anh cũng xưng tiếp ngay rằng: « 踵 姦 就 位 » Giông gian tự vị, Bá quan kinh ngạc nhìn nhau, khi nhận ra mặt người

xướng sau đó tức là người đưa hối lộ cho mình ngày trước, thì chẳng còn ai dám nói năng gì, như vậy thì anh phú hộ đó cũng khá gọi là một tay hào kiệt, hiềm rằng tên họ đã bị thất truyền, cho nên không biết gốc tích ở đâu, thực đáng tiếc vậy.



陳國老世稱異術

TRẦN QUỐC LÃO THẾ XUNG DỊ THUẬT

Trần Quốc lão, đời khen là có thuật lạ.

Đền thờ Quốc-phụ ở xã Kiệt-dặc 傑特社 huyện Chí-Linh 至靈縣, tức là nền nhà cũ của vị quốc-phụ Thượng-Tê Trần-Quốc-Điển 陳國璣 triều nhà Trần. Nhà Ngài ở bên sông cái, người đời phao truyền rằng Ngài có thuật lạ, vì thấy những kỳ triều hội, lúc nhá nhem tối Ngài còn ở nhà, thế mà sáng mai thì Ngài đã có mặt ở nơi kinh-sư, nên ai cũng tưởng là có phép rút đất.

Nhưng sự thật thì lúc ấy con sông Thiên-đức chưa bị cát bồi, nước chảy rất mạnh, Ngài dùng thuyền nhẹ chèo đi vun vút, thì chỉ một đêm có thể ra tới kinh thành Thăng-Long, bởi thế nhiều người không biết thì cho rằng lạ, rồi sau khi Ngài mất, người ta dựng đền đề thờ, nhưng cũng vẫn thấy linh ứng. Vua Trần-Minh-Tông cũng thường ra thăm, chẳng may bị con ong vàng đốt ở mép bên tả rồi mất, tới nay những lúc cầu nắng đảo mưa, cũng thường ứng nghiệm

Tục truyền rằng : một năm gặp kỳ đại hạn, làng sở tại và dân tổng khác ở bên đây sông góp tiền làm lễ đảo

vũ, nhưng làng Quảng-Trần thì bảo nhau rằng : miếu của
tông khác, lại ở về bên kia sông cái, cho nên không chịu
góp tiền. Thế rồi sau khi lễ đảo thì giời đổ mưa như trút,
nhưng chỉ mưa bên bắc ngạn, còn bên nam ngạn thì giời
vẫn nắng chang chang. Vì thế ai cũng cho rằng sự lạ.



麗奇嶺鼓鐘顯異

LỆ-KỶ LĨNH CỒ CHUNG HIỀN DI

Núi Lệ-Kỳ chuông trống hiển linh

Núi Lệ-Kỳ ở xã Kiệt-dặc 傑特社 huyện Chí-Linh 至靈縣, có một ngôi chùa ở lưng chừng núi gọi là Lệ-Kỳ-Tự, đi cách xa độ một ngày đường, còn trông thấy như ở trước mắt. Sau chùa có dòng suối lạnh là mộ của sư Vô-Kỷ ở đó, người ta đồn rằng : lúc qua chân núi thường nghe trong chùa có tiếng chuông trống, nhưng lúc trèo lên thì lại im lặng như tờ, cho nên người đời mới nghĩ là thần linh trong núi hiển phép lạ vậy.



獨尊山雲雨繫腰

ĐỘC-TÒN SƠN VÂN VŨ TẠC YÊU

Độc-tòn sơn mây mưa đục thủng sườn núi

Nùng-Sơn 凍山 ở xã Nam-Giản 南澗 thuộc huyện Chí-Linh 至靈, triều đình thời trước các vua thường ra viếng cảnh, thấy ngọn núi ấy cao lớn hơn cả, nên mới ban tên là Độc-Tòn-Sơn. Nguyên ngọn núi này nguy nga chót vót, thanh tú nhất trong dãy núi của địa-phương, thế mà gần đây vào năm kỷ vị, bỗng có một hóm ngay giữa

ban ngày, gió mưa nổi lên, mây đen mù mịt, sấm sét ầm ầm. Chỉ trong chốc lát, người ta trông thấy khoảng lưng chừng núi, nất toang ra hơn 10 lô, chiều sâu đến 3, 4 thước. nhân thế mới bịa đặt ra truyện thủy thần giáng nước lấy ngọc, thành ra câu truyện quái đản. Nhưng rồi chẳng được bao lâu thì địa-phương ấy có loạn, hoặc giả cũng là điềm gởi báo trước đó chăng.



扶桑庵長老往遊

PHÙ-TANG AM TRƯỞNG LÃO VÃNG DU.

Chùa Phù-Tang Trưởng lão qua chơi.

Chùa Phù-Tang ở xã Cồ-Trâu 古鄒社 huyện Chí-Linh 至靈, quốc triều niên hiệu Thái-Hòa, Trưởng-Lão Thuyền-Sư từ núi Đông-Cứu 東究山 thường qua chơi tại đó, truyện này thấy ở văn-bia chùa Cứu, do Cúc-Pha tiên-sinh soạn thảo 菊坡先生, và cuốn Phong-thổ-ký của Văn-Phạm Công 文範公 cũng có chép rằng: 泉自油油坦扶桑. Nẻo tự du du đất Phù-Tang, và câu 行鮮於柳尋術急: Hàng tươi ở liễu tìm về gấp, tức là nơi này vậy, (hai câu trên thực là khó hiểu).

大悲寺北人所建

ĐẠI-BI TỰ BẮC NHÂN SỞ KIẾN

Chùa Đại-bi người Tàu xây dựng

Chùa này ở xã Hùng-Khê 雄溪社 huyện Chí-Linh 至靈, chùa có 1 gian với 2 nhà giải võ làm rất kiên cố, một cây cột phía trước có 2 hàng chữ cò, 1 hàng viết 4 chữ « Đại-bi-thuyền-Tự » 大悲禪寺, 1 hàng viết 洪德二十七年仲秋造, Hồng đức nhị thập thất niên trọng thu tạo, Hồng-đức (năm thứ 27) tháng Trọng thu (tháng 8) dựng nên.

Tục truyền đó là người Tàu xây cất, rồi về sau trải bao nhiêu cơn binh hỏa mà ngôi chùa ấy vẫn còn nguy nga đứng vững một mình.



澧江文遠竄鯉魚

LỒ-GIANG VĂN-VIỆN SOÁN NGẠC NGƯ.

Ông Văn-Viển đuổi cá sấu ở sông Lô.

Quan Thượng-Thư Nguyễn - công - Thuyền 阮公恠, người xã Tam-Tổng 三總社 huyện Thanh-Lâm 青林縣, lúc ấy ở trên sông Lô có con cá sấu, hoàng thượng sai ông làm văn đuổi đi rồi nó trốn đi nơi khác, nhân thế nhà vua mới ban cho ông cái tên họ Hàn (dễ vì với ông Hàn-Dũ ở bên Tàu cũng làm văn tế ngạ cư ngày trước).

地山亢紫朝白鴈

PHAO SƠN HUYỆT ÁN TRIỀU BẠCH NHAN

Huyệt ở Phao sơn trước mặt có nhạn trắng châu về

Thành Phao-sơn ở xã Phao-sơn huyện Chi-Linh 至靈. Sử ký nói thành Chi-Linh tức là đây vậy. Thành này nhân có thể núi bao quanh mà đắp nên, rộng độ hơn 500 trượng (200 m²), đắp từ thời nhà Minh vào khoảng năm Vĩnh-Lạc, nền cũ hầy còn lảng thoảng. Có thuyết nói rằng nơi ngẩn và hẹp là phần nhà Minh đắp, còn nơi rộng lớn là phần nhà Mạc đắp vào năm Khang-hựu, nhưng đều không thể khảo chứng được.

Nguyên bên trong thành có một ngôi chùa rất thiêng, ngày xưa giặc cỏ thường chiếm cứ ở đó, rồi khi quan quân đến đánh dẹp cũng đóng đồn ở trong thành, làm cho thành đó biến thành một bãi chiến trường.

Cứ như tục truyền thì phía nam thành là ly sở Thừa Ty của triều đại trước, dưới chân núi còn có dấu tích của trường thi hương, tới khoảng niên hiệu Hồng-Đức Lã-đương Tiên-sinh (呂塘先生) khi nhậm chức Tham-chánh-Sứ tỉnh Hải-Dương, trong tập sáng tác của ông còn chép những thiên Hải-Dương Tức-sự 海陽即事, Triền-dương-lão-nhạn 塵陽老鴈 v.v... đều là những thể ca vịnh phong vật của địa-phương, mà cả đến cuốn Chi-Linh phong-thò-

ký của Văn-Phạm-Bá 至靈風土記, 文苑伯 cũng có nói rằng: 蓬池園准治承司, 新崗園場施辨試. Bên sông có chốn Tri-Thừa Ty, dưới núi có trường thi hương thí, như thế cũng là một chứng cứ vậy.

Nói về hình thế, thành này về phía đông nam có nổi hai đoạn bạch sa, 1 đoạn ở sát chân núi, dài mấy chục thước, 1 đoạn ở trước mặt núi dài đến mấy dặm, đoạn nhỏ trông hình như con nhạn trắng, đứng gần trông như sắc bạc, đứng xa trông như thủy ngân, ngôi mộ tổ của họ Kim-Đôi 金堆 cũng lấy nó làm án, tương truyền là do thầy Tàu táng họ, có dự đoán rằng: «白鴈生毛, 產盡英豪». Bạch nhạn sinh mao, sản tận anh hào, nghĩa là: Nhạn trắng mọc lông, mới hết sinh anh hào, vì lấy cỏ là đất đó không mọc được cỏ, trái lại bao giờ cỏ mọc thì mới hết anh hào vậy.

Nay ta xét lại ngôi mộ đó thì long mạch từ phương xa thăm kéo tới, không thể biết rõ, vậy hãy dõi từ dãy núi lớn kéo xuống, đột ra một trái núi là Nộn-Sơn hình tròn như hạt minh châu, trên ngọn có khai một cái huyệt tục gọi là huyệt khai oa, nhưng nay đã mất tích, bên ngoài thì bờ đê đứng song song ở phía Tây nam, nước hà-tu (râu tôm) hợp ở trước mặt, có núi làm án, thủy làm minh đường, án chính là bạch-nhạn-sa quay đầu triều về, đứng chỗ ngôi mộ mà trông thực là đủ thế tốt đẹp vậy.

Đời lại truyền ngôn rằng: Ông Tổ họ Kim-đôi ngày

xưa lấy vợ họ Hoàng ở xã An-Lạc tiếp giáp với xã Phao-sơn, huyết đó do thầy Tàu diễm họ, rồi họ Nguyễn đem mộ tổ táng vào huyết đó, từ ấy tới nay trải đã hơn 300 năm, thế mà trong họ vẫn còn kế tiếp khoa bảng. Cứ trong kiêu đất ngày xưa để lại thì ở Phao-sơn có kết hai huyết, 1 huyết phát vạn đại công thần, 1 huyết phát vạn đại văn chương, mà ngôi mộ họ Nguyễn là huyết phát văn chương đó.



補遺以下

BỒ DI DI HẠ

Từ đây trở xuống, bỏ vào chỗ thiếu

上洪唐安烈女碑

THƯỢNG-HỒNG ĐƯƠNG-AN LIỆT NỮ BI

Văn-bia liệt nữ xã Thượng-hồng, Đương-an.

Khoảng niên hiệu Hồng-Đức, Thân-nhân-Trung 申仁 忠 công soạn hộ bài văn bia đại lược như sau : Đạo cương thường đứng sừng trong khoảng trời đất, muôn thuở cũng như một ngày, mưa gió đời xuân thu cũng không lay chuyển, can qua đời chiến quốc cũng vẫn vững vàng. Tần đốt không cháy, Hán phá không tan, khôn biến ra

phong tục mọi rợ, chẳng lầy với thói thường điều ngoa, rộng lớn ngang vũ trụ, lâu dài sánh càn khôn, cho nên đời dẫu có lúc thịnh lúc suy, vật có thứ cũ thứ mới, nhưng riêng tiết nghĩa thì vẫn chẳng vì thế mà đổi khác.

Tức như nghĩa liệt của tiết phụ đời nay, thực là sáng rực trên dưới, tràn lan xa gần. Thế thì ngàn muôn đời đã qua, hay ngàn muôn đời sắp đến, đem so sánh lại chỉ có một lẽ mà thôi, gần thì ở nơi đó hội trung châu, xa thì đông tây nam bắc, nhìn nhận cho kỹ cũng chẳng hai đường, vì thế nên cái lâu này đã mới thì lại mới thêm, đời mới cứ phải mới mãi.

Nhưng há chỉ nói một chữ mới mà thôi đâu. Triều đình sở dĩ có ý làm vinh hiển người đó, làm mới cái lâu đó, để cho thiên hạ cổ kim, những kẻ làm tôi ; làm con, làm vợ đều phải đem lòng ngưỡng vọng, sao cho trọn đạo nhân luân, để hợp với thịnh thế và đạo đại trung, há chỉ riêng có cửa nhà họ Phạm mà thôi đâu.

Thế thì những ai đi qua mà nhìn vào cái biển ấy không thề không biết cái ý sâu ấy vậy. Nay ở xã Phù-Ứng vẫn còn cái tấm bia cổ đó.



Phụ vào trương 37 trên

Quốc triều Quan-Phục hầu Úc-Trai Tiên-sinh Nguyễn-Trãi, người làng Nhụy-kê huyện Thượng-phúc, Khi Lê

Thái-Tồ binh định thiên hạ, bao nhiêu văn thư hiệu lệnh, đều do Tiên-sinh thảo soạn. Trong bài Binh-Ngô đại-cáo có câu rằng: «送今宣德之校量, 跋兵無厭» (Tuyên-Đức 宣德 là tên hiệu vua nhà Minh) Toại linh Tuyên-Đức chỉ đảo đồng độc binh vô yếm» nghĩa là khiến tên trẻ ranh Tuyên-Đức động binh không chán, vì ghét quân nhà Minh tàn sát dân ta, cho nên mới gọi tên hiệu vua nhà Minh để xỉ nhục, Người Minh đọc đến câu đó có phê vào rằng: «作此文者子孫必不全» Tác thử văn giả tử tôn tất bất toàn nghĩa là: Người soạn bài văn này con cháu ắt không toàn, vẹn, về sau Tiên-sinh vì Thị-Lộ gieo vạ, ai cũng bảo là ứng nghiệm không sai. (氏路) Nguyên Thị-Lộ là thư thiếp của Tiên-sinh, tục truyền Thị là con rắn quái hóa thân, lúc nhỏ văn thơ rất lưu loát lại sở trường về thơ quốc âm dường luật, ngày thường cùng với Tiên-sinh xướng họa có tới hàng mấy trăm bài, tiếc rằng không lưu truyền lại được mấy, thử coi bài thơ Tiên-sinh xướng lên có vện «tinh» mà thị họa lại như sau: 大丈夫龜大丈夫志, 兒女子非兒女子情, Đại trượng phu miên đại trượng phu chí; Nhi nữ tử phi nhi nữ tử tình. Nghĩa là: Đại trượng phu gắng chí đại trượng phu, Nhi nữ tử chẳng phải tinh nhi nữ tử, coi đó đủ biết khẩu khí như thế nào, bởi thế nên về sau mới đem tai họa lại cho Tiên-sinh vậy.



Triều nhà Trần ông Đặng-thời-cử 鄧時舉 người xã Tỳ-bà 琵琶社 huyện Lương-Tài, 良才縣 làm quan đến chức Hiến phó, tức là dòng dõi của Đoàn-nhữ-Hải, 段汝諧 lúc vào dự kỳ thi sĩ vọng, đầu đề ra rằng 光武天子 陵高詩. Quang-Võ đại Tử-lăng cao Thi, câu kết ông viết : 唐虞著德箕山節, 帝以之先生以之, Đường Ngu trước đức, Cơ-sơn tiết, đế dĩ chi, Tiên-sinh dĩ chi. Nghĩa là : nhà Đường nhà Ngu tức vua Nghiêu vua Thuấn có đức sáng, thì ở Cơ-sơn cũng có bậc cao như Sào-Phủ và Hứa-Do 巢父許由 giữ vững tiết tháo, ngày nay Hoàng-đế cũng thế mà Tiên-sinh cũng giống như thế. Câu này được quan trường tán thưởng hơn cả.

— HẾT —

BẢNG KÊ

SÁCH BÁO GIÁO - KHOA DO BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

SÁCH ĐẠI-HỌC

Việt-Nam Dân-luật khái-luận	Vũ-văn-Mẫu	130\$
Luật Thương-mãi toát-yếu (tập II)	Lê-tài-Triển	60\$
Đạo-đức-kinh — Lão-tử	Nghiêm Toàn	70\$
Cây cỏ miền Nam Việt-Nam	Phạm-hoàng-Hộ	150\$

SÁCH TRUNG-HỌC

Danh-từ kỹ-thuật	Bộ Công Chánh	30\$
Thê-giới Sử Đệ Nhất	Tăng-xuân-An	50\$
Công-dân Đệ Thất (in lần thứ II)	Nguyễn-văn-Trung	16\$
	Nguyễn-nam-Châu	
	Cao-hữu-Hoành	
	L.M. Cao-văn-Luận	
	L.M. Cao-văn-Thích	
	Lê-Tuyên	
Công-dân Đệ Lục (in lần thứ II)	—nt—	16\$
Công-dân Đệ Tam (in lần thứ II)	Phạm-thị-Tự	28\$
	Lê-xuân-Khoa	
	Trần-trọng-San	
Nữ thi-hào Việt-Nam	Phạm-xuân-Độ	22\$
Văn-học Việt-Nam	Dương-quảng-Hàm	35\$

Việt-văn độc bản Đệ Tam (in lần II)	Trần-trọng-San	20\$
Việt-văn độc bản Đệ Nhị (in lần II)	Trần-trọng-San	32\$
	Đàm-xuân-Thiếu	
Triết-học đông Phương	Nguyễn-đăng-Thục	20\$
Lịch-sử Triết-học Đông phương	— nt —	120\$
Tâm-lý ứng-dụng (in lần thứ II)	Phạm-xuân-Độ	30\$
Dân-ca Việt-Nam	Nguyễn-hữu-Ba	35\$
Hóa-học Đệ Tam (in lần thứ V)	Phạm-đình-Ái	25\$
Hóa-học Đệ Nhất (in lần thứ V)	— nt —	40\$
Vật-lý thực-hành Đệ Tam	Bùi-phượng-Chi	20\$
Thực-tập Vật-lý Đệ Nhị	Bùi-phượng-Chi	20\$
Thiên-văn học Đệ Nhất	Đặng-văn-Nhân	30\$
Hình-học họa-hình Đệ Nhất	— nt —	30\$
Sở học Đệ Nhất	— nt —	35\$
Đại-sở học Đệ Nhất	Nguyễn-bá-Cường	25\$
Kỹ-thuật điện-kính	Nguyễn-văn-Chính	15\$
Anh-văn Đệ Thất	Nguyễn-đình-Hòa	40\$
Thượng-chi văn tập I	Phạm-Quỳnh	35\$
Thượng-chi văn tập II	— nt —	35\$
Thượng-chi văn tập III	— nt —	35\$
Thượng-chi văn tập IV	— nt —	35\$
Thượng-chi văn tập V	— nt —	35\$

SÁCH DỊCH

Cung-oán ngâm-khúc (dịch ra Pháp văn)	T.L. Huỳnh-k-Dụng	28\$
Chinh-phụ ngâm-khúc (dịch ra Pháp văn)	— nt —	40\$

Đạo-đức học (Ethique de Nicomaque)	Trịnh-huy-Tiền	75\$
Tiếng cười (Le rire)	Phạm-xuân-Độ	32\$
Can Địch (Candide)	— nt —	45\$
Xã ước (Du contrat social)	Nguyễn-hữu-Khang	35\$
Nhập-môn nghiên-cứu y-khoa thực-nghiệm (tập I)	Trần-văn-Bàng	30\$
(Introduction à l'étude de la Médecine expérimentale)		
Nhập-môn nghiên-cứu y-khoa thực-nghiệm (tập II)	— nt —	50\$
Kháng-biện luận về tu-từ pháp (Gorgias)	Trịnh-xuân-Ngạn	48\$
Vạn-pháp tinh-lý (L'esprit des lois)	—nt—	30\$
Ô. Thị-Trưởng Casterbridge (The Mayor of Casterbridge)	Ô. Bà Nguyễn-đ-Hải	12\$
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'âme : genre moral)	Trịnh-xuân-Ngạn	60\$
Xứ người mù (The country of the Blind)	L.M. Trần-phúc-Vy	10\$
Đất chết dần La terre qui meurt của René Bazin)	Trương-đình-Nga	55\$
Một phát-giác hãi hùng (A frightful Discovery from Typee)	L.M. Hoàng-q-Trương	6\$
Người đánh xe ngựa (The Hack Driver)	—nt—	5\$
Lê-triều giáo-hóa điều luật — Tứ thập thất điều	Trần-Khải-Văn	25\$

juật. — Tứ thập thất điều.	Trần-khai-Văn	25\$
Lê-triều lịch-khoa tiên-sĩ để danh bi ký (tập I)	Võ-Oanh	85\$
Lê-Triều lịch-khoa tiên-sĩ để danh bi ký (tập II)	—nt—	75\$
Công-dư tiếp-ký (tập I)	Nguyễn-đình-Diệm	50\$
Quốc Triều đấng-khoa lục	Lê-mạnh-Liêu	80\$
Những suy-niệm siêu-hình học	L.M. Trần-thái-Đình	50\$
Luận-ngữ	Lê-phục-Thiện	95\$
Lịch-đại danh-hiến phổ	Nguyễn-thượng-Khôi	50\$
Cơ-học Đệ Nhất	Nguyễn-xuân-Vinh	35\$
Tang-thương ngẫu-lục	Đạm-Nguyên	75\$
Tân-biên Truyền-kỳ mạn-lục	Bùi-xuân-Trang	80\$
Công-dư tiếp-ký (tập II)	Nguyễn-đình-Diệm	40\$
Lê-triều lịch-khoa tiên-sĩ để danh bi ký (tập III)	Võ-Oanh	70\$
Bên bờ sông xanh	Nguyễn-văn-Mừng	22\$
Công-dân Đệ Tứ	{ Phạm-thị-Tự — Trần-t. San	10\$
Công-dân Đệ Nhị		
Mũi tên đen	Nguyễn-dăng-Hải	25\$
Việt-Nam văn-học sử-yêu	Dương-quảng-Hàm	50\$
Việt-Nam dân-luật lược-khảo	Vũ-văn-Mẫu	120\$
Việt-Nam thi-văn hợp-tuyển	Dương-quảng-Hàm	30\$
Vật-lý Đệ Tam A B	Bùi-phương-Chi	38\$
Hóa-học Đệ Nhị	Phạm-đình-Ái	40\$
Vật-lý Quang-học Đệ Nhị	Bùi-phương-Chi	30\$

Văn-đề giáo-dục (Emile)	Cô Lý-Hoa	60\$
Tom Walker với quỳ sứ	Nguyễn-văn-Tạo	8\$
Silas Marner	Nguyễn-văn-Tạo	11\$

SÁCH TIÊU - HỌC

Quan-sát lớp Ba	Một nhóm giáo-viên	10\$
Toán-pháp lớp Nhật	— nt —	14\$
Quốc-Sử lớp Tư (in lần thứ II)	Phạm-văn-Trọng	18\$
	Huỳnh-văn-Đó	18\$
Địa-lý lớp Tư	(Trần-trọng-Phan	14\$
	(Phạm-văn-Vệ	
	(Văn-công-Lầu	
	(Lưu-văn-Lê	
Công-dân lớp Năm (C.N.)	(Nguyễn-trí-Phùng	14\$
	(Đặng-văn-Nghiệp	
	(Huỳnh-công-Tú	
	(Lê-văn-Lực	
	(Phạm-thành-Gia	
Công-dân lớp Tư (C.N.)	— nt —	18\$
Công-dân lớp Ba (H.S.)	Văn-công-Lầu	18\$
	Huỳnh-công-Tú	
	Phạm-văn-Vệ	
Công-dân lớp Ba (C.N.)	— nt —	
Vệ-sinh lớp Năm (H.S.)	Nguyễn-huy-Côn	16\$
	Nguyễn-văn-Hòa	
	Lê-Hình-Huyền	
	Bùi-văn-Bảo	

MỤC - LỤC

	<i>Trang</i>
— Hoàng-Giáp Đông-công-Hăng.	5
— Đông-các Nguyễn-Công Xuân-Quang	11
— Trạng-Nguyên Phạm-Công Duy-Tri.	13
— Thượng-thư trí-sĩ Toàn-quận-Công.	18
— Dương - Công - Tôn.	29
— Nguyễn-Công Thọ-Xuân.	34
— Nguyễn-Công Quang-Trạch.	42
— Nguyễn-Công-Đặng.	44
— Nguyễn-Công Đăng-Cào.	47
— Nguyễn-Công Quí-Đức	51
— Thượng-thư Lê-Công Anh-Tuần	63
— Lê-Công-Hy	66
— Lương-Hữu-Khánh	68
— Võ-Duy-Đoán.	70
— Giáp-Hải-Công	72
— Hà Bạng-Nhãn	74
— Nguyễn-Duy-Thì	76
— Trạng-Nguyên Nguyễn-giản-Thanh.	77
— Chí-khi dữ Thượng-Thư Nghiêm-Son-Hầu tướng - tự	78
— Võ Thám-Hoa Ký thi thành sấm.	79
— Nguyễn Thượng-Thư thi khẩu thành chương.	80

— Thượng-Thư Võ-thoát-Dĩnh.	82
— Trung - Hưng - Hậu Văn-thê ích ti.	84
— An - Bài xã dân từ khả hủy.	87
— Mộng-ký.	90
— Tài-tử — Lê-Phi	119
— Tiên-thích — Hương hải tự.	123
— Thần-tử — Nhân-Huệ từ	126
— Cao-Sơn-Vương nhân-hiệu thần y.	128
— Sơn-Xuyên — Thâu-ngọc kiều	130
— Sản châu tinh, cổ xưng thượng phẩm	135
— Huyền-thiên-động	137
— Bạch-vân-Am cư-sĩ Nguyễn-công Văn-Đạt phổ ký	139
— Chúng gian lễ xướng tri hào-kiệt.	161
— Trần-Quốc lão, thê xưng dị thuật.	163
— Lệ-Kỳ linh Cổ Chung hiển-dị.	165
— Đại bị tự bắc nhân sở kiến.	167
— Lô-giang Văn-Viễn soạn ngọc-ngư.	167
— Phao-Sơn huyết án triều bạch nhạn	168
— Thượng-Hồng Đường-An liệt-nữ bị.	170



Đính - chính

TRANG	DÒNG	IN SAI	SỬA LẠI
7	23	đêh	đen
19	3	邱 khâu	仰 ngưỡng
50	6	trước cửa	trước cửa
53	25	樂 lạc	傳 phó
56	19	余 thân	余 mà
57	23	祀	祀 trê
108	23	盞 hạp	盞 cái
109	18	Bình-nan	Bình than
110	3	時 ngày	時 thì
110	6	Bình-nan	Bình than
135	2	xư g	xưng
137	18	貨 thái	貸 hóa

ÁN-HÀNH TRONG KHUÔN-KHÒ
CHƯƠNG-TRÌNH HỢP TÁC
GIỮA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
VÀ PHẢI-BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ
—— TÀI VIỆT-NAM ——

